Chân trời sáng tạo

ĐỖ XUÂN HỘI (Tổng Chủ biên) – NGUYỄN THỊ THU HẰNG (Chủ biên)
LƯU PHƯƠNG THANH BÌNH – TRẦN THỊ THU HIỀN
LÝ KHÁNH HOA – MAI THỊ KIM PHƯỢNG

TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

Sách giáo viên

2



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

ĐỖ XUÂN HỘI (Tổng Chủ biên) – NGUYỄN THỊ THU HẰNG (Chủ biên)
LƯU PHƯƠNG THANH BÌNH – TRẦN THỊ THU HIỀN
LÝ KHÁNH HOA – MAI THỊ KIM PHƯỢNG

TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

Sách giáo viên

2



Chân trời sáng tạo

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chân trời sáng tạo

LỜI NÓI ĐẦU

Sách giáo viên **Tự nhiên và Xã hội 2** (Bộ sách: Chân trời sáng tạo) được biên soạn song hành với sách giáo khoa nhằm mục đích:

– Diễn giải những ý tưởng thể hiện trong sách giáo khoa, giúp người dạy có định hướng rõ trong việc thiết kế nội dung bài học cũng như xác định các yêu cầu cần đạt trong quá trình tổ chức việc dạy và học.

– Gợi ý kịch bản để giáo viên tổ chức hoạt động dạy và học, bảo đảm tốt nhất việc hình thành và phát triển cho học sinh các phẩm chất và năng lực đề ra trong Chương trình tổng thể đồng thời với các năng lực đặc thù của môn học: năng lực *Hình thành nhận thức*, năng lực *Tìm hiểu sự vật, hiện tượng*, và năng lực *Vận dụng kiến thức*. Để đạt được các mục tiêu trên, các hoạt động dạy và học phải được thực hiện dựa trên quan điểm xem **người học là trung tâm**: Dạy học tích hợp, Dạy học theo chủ đề, và Tích cực hoá hoạt động của học sinh.

– Cung cấp một số tư liệu giúp giáo viên có thêm nguồn tham khảo và mở rộng bài dạy.

Tương tự sách giáo khoa, cấu trúc sách giáo viên gồm 29 bài, được sắp xếp thành 6 chủ đề:

Chủ đề 1: **Gia đình**

Chủ đề 2: **Trường học**

Chủ đề 3: **Cộng đồng địa phương**

Chủ đề 4: **Thực vật và động vật**

Chủ đề 5: **Con người và sức khoẻ**

Chủ đề 6: **Trái Đất và bầu trời**

Cấu trúc mỗi bài gồm các phần: *Mục tiêu, Thiết bị dạy học, Hoạt động dạy học*. Nội dung sách gợi ý trình tự các bước dạy cho từng bài học, được tác giả trình bày khá chi tiết nhằm tạo thuận lợi cho giáo viên trong quá trình tổ chức các hoạt động hướng dẫn học sinh hoàn thành bài học.

Các tác giả đã biên soạn sách với nhiều nỗ lực về mặt sư phạm, nhưng chắc không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp từ bạn đọc.

NHÓM TÁC GIẢ

Chân trời sáng tạo

MỤC LỤC

Lời nói đầu 3
Mục lục 4

Phần một: GIỚI THIỆU CHUNG 5

Phần hai: HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC 18

Chủ đề: GIA ĐÌNH

Bài 1: Các thế hệ trong gia đình 18
Bài 2: Nghề nghiệp của người thân trong gia đình 22
Bài 3: Phòng tránh ngộ độc khi ở nhà .. 26
Bài 4: Giữ vệ sinh nhà ở 30
Bài 5: Ôn tập chủ đề Gia đình 33

Chủ đề: TRƯỜNG HỌC

Bài 6: Một số sự kiện ở trường em 36
Bài 7: Ngày Nhà giáo Việt Nam 38
Bài 8: An toàn và giữ vệ sinh khi tham gia các hoạt động ở trường 42
Bài 9: Ôn tập chủ đề Trường học 48

Chủ đề: CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Bài 10: Đường giao thông 50
Bài 11: Tham gia giao thông an toàn 54
Bài 12: Hoạt động mua bán hàng hoá 58
Bài 13: Ôn tập chủ đề Cộng đồng địa phương 64

Chủ đề: THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT

Bài 14: Thực vật sống ở đâu? 67
Bài 15: Động vật sống ở đâu? 71
Bài 16: Bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật 75
Bài 17: Thực hành tìm hiểu môi trường sống của thực vật và động vật ... 79
Bài 18: Ôn tập chủ đề Thực vật và động vật 82

Chủ đề: CON NGƯỜI VÀ SỨC KHOẺ

Bài 19: Cơ quan vận động 85
Bài 20: Chăm sóc, bảo vệ cơ quan vận động 89
Bài 21: Cơ quan hô hấp 93
Bài 22: Chăm sóc, bảo vệ cơ quan hô hấp 96
Bài 23: Cơ quan bài tiết nước tiểu 100
Bài 24: Chăm sóc, bảo vệ cơ quan bài tiết nước tiểu 104
Bài 25: Ôn tập chủ đề Con người và sức khoẻ 108

Chủ đề: TRÁI ĐẤT VÀ BẦU TRỜI

Bài 26: Các mùa trong năm 111
Bài 27: Một số hiện tượng thiên tai 117
Bài 28: Phòng tránh rủi ro thiên tai 121
Bài 29: Ôn tập chủ đề Trái Đất và bầu trời 125

PHẦN MỘT

GIỚI THIỆU CHUNG

1. GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 2

1.1. Quan điểm biên soạn sách giáo khoa môn Tự nhiên và Xã hội ở cấp Tiểu học nói chung và ở lớp 2 nói riêng

a. Đảm bảo sự phù hợp với mục tiêu giáo dục tiểu học và chương trình môn học

Sách giáo khoa (SGK) môn Tự nhiên và Xã hội nói chung và ở lớp 2 nói riêng được biên soạn theo định hướng góp phần hình thành, phát triển ở học sinh (HS) các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung quy định trong Chương trình tổng thể. Đồng thời, đáp ứng các yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù của môn học như: năng lực Nhận thức khoa học, năng lực Tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh và năng lực Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. Bên cạnh đó, thông qua các hoạt động học tập, sách góp phần hình thành và phát triển ở HS tiểu học tình yêu con người, thiên nhiên, đức tính chăm chỉ; ý thức bảo vệ sức khoẻ của bản thân, gia đình, cộng đồng; ý thức tiết kiệm, giữ gìn, bảo vệ tài sản; tinh thần trách nhiệm với môi trường sống.

b. Chú trọng quan điểm dạy học tích hợp

Tiếp cận quan điểm dạy học tích hợp, SGK Tự nhiên và Xã hội 2 được xây dựng theo cấu trúc chủ đề. Nội dung các chủ đề xoay quanh mối quan hệ giữa Tự nhiên – Con người – Xã hội trong một thể thống nhất, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, trong đó con người là trung tâm của các mối quan hệ trong tự nhiên và xã hội. Cấu trúc này tạo điều kiện thuận lợi để người học có nhiều cơ hội hơn trong việc vận dụng, gắn kết kiến thức bài học với thực tiễn, nâng cao năng lực giải quyết vấn đề.

Bên cạnh đó, sách còn chú trọng khai thác mối quan hệ tích hợp liên môn giữa chương trình môn Tự nhiên và Xã hội với các môn học khác, đặc biệt là môn Tiếng Việt, Đạo đức, Giáo dục thể chất, Nghệ thuật và Hoạt động trải nghiệm. Mối quan hệ này được thể hiện thông qua sự phối hợp giữa nội dung và gợi ý thể hiện cách thức tham gia và thực hiện các hoạt động học tập của người học.

c. Nhấn mạnh đến quan điểm lấy người học là trung tâm, chú trọng phát triển phẩm chất và năng lực cho người học

Các phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm được tiếp cận và khai thác tối đa thông qua nội dung các bài học của sách. Bên cạnh đó, để góp phần hình thành và phát triển năng lực cho người học, các bài học trong sách tiếp cận tối đa quá trình gắn kiến thức, kĩ năng khoa học của môn học vào thực tiễn.

Các nhóm năng lực chung: tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo cũng được định hướng và phát triển thông qua những gợi ý về nội dung và cách thức tổ chức dạy học trong sách. Những gợi ý này được thể hiện dưới nhiều hình thức trình bày hấp dẫn thông qua các sơ đồ, tranh ảnh mô tả, hướng dẫn và gợi ý hoạt động học tập của HS. Đặc biệt, các nhóm năng lực đặc thù của môn Tự nhiên và Xã hội cũng được khai thác và phát triển tối đa qua việc thể hiện cấu trúc và tổ chức các hoạt động học tập gắn với các biểu hiện đặc thù của môn học; người học được tạo cơ hội tối đa để phát triển, đặc biệt là năng lực tư duy phản biện, tư duy sáng tạo và giải quyết vấn đề.

d. Đảm bảo tính thực tiễn và xoay quanh các mối quan hệ gần gũi, thân quen với học sinh tiểu học

Trong lịch sử phát triển của môn Tự nhiên và Xã hội, tính gần gũi và gắn bó với cuộc sống hằng ngày là một trong các đặc điểm cơ bản được nhấn mạnh. Chính vì thế, khi biên soạn SGK môn Tự nhiên và Xã hội thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo của NXBGDVN, tính thực tiễn được phát huy tối đa qua việc tìm kiếm ngữ liệu, nhân vật và thể hiện nội dung bài học.

Thông qua các câu chuyện của một số nhân vật đang học lớp 2 xảy ra trong mối quan hệ của HS với gia đình, nhà trường, cộng đồng và môi trường tự nhiên, sách mang đến cho HS cách tiếp nhận tri thức khoa học nhẹ nhàng. Một vài nhân vật đi xuyên suốt trong cả cuốn sách tạo không gian thân quen, gần gũi và tạo hứng thú cho HS. Qua đó, người học có cơ hội phát triển năng lực tìm hiểu, khám phá thế giới tự nhiên và nâng cao năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng được học để giải quyết các vấn đề gắn với các tình huống quen thuộc của thực tiễn.

e. Đảm bảo tính đa dạng, phù hợp với nhiều học sinh ở các vùng miền khác nhau

Dù sinh hoạt của mỗi HS thường gắn với một không gian địa lí nhất định theo vùng, miền, lãnh thổ, nhưng theo thời gian thì không gian học tập và các mối quan hệ của HS cũng được phát triển và mở rộng lên. Do đó, bên cạnh việc nhấn mạnh đến những yếu tố đặc trưng tiêu biểu của từng địa phương, vùng miền, SGK Tự nhiên và Xã hội còn đảm bảo hướng đến tính đa dạng. Sách giúp HS có cách tiếp cận mở đến các vùng, miền văn hoá khác nhau qua các bài học, đặc biệt là trong chủ đề về trường học, cộng đồng địa phương, Trái Đất và bầu trời.

f. Chú trọng tính mở, linh hoạt cho người dạy và người học

Nội dung sách được biên soạn theo hướng mở, tạo điều kiện thuận lợi cho người dạy và người học có thể cập nhật, bổ sung nội dung dạy học hoặc sử dụng các phương tiện dạy học phù hợp với thực tiễn, tận dụng các điều kiện thuận lợi, phù hợp của từng trường.

Mỗi bài học không quy định rõ hay phân chia từng tiết cụ thể mà chỉ định hướng nội dung bài dạy trong một tiết, hai tiết hoặc ba tiết. Điều này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên (GV) về việc linh hoạt tiến độ thực hiện bài học theo năng lực HS và điều kiện cụ thể của HS.

1.2. Những điểm mới của sách giáo khoa Tự nhiên và Xã hội 2

a. Sách được biên soạn theo mô hình hoạt động học và định hướng phát triển năng lực

Mỗi bài học trong SGK được trình bày theo logic tiến trình hoạt động học, đi từ khởi động, khám phá để hình thành năng lực, nhận thức, tìm hiểu khoa học đến năng lực vận dụng kiến thức và kĩ năng đã học. Tiến trình học tập này không chỉ phù hợp với quy luật nhận thức chung mà còn gắn nội dung bài học với việc vận dụng, giải quyết vấn đề thực tiễn có liên quan. Đặc biệt, HS được tiếp cận nội dung bài học thông qua các hoạt động học tập gắn liền với các năng lực khoa học trong môn Tự nhiên và Xã hội, giúp HS hình thành và phát triển năng lực đặc thù một cách rõ ràng, cụ thể thông qua nội dung học tập, đồng thời, giúp GV dễ dàng nhận xét và đánh giá sự phát triển năng lực đặc thù của HS.

Bên cạnh đó, mỗi hoạt động trong SGK không chỉ có vai trò hướng dẫn, gợi ý HS thực hiện các hoạt động học tập mà còn gợi ý cho GV về việc tổ chức các hoạt động dạy học thông qua kênh chữ và kênh hình. Trong đó, nhiều bài học có sự kết hợp giữa kênh hình và kênh chữ thông qua bóng nói, bóng nghĩ nhằm thu hút, hấp dẫn HS (giúp sách có cách thể hiện giống truyện tranh, tạo sự thân thiết, gần gũi với HS tiểu học), đồng thời dẫn dắt, tạo sự tò mò, kích thích HS tư duy, khám phá, giúp sách tiếp cận thực tiễn và đi vào thực tiễn.

b. Cấu trúc và nội dung bài học được biên soạn theo hướng tích hợp giữa môn Tự nhiên và Xã hội với môn Tiếng Việt và môn Đạo đức

Trong hệ thống các môn học ở tiểu học theo chương trình GDPT mới, môn Tự nhiên và Xã hội có mối quan hệ chặt chẽ với môn Tiếng Việt, môn Đạo đức và Hoạt động trải nghiệm. Phát triển mối quan hệ này, SGK môn Tự nhiên và Xã hội tăng cường tính tích hợp liên môn với môn Đạo đức và môn Tiếng Việt, thể hiện ngay trong cấu trúc và nội dung các bài học. Cuối mỗi bài học trong SGK Tự nhiên và Xã hội trước đây là một nội dung kiến thức khoa học trọng tâm mà HS cần biết và nhớ, thì trong SGK môn Tự nhiên và Xã hội thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo của NXBGDVN, HS không chỉ được nhấn mạnh và hệ thống lại nội dung kiến thức trọng tâm của bài mà còn được khắc sâu hơn những giá trị đạo đức, nhân văn thể hiện thông qua những câu thơ, câu văn ngắn gọn hoặc câu tục ngữ, ca dao dễ đọc, dễ nhớ.

Phần từ khoá cuối mỗi bài học: Đây là một số từ trọng tâm của bài học, giúp HS vừa làm quen với các thuật ngữ khoa học của môn học, vừa giúp các em củng cố và mở rộng vốn từ tiếng Việt của mình.

c. Tính thực tiễn được tăng cường và phát huy tối đa trong nội dung bài học và phương pháp tổ chức dạy học

Nội dung bài học trong SGK môn Tự nhiên và Xã hội thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo của NXBGDVN phát huy tối đa tính thực tiễn và sự gần gũi với HS. Người học hình thành các năng lực khoa học thông qua các câu chuyện, tình huống xoay quanh cuộc sống hằng ngày với những nhân vật phù hợp với độ tuổi của các em.

d. Chú trọng hướng dẫn hoạt động tự học cho học sinh

Mỗi bài học được cấu trúc gồm 6 phần. Mỗi phần được kí hiệu bằng một logo đặc trưng (hình ảnh quy ước chỉ dẫn hoạt động). Nội dung và mục đích của từng phần được giới thiệu với GV và HS ngay từ trang 6 của SGK Tự nhiên và Xã hội 2. Điều này tạo điều kiện thuận lợi để HS có thể quan sát các logo, kết hợp với kênh hình và kênh chữ (yêu cầu lệnh hoạt động) được thể hiện trong bài, HS có thể định hướng và tự tổ chức hoạt động học tập phù hợp trong từng bài học.

Mở đầu bài học là những yêu cầu HS cần đạt sau khi học xong bài. Với HS lớp 2, khả năng đọc được yêu cầu cần đạt còn hạn chế, tuy nhiên trong quá trình tổ chức dạy học, GV và phụ huynh có thể đồng hành cùng HS, giúp các em định hướng và nhận biết các hoạt động học tập trong bài.

2. CẤU TRÚC SÁCH VÀ CẤU TRÚC BÀI HỌC MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 2

2.1. Cấu trúc sách

Thời lượng thực hiện chương trình môn Tự nhiên và Xã hội 2 là 70 tiết/ năm học, dạy trong 35 tuần. Ước lượng tỉ lệ % số tiết dành cho các chủ đề ở lớp 2 như sau:

Chủ đề	Tỉ lệ % trong chương trình	Dự kiến số tiết thực hiện trong SGK
Gia đình	13%	10
Trường học	12%	8
Cộng đồng địa phương	16%	11
Thực vật và động vật	16%	10
Con người và sức khoẻ	20%	15
Trái Đất và bầu trời	13%	10
Đánh giá định kì	10%	6

Cấu trúc SGK Tự nhiên và Xã hội 2 gồm ba phần:

a. Phần mở đầu

– Lời nói đầu: Trình bày khái quát nội dung 6 chủ đề và mục đích của việc học và sử dụng cuốn SGK Tự nhiên và Xã hội 2.

– Mục lục.

– Hướng dẫn sử dụng sách: Đưa ra các hình ảnh quy ước chỉ dẫn các hoạt động và mô tả khái quát, trình bày ý nghĩa của các hình ảnh chỉ dẫn hoạt động trong bài để HS làm quen với cách tiếp cận và làm việc với SGK mới. Nội dung hướng dẫn sử dụng sách được thể hiện qua bảng sau:

Hình ảnh quy ước chỉ dẫn hoạt động (Logo)	Ý nghĩa
	Yêu cầu cần đạt
	Hoạt động khởi động
	Hoạt động hình thành, phát triển năng lực nhận thức và tìm hiểu
	Hoạt động hình thành, phát triển năng lực vận dụng kiến thức và kĩ năng
	Em cần biết
	Từ khoá

b. Phần nội dung

Gồm 6 chủ đề theo nội dung chương trình môn học:

Chủ đề 1: Gia đình

Chủ đề 2: Trường học

Chủ đề 3: Cộng đồng địa phương

Chủ đề 4: Thực vật và động vật

Chủ đề 5: Con người và sức khoẻ

Chủ đề 6: Trái Đất và bầu trời

Mỗi chủ đề có cấu trúc thống nhất, gồm ba phần như sau: Trang chủ đề; Các bài học trong chủ đề; Ôn tập chủ đề.

c. Phần cuối sách

Là bảng tra cứu thuật ngữ, giúp HS hệ thống các thuật ngữ quan trọng trong bài học và dễ dàng tra cứu khi cần thiết, bước đầu hình thành kĩ năng đọc sách cho HS.

2.2. Cấu trúc bài học

Sách gồm 29 bài học (bao gồm cả các bài ôn tập chủ đề). Mỗi bài học được xây dựng với cấu trúc là một chuỗi các hoạt động học tập của HS, thể hiện rõ quan điểm dạy học phát triển năng lực và dạy học tích hợp, đồng thời đảm bảo cấu trúc bài học theo tiêu chuẩn SGK quy định tại Thông tư số 33/2017/TT–BGDĐT.

Mỗi bài học được trình bày theo cách tiếp cận gắn với những năng lực đặc thù và gợi ý GV tổ chức dạy học trong 1 tiết, 2 tiết hoặc 3 tiết. Ở mỗi tiết, đều có cấu trúc thống nhất, bao gồm:

a. Phần mở đầu

Là những yêu cầu cần đạt và hoạt động khởi động.

– *Yêu cầu cần đạt* trong mỗi bài học: Nhằm định hướng người đọc, nêu ngắn gọn các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của HS mà bài học hướng tới.

– *Hoạt động khởi động:* Là những câu hỏi vấn đề hoặc bài hát, trò chơi,... gợi sự tò mò, kích thích hứng thú và huy động kinh nghiệm, kiến thức đã có của HS để bắt đầu bài học.

b. Phần nội dung chính

Là phần kiến thức mới, luyện tập và vận dụng. Các nội dung này được trình bày xen kẽ nhau thông qua những hoạt động học tập được tổ chức theo cách tiếp cận hướng đến những nhóm năng lực đặc thù của môn Tự nhiên và Xã hội.

– *Hoạt động phát triển năng lực nhận thức khoa học và năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên* và *xã hội xung quanh:* Dựa vào quan sát, thực hành sắp xếp, phân loại hoặc trải nghiệm các kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm thực tiễn, HS nêu và nhận biết một số sự vật, hiện tượng, có khả năng đặt câu hỏi, quan sát, nhận xét về đặc điểm bên ngoài của các sự vật, hiện tượng xung quanh. Chú ý đến tâm sinh lí cũng như trình độ của HS lớp 2, các năng lực Nhận thức và năng lực Tìm hiểu được gộp chung trong một loại hình hoạt động, tránh gây bối rối cho HS.

– *Hoạt động phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:* Yêu cầu HS liên hệ thực tế, phân tích một tình huống, giải quyết một vấn đề có liên quan và đưa ra cách ứng xử phù hợp.

c. Phần kết bài học

Là những câu văn hoặc câu ca dao, tục ngữ ngắn gọn thể hiện nội dung cần biết và những từ khoá được nhấn mạnh trong bài học.

– *Nội dung Em cần biết:* Để HS có cơ hội nắm những nội dung chính, trọng tâm của bài học. Nội dung này được khuyến nghị để cho HS tập đọc theo GV vào cuối tiết học, nhằm giúp HS tập trung vào một nội dung cơ bản hoặc giá trị sống cần nhấn mạnh trong bài, qua đó tăng cường khả năng đọc câu chữ tiếng Việt mà không yêu cầu HS phải thuộc lòng các nội dung này.

– *Từ khoá:* Trước khi kết thúc bài học, HS sẽ tập đọc các từ khoá của bài để khắc sâu một số từ quan trọng trong bài học, rèn kĩ năng đọc và nhớ từ tiếng Việt.

3. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 2

3.1. Phương pháp dạy học

a. Định hướng chung về việc sử dụng phương pháp dạy học

Xuất phát từ định hướng chung về phương pháp giáo dục nêu tại chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, đặc biệt quán triệt quan điểm lấy người học làm trung tâm, chú trọng phát triển phẩm chất và năng lực của người học, khi dạy học môn Tự nhiên và Xã hội, GV nên lựa chọn và sử dụng phương pháp dạy học theo các định hướng cơ bản sau:

– Tổ chức cho HS được quan sát.

– Tổ chức cho HS được tương tác.

– Tổ chức cho HS được trải nghiệm.

– Lựa chọn và phối hợp sử dụng nhiều phương pháp dạy học khác nhau theo hướng linh hoạt, phù hợp, sáng tạo.

b. Các nhóm phương pháp dạy học phù hợp với việc bồi dưỡng phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực đặc thù của môn Tự nhiên và Xã hội 2

Tuỳ từng phần và nội dung của bài học, khi được trình bày với những mục đích khác nhau, thì GV có thể khai thác và lựa chọn sử dụng những phương pháp dạy học đặc trưng khác nhau.

Để bồi dưỡng phẩm chất cho HS thông qua dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 2, GV có thể khai thác nội dung các bài học phù hợp. Trong một số bài, các phẩm chất chủ yếu cũng được nhấn mạnh trong mục *Em cần biết*, gợi ý cho GV sử dụng phương pháp đàm thoại, gợi mở – vấn đáp và thảo luận nhóm để rút ra những giá trị nhân văn và bài học về cách ứng xử phù hợp với bạn bè, thầy cô, các thành viên trong gia đình, cộng đồng và môi trường tự nhiên xung quanh. Bên cạnh đó, thông qua việc tổ chức các hoạt động quan sát, điều tra, khám phá, giải quyết vấn đề có liên quan đến môi trường tự nhiên và xã hội, HS cũng được hình thành tình cảm yêu quý, trân trọng gia đình, bạn bè, cộng đồng; yêu thiên nhiên và có ý thức bảo vệ môi trường tự nhiên; có ý thức giữ vệ sinh cá nhân, thực hiện các quy tắc bảo vệ sức khoẻ và an toàn cho bản thân, gia đình, bạn bè và những người xung quanh; có ý thức sử dụng tiết kiệm, giữ gìn, bảo quản những đồ dùng,

vật dụng của gia đình, xã hội; có ý thức chăm sóc, bảo vệ thực vật và động vật, giữ vệ sinh môi trường; có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được vào cuộc sống; tham gia các công việc gia đình, trường lớp, cộng đồng vừa sức với bản thân.

Để hình thành và phát triển các nhóm năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, GV có thể khai thác và tăng cường sử dụng những nhóm phương pháp dạy học có nhiều tiềm năng:

– Năng lực tự chủ và tự học: Tổ chức cho HS tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện trước và trong quá trình học tập ở trên lớp. Những phương pháp có thể góp phần phát triển ở HS năng lực này thông qua dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 2: phương pháp đàm thoại, phương pháp dạy học theo dự án, phương pháp điều tra, phương pháp làm việc cá nhân,...

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tăng cường cơ hội cho HS được nói, trao đổi với bạn qua các hoạt động làm việc nhóm. Tất cả các bài trong SGK môn Tự nhiên và Xã hội 2 đều có thể khai thác và sử dụng phương pháp thảo luận nhóm, tổ chức trò chơi để góp phần hình thành và phát triển năng lực này cho HS. Ngoài ra, trong một số bài học, năng lực này còn được tăng cường và nâng cao hơn khi GV sử dụng kết hợp thảo luận nhóm với điều tra, dự án,...

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực này được phát triển qua các hoạt động xây dựng kiến thức mới; luyện tập, thực hành; vận dụng vào các tình huống thực tiễn. Để hình thành và phát triển năng lực này, khi sử dụng SGK môn Tự nhiên và Xã hội 2, GV có thể khai thác các phương pháp: thí nghiệm, dự án, tổ chức trò chơi, đóng vai, dạy học nêu vấn đề,...

Đối với các nhóm năng lực khoa học:

– Năng lực nhận thức khoa học và tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội: GV sử dụng phương pháp quan sát, gợi mở – vấn đáp, kể chuyện, thảo luận nhóm, thực hành, điều tra đơn giản nhằm huy động hiểu biết và kinh nghiệm đã biết của HS; quan sát và so sánh, phân loại các sự vật, hiện tượng, các mối quan hệ của chúng trong tự nhiên và xã hội,... Từ đó khái quát, hệ thống hoá kiến thức, kết nối những điều đã học, đã biết để rút ra những tri thức khoa học mới và những giá trị nhân văn sâu sắc.

– Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người, xã hội trong môn học: GV có thể sử dụng phương pháp thảo luận nhóm, đàm thoại, tổ chức trò chơi, đóng vai,... Những phương pháp này tạo cơ hội cho HS được vận dụng những điều đã học để giải quyết các nhiệm vụ học tập trong bối cảnh tình huống thực tế đời sống, vừa sức với HS.

3.2. Hình thức tổ chức dạy học

Cũng như các môn học khác, bài lên lớp được coi là hình thức tổ chức dạy học cơ bản của môn Tự nhiên và Xã hội nói chung và môn Tự nhiên và Xã hội 2 nói riêng. Bên cạnh hình thức tổ chức dạy học này, việc dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 2 còn có các hình thức tổ chức dạy học khác: dạy học ngoài hiện trường, tham quan.

a. Bài lên lớp

Các bài học trong SGK Tự nhiên và Xã hội 2 được gợi ý dạy trong 1, 2 hoặc 3 tiết. Mục tiêu và cấu trúc bài lên lớp của mỗi tiết trong phần lớn các bài học về cơ bản là giống nhau, cụ thể như sau:

Mục tiêu chủ yếu của bài lên lớp ở mỗi tiết là giúp HS hình thành và phát triển năng lực nhận thức khoa học, tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh, vận dụng kiến thức kĩ năng đã học để liên hệ, giải thích và đưa ra cách giải quyết vấn đề phù hợp trong những tình huống thực tiễn có liên quan đến bài học.

Để đạt được mục đích trên, bài lên lớp của mỗi tiết có cấu trúc chung gồm các phần như sau:

– Hoạt động khởi động và khám phá;

– Hoạt động hình thành, phát triển năng lực nhận thức, tìm hiểu;

– Hoạt động vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học;

– Em cần biết.

Ngoài ra, trong tiết 1 còn có thêm *Yêu cầu cần đạt* để định hướng GV và HS về một số phẩm chất và năng lực chủ yếu cần đạt được trong bài. Trong một số bài học, tiết 2 hoặc tiết 3 có cấu trúc linh hoạt hơn, có bài tiết 2 (hoặc tiết 3) có đầy đủ các hoạt động hình thành, phát triển năng lực nhận thức, tìm hiểu; hoạt động vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học, có bài chỉ có các hoạt động vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. Đặc biệt, cuối tiết 2 (hoặc tiết 3), sau khi rút ra được nội dung *Em cần biết*, còn có hoạt động chỉ dẫn HS đọc các từ khoá, nhằm bổ sung và tăng vốn từ vựng và thuật ngữ khoa học cho HS.

Giữa bài lên lớp ở tiết 1 và tiết sau có mối quan hệ mật thiết, gắn bó với nhau: tiết 1 là cơ sở cho việc tổ chức các hoạt động học tập ở tiết sau và tiết sau bổ sung, củng cố và phát triển nội dung học tập ở tiết 1. Do đó, cuối tiết 1 thường có các hoạt động tiếp nối sau bài học, các hoạt động này thường có mối quan hệ gắn bó và tạo tiền đề để tổ chức các hoạt động học tập cho HS ở tiết sau.

Trong quá trình dạy học bài lên lớp, GV có thể kết hợp sử dụng các hình thức học tập toàn lớp (khi cần định hướng về yêu cầu cần đạt của bài học, những kết luận chính, giải thích những nội dung kiến thức khó, trừu tượng,...); học tập theo nhóm (khuyến khích sử dụng trong phần lớn các hoạt động dạy học, tạo cơ hội cho HS được tương tác, nhằm hình thành và phát triển năng lực nhận thức khoa học, tìm hiểu môi trường tự nhiên,

xã hội và vận dụng kiến thức, kĩ năng bài học trong một số trò chơi, đóng vai,...); học tập cá nhân (khi quan sát, trả lời câu hỏi của GV và bạn học, thực hành các nhiệm vụ học tập và rèn luyện bản thân,...).

b. Dạy học tại hiện trường (dạy học ngoài lớp)

Dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 2 không chỉ được tiến hành ở trong khuôn khổ của lớp học, mà cần được tổ chức tại hiện trường. Hiện trường ở đây là những không gian liên quan đến bài học. Tùy theo điều kiện môi trường học tập và khả năng thực tế của từng trường và địa phương, những hiện trường có thể được khai thác, sử dụng trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 2 là: sân trường, vườn trường, khu vực xung quanh trường học, một số công trình công cộng gần trường,...

Tuỳ theo đối tượng và nội dung bài học của môn Tự nhiên và Xã hội 2 mà GV có thể lựa chọn để tổ chức hình thức dạy học này cho HS. Một số bài của môn Tự nhiên và Xã hội 2 có thể được tiến hành dạy học tại hiện trường như: An toàn và giữ vệ sinh khi tham gia các hoạt động ở trường, Đường giao thông, Tham gia giao thông an toàn, Hoạt động mua bán hàng hoá, Thực vật sống ở đâu, Động vật sống ở đâu, Bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật, Thực hành tìm hiểu môi trường sống của thực vật và động vật.

c. Tham quan

Hình thức tổ chức dạy học này giúp HS có điều kiện trực tiếp quan sát các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội một cách tổng quát, gắn kết, tổng hợp các kiến thức, kĩ năng được học của nhiều bài học trong mối quan hệ logic, gắn liền với thực tiễn cuộc sống.

Trong quá trình dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 2, GV có thể tổ chức cho HS được tham quan một số nơi như:

– Trường tiểu học khác ở trong vùng hoặc ở địa phương khác để HS có sự mở rộng, so sánh các khu vực và hoạt động diễn ra tại các lớp học, trường học khác nhau.

– Một số khu vực công cộng: công viên, siêu thị, nhà máy,... để HS quan sát và hiểu hơn về công việc và hoạt động của mọi người xung quanh.

– Vườn bách thú, khu du lịch sinh thái, rừng quốc gia,... để HS quan sát và thấy được sự đa dạng, phong phú của thế giới tự nhiên, thực vật và động vật xung quanh.

4. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 2

4.1. Kiểm tra, đánh giá năng lực, phẩm chất

Một số đặc trưng của đánh giá phẩm chất, năng lực trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 2:

– Quan tâm đánh giá phẩm chất của HS, chú trọng đến năng lực cá nhân, khuyến khích học sinh thể hiện cá tính và năng lực bản thân. Các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm của HS được đánh giá chủ yếu là bằng định tính, thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét về hành vi, cách ứng xử, các biểu hiện về thái độ, tình cảm của HS khi tham gia các hoạt động học tập của bài học.

– Đa dạng hoá các hình thức và công cụ đánh giá HS: Đánh giá qua lời nói, trả lời câu hỏi; Đánh giá qua phiếu bài tập, bài tự luận, trắc nghiệm,...; Đánh giá các sản phẩm quan sát, thực hành của nhóm, cá nhân; Đánh giá qua việc quan sát HS tham gia các hoạt động; Đánh giá qua sự phản hồi của các lực lượng giáo dục,...

– Kết hợp đánh giá quá trình làm việc cá nhân với đánh giá sự hợp tác và làm việc nhóm, tập thể của HS.

– Không chỉ quan tâm đến kết quả của hoạt động mà còn chú trọng đến quá trình tạo ra sản phẩm của hoạt động, coi trọng ý tưởng sáng tạo, tinh thần làm việc để tạo ra sản phẩm trong quá trình học tập. Kết hợp giữa đánh giá thường xuyên với đánh giá định kì sau từng chủ đề nhằm điều chỉnh quá trình dạy học.

– Trọng tâm đánh giá môn học nhấn mạnh đến đánh giá năng lực của người học.

– Khuyến khích tự đánh giá và đánh giá chéo của cá nhân và các nhóm HS ở những thời điểm khác nhau trong quá trình dạy học. Đặc biệt là đánh giá cuối hoạt động hình thành, phát triển năng lực nhận thức khoa học, tìm hiểu môi trường tự nhiên, xã hội và cuối hoạt động hình thành, phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

4.2. Một số gợi ý về hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh trong môn Tự nhiên và Xã hội 2

a. Đánh giá các nhóm năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học: Được đánh giá chủ yếu thông qua việc quan sát hành động, những việc làm của HS trong quá trình học tập như: quá trình HS tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học môn Tự nhiên và Xã hội ở trên lớp; quá trình tự giác tham gia và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,...

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: Đánh giá thông qua quan sát hoạt động học tập nhóm của người học, khả năng phân công và phối hợp giữa các HS để hoàn thành nhiệm vụ học tập của môn Tự nhiên và Xã hội được tổ chức ở trong và ngoài lớp học.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đánh giá thông qua việc HS đề xuất và đưa ra các phương án trả lời cho các câu hỏi, bài tập xử lí tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học môn Tự nhiên và Xã hội để giải quyết các vấn đề thường gặp trong cuộc sống hằng ngày.

b. Đánh giá năng lực khoa học trong môn Tự nhiên và Xã hội

Căn cứ vào những biểu hiện cụ thể của năng lực khoa học trong môn Tự nhiên và Xã hội, GV có thể thiết kế các câu hỏi, các bài tập để đánh giá năng lực khoa học của HS.

– Năng lực nhận thức khoa học: Có thể đánh giá thông qua việc yêu cầu HS nêu, mô tả, trình bày được một số sự vật, hiện tượng tự nhiên và xã hội xung quanh; so sánh, lựa chọn và phân loại được các sự vật, hiện tượng đơn giản trong tự nhiên và xã hội theo một số tiêu chí.

– Năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh: Có thể đánh giá thông qua việc HS đặt được câu hỏi, nêu thắc mắc về một số sự vật, hiện tượng; quan sát và tiến hành được các thao tác thực hành để nhận xét về đặc điểm của các sự vật, hiện tượng và mối quan hệ giữa chúng trong tự nhiên và xã hội.

– Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Có thể đánh giá thông qua việc HS giải thích, phân tích một số tình huống có liên quan đến bài học; nhận xét, đánh giá cách ứng xử của mọi người xung quanh; nêu và thực hiện được cách ứng xử phù hợp trong một số tình huống và chia sẻ với mọi người xung quanh cùng thực hiện.

5. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 2

5.1. Cấu trúc sách giáo viên

Sách giáo viên (SGV) được biên soạn nhằm giúp GV có những hiểu biết cần thiết liên quan đến dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 2, hỗ trợ GV thiết kế kế hoạch dạy học trên cơ sở tham khảo những gợi ý trong tài liệu. Qua đó, GV sẽ hiểu rõ và thực hiện được chương trình môn Tự nhiên và Xã hội 2, nâng cao hiệu quả sử dụng SGK, góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 2.

SGV được cấu trúc gồm 2 phần:

a. Một số vấn đề chung về dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 2

Phần này giới thiệu khái quát về đặc điểm, quan điểm, mục tiêu xây dựng chương trình môn Tự nhiên và Xã hội, ma trận nội dung môn Tự nhiên và Xã hội 2 và những yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực đặc thù của môn học.

b. Gợi ý dạy học các bài trong môn Tự nhiên và Xã hội 2

Đây là nội dung chính, cơ bản của SGV. Nội dung này chiếm phần lớn số lượng các trang trong cuốn sách. Cụ thể phần này trình bày, hướng dẫn gợi ý cho 29 bài học trong SGK môn Tự nhiên và Xã hội 2 thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo của NXBGDVN, nội dung các bài học bám sát chương trình môn học và đáp ứng tất cả các yêu cầu cần đạt của chương trình môn học.

Mỗi kế hoạch dạy học trong SGV gồm 3 phần:

– Mục tiêu: Là kết quả HS cần đạt được khi học xong bài học. Mục tiêu này được cụ thể hoá và bám sát chương trình môn Tự nhiên và Xã hội 2.

– Thiết bị dạy học: Gợi ý và đưa ra những thiết bị dạy học cho cả GV và HS cần chuẩn bị trong bài. Những thiết bị dạy học này có thể gồm: tranh ảnh, video, đồ dùng, vật thật để HS thực hành, đóng vai; SGK, vở bài tập (VBT),...

– Các hoạt động dạy học: Trình bày rõ những hoạt động được tổ chức ở mỗi tiết nhằm đạt được mục tiêu đã xác định. Trong từng tiết, các hoạt động được gợi ý tổ chức gồm: Hoạt động khởi động, khám phá; Hoạt động hình thành, phát triển năng lực nhận thức,

tìm hiểu; Hoạt động vận dụng kiến thức kĩ năng đã học; Hoạt động tiếp nối sau bài học. Trong từng hoạt động, có 4 yếu tố được trình bày:

+ Tên hoạt động: Có thể được đặt tên theo mục tiêu, nội dung hoặc phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động.

+ Mục tiêu của hoạt động: Là những mục tiêu chi tiết phù hợp với mục tiêu đã được xác định ở phần mục tiêu chung của bài ở phía trên.

+ Cách tiến hành hoạt động: Trình bày cụ thể các bước tiến hành, gợi ý những cách tổ chức khác hoặc những lưu ý, chỉ dẫn thêm cho GV khi tổ chức hoạt động dạy học.

+ Kết luận của hoạt động: Phù hợp với mục tiêu của hoạt động và thống nhất, cụ thể hoá với mục tiêu mà hoạt động đặt ra.

5.2. Sử dụng sách giáo viên hiệu quả

Đối với GV tiểu học, SGV là tài liệu bổ trợ quan trọng, giúp định hướng cho GV tổ chức các hoạt động dạy học nhằm đạt được yêu cầu cần đạt của chương trình môn Tự nhiên và Xã hội 2. Tuy nhiên, dạy học là một quá trình sáng tạo và chương trình môn Tự nhiên và Xã hội là chương trình mở. Trong quá trình soạn SGV, các tác giả không thể dự đoán được tất cả các câu trả lời, các cách xử lí tình huống của học sinh, các điều kiện, cơ sở vật chất của tất cả các trường,... Do đó, để sử dụng SGV môn Tự nhiên và Xã hội 2 hiệu quả, các cán bộ quản lí và GV đứng lớp cần chú ý một số điều cơ bản sau:

– Nội dung các bài soạn trong SGV chỉ là những gợi ý, không bắt buộc tất cả các GV phải làm theo. GV không nên vận dụng một cách máy móc vì có những hoạt động dạy học có thể không phù hợp với đối tượng HS và điều kiện cơ sở vật chất của trường mình.

– Vận dụng sáng tạo và phát triển những ý tưởng, gợi ý được đưa ra trong SGV. Dựa trên những gợi ý này, GV có thể thiết kế lại kế hoạch bài học sao cho phù hợp với tính chất của bài; khả năng của HS; điều kiện cơ sở vật chất thực tế của trường, của địa phương. Cụ thể là: có thể xác định lại các mục tiêu của bài học; lựa chọn và thiết kế lại các hoạt động dạy học; vận dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo cách khác,...

– Sự sáng tạo và phát triển kế hoạch dạy học của GV phải đảm bảo yêu cầu cần đạt của chương trình môn Tự nhiên và Xã hội 2.

PHẦN HAI

HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Chủ đề: GIA ĐÌNH

Bài 1 Các thế hệ trong gia đình

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Nêu được các thành viên trong gia đình hai thế hệ, ba thế hệ và (hoặc) bốn thế hệ.

– Vẽ, viết hoặc cắt dán ảnh gia đình có hai thế hệ, ba thế hệ vào sơ đồ cho trước.

– Nói được sự cần thiết của việc chia sẻ, dành thời gian quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau giữa các thế hệ trong gia đình.

– Thể hiện được sự quan tâm, chăm sóc, yêu thương của bản thân với các thế hệ trong gia đình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

– GV: bài hát, tranh tình huống, một số sơ đồ về các thế hệ trong gia đình.

– HS: SGK, VBT, tranh vẽ, ảnh chụp về các thành viên trong gia đình.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi những hiểu biết đã có của HS về các thành viên trong gia đình để dẫn dắt vào bài học mới.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức cho HS cùng hát bài "Cả nhà thương nhau".

– HS trả lời câu hỏi:

+ Gia đình bạn nhỏ trong bài hát gồm những ai?

Chân trời sáng tạo

+ Tình cảm của bạn nhỏ đối với các thành viên trong gia đình như thế nào?

+ Trong gia đình em, ai là người nhiều tuổi nhất? Ai là người ít tuổi nhất?

– GV mời 2 – 3 HS trả lời.

– GV nhận xét chung và dẫn dắt vào bài học: "Các thế hệ trong gia đình".

Hoạt động 1: Các thành viên trong gia đình hai thế hệ

Mục tiêu: HS nêu được các thành viên trong gia đình hai thế hệ, bước đầu nhận biết được cách ứng xử thể hiện sự quan tâm, chăm sóc giữa các thế hệ trong gia đình.

Cách tiến hành:

– GV yêu cầu HS quan sát hình 1 trong SGK trang 8 và trả lời các câu hỏi:

+ Mọi người trong gia đình bạn An đang làm gì?

+ Em hãy giới thiệu các thành viên trong gia đình bạn An theo thứ tự từ người nhiều tuổi đến người ít tuổi.

– GV đặt câu hỏi: Quan sát hình và cho biết gia đình An có mấy thế hệ? Mỗi thế hệ có những ai?

– GV và HS cùng nhận xét và rút ra kết luận.

Kết luận: Gia đình hai thế hệ là gia đình gồm bố mẹ và các con. Trong đó: thế hệ thứ nhất là bố mẹ, thế hệ thứ hai là các con trong gia đình.

Hoạt động 2: Các thành viên trong gia đình ba thế hệ

Mục tiêu: HS nêu được các thành viên trong gia đình ba thế hệ theo sơ đồ.

Cách tiến hành:

– GV treo sơ đồ hình 2 trong SGK trang 9 (phóng to) hoặc trình chiếu sơ đồ và yêu cầu của hoạt động lên bảng.

– HS thảo luận nhóm theo các yêu cầu:

+ Quan sát sơ đồ và giới thiệu các thành viên trong gia đình bạn Hoà?

+ Gia đình bạn Hoà có mấy thế hệ cùng chung sống?

+ Mỗi thế hệ gồm những ai?

– GV mời 2 đến 3 nhóm HS lên trước lớp chỉ và trình bày theo sơ đồ trên bảng.

Kết luận: Gia đình bạn Hoà có 3 thế hệ cùng chung sống. Gia đình 3 thế hệ gồm ông bà, bố mẹ, các con. Thế hệ thứ nhất là ông bà, thế hệ thứ hai là bố mẹ, thế hệ thứ ba là chị em Hoà.

Hoạt động 3: Thực hành liên hệ gia đình của bản thân

Mục tiêu: HS liên hệ được các thành viên trong gia đình của bản thân. Xác định được các thế hệ trong gia đình mình.

Cách tiến hành:

– HS làm việc cặp đôi, hỏi – đáp nhau theo các câu hỏi: Gia đình bạn có mấy thế hệ cùng chung sống? Mỗi thế hệ có những ai?

– GV mời các cặp HS lên hỏi – đáp trước lớp. So sánh các thế hệ trong gia đình mình và bạn.

Kết luận: Mỗi gia đình thường có các thế hệ ở những độ tuổi khác nhau, cùng chung sống. Có gia đình hai thế hệ, có gia đình ba thế hệ hoặc bốn thế hệ.

Hoạt động tiếp nối sau bài học

GV yêu cầu HS về nhà chuẩn bị:

+ Tranh vẽ hoặc ảnh chụp của từng thành viên cùng chung sống trong gia đình mình.

+ Bút chì, bút mực, thước kẻ, tẩy, hồ dán.

TIẾT 2

Hoạt động khởi động và khám phá

Mục tiêu: Tạo hứng thú và khơi gợi những hiểu biết đã có của HS về các thế hệ trong gia đình.

Cách tiến hành:

– Một số HS lên bảng giơ tranh vẽ hoặc hình ảnh về gia đình mình để cả lớp quan sát và đặt câu hỏi: Đố bạn biết, gia đình mình có mấy thế hệ? (Hoặc có thể tổ chức dưới hình thức trò chơi "Truyền điện").

– GV nhận xét, dẫn dắt HS vào tiết 2 của bài học.

Hoạt động 1: Thực hành làm sơ đồ các thế hệ trong gia đình

Mục tiêu: HS vẽ, viết hoặc cắt dán ảnh gia đình hai, ba thế hệ hoặc bốn thế hệ vào sơ đồ cho trước.

Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS quan sát một số sơ đồ các thế hệ trong gia đình có sẵn (hoặc có thể chiếu máy chiếu cho HS quan sát).

– GV đặt câu hỏi: Trong gia đình này có mấy thế hệ cùng chung sống? Mỗi thế hệ có những ai?

– HS trả lời.

– GV đặt câu hỏi: Các em cần chuẩn bị những gì để làm sơ đồ các thế hệ trong gia đình?

– HS trả lời và kiểm tra việc chuẩn bị đồ dùng của nhau.

– GV yêu cầu HS thực hành làm sơ đồ các thế hệ trong gia đình mình theo các gợi ý:

+ Gia đình em có mấy thế hệ?

+ Vẽ, viết tên hoặc dán ảnh từng thế hệ vào sơ đồ.

– HS trao đổi sơ đồ của mình với bạn bên cạnh.

– GV mời HS giới thiệu sơ đồ các thế hệ trong gia đình mình trước lớp.

– HS và GV cùng nhận xét và bình chọn những sơ đồ đúng và đẹp mắt.

Kết luận: Mỗi gia đình có nhiều thế hệ ở những độ tuổi khác nhau cùng chung sống. Các thế hệ trong gia đình có mối quan hệ ruột thịt, thân thiết với nhau.

Hoạt động 2: Sự yêu thương và quan tâm giữa các thế hệ trong gia đình

Mục tiêu: Phân biệt được những hành động nên làm để thể hiện yêu thương và quan tâm giữa các thế hệ trong gia đình.

Cách tiến hành:

– GV yêu cầu HS quan sát hình 4, 5, 6, 7 trong SGK trang 10 và thảo luận để trả lời các câu hỏi: Hành động nào thể hiện sự quan tâm, yêu thương giữa các thế hệ trong gia đình? Vì sao?

– GV mời HS trình bày ý kiến của mình.

– HS và GV cùng nhau nhận xét, rút ra kết luận.

Kết luận: Mọi người trong gia đình cần phải yêu thương và quan tâm lẫn nhau. Con cháu cần phải yêu quý và quan tâm đến ông bà, cha mẹ vì đó là những thế hệ đã sinh ra và nuôi dưỡng chúng ta.

Hoạt động 3: Đóng vai xử lí tình huống

Mục tiêu: HS nói được sự cần thiết phải bày tỏ ý kiến hoặc yêu cầu đề nghị mọi người dành thời gian để thể hiện sự yêu thương và quan tâm lẫn nhau.

Cách tiến hành:

– GV yêu cầu HS quan sát hình 8 và 9 trong SGK trang 11 và cho biết nội dung của hình là gì.

– GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi và cùng đóng vai, giải quyết tình huống.

– HS đóng vai, giải quyết tình huống.

– HS và GV cùng nhau nhận xét. GV dặn dò HS cùng chia sẻ với bạn bè, người thân về những việc cần làm để thể hiện sự yêu thương và quan tâm giữa các thế hệ trong gia đình.

Kết luận: Tất cả mọi người nên bày tỏ tình cảm của mình với người thân; đề nghị hoặc bày tỏ ý kiến khi cần thiết để thể hiện tình yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc và gắn bó giữa các thành viên trong gia đình.

Hoạt động 4: Liên hệ bản thân

– GV đặt câu hỏi liên hệ:

+ Em cảm thấy như thế nào khi mọi người trong gia đình em chia sẻ, dành thời gian cho nhau?

+ Em sẽ làm gì để thể hiện sự quan tâm, yêu thương với các thế hệ trong gia đình của mình?

– GV dẫn dắt để HS rút ra bài học.

GV dẫn dắt để HS nêu được các từ khoá của bài: "Chia sẻ – Thế hệ – Yêu thương".

Hoạt động tiếp nối sau bài học

GV yêu cầu HS thực hiện những hành động thể hiện sự yêu thương và quan tâm với bố mẹ, ông bà trong gia đình và chia sẻ những việc đã thực hiện với bạn.

Bài 2 Nghề nghiệp của người thân trong gia đình

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đặt được câu hỏi để tìm hiểu thông tin về tên công việc, nghề nghiệp của những người lớn trong gia đình và ý nghĩa của những công việc, nghề nghiệp đó đối với gia đình và xã hội.

– Thu thập được một số thông tin về những công việc, nghề có thu nhập, những công việc tình nguyện không nhận lương.

– Chia sẻ được với các bạn, người thân về công việc, nghề nghiệp yêu thích sau này.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

– GV: bài hát, tranh tình huống, giấy A0.

– HS: SGK, VBT, giấy màu, kéo, keo dán.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

Chân trời sáng tạo

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi những hiểu biết đã có của HS về nghề nghiệp.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức cho HS cùng hát một bài hát về nghề nghiệp (ví dụ: Ơn bác nông dân; Anh phi công ơi; Bác đưa thư vui tính; Màu áo chú bộ đội; Cháu yêu cô chú công nhân;...).

– HS trả lời câu hỏi: Bài hát nói đến nghề nào? Em biết gì về nghề đó?

– GV mời 2 – 3 HS trả lời.

– GV nhận xét chung và dẫn dắt vào bài học: "Nghề nghiệp của người thân trong gia đình".

Hoạt động 1: Quan sát hình và thảo luận

**** Mục tiêu:*** HS nêu được một số nghề nghiệp.

**** Cách tiến hành:***

– GV yêu cầu HS quan sát hình 1, 2, 3 trong SGK trang 12 và trả lời câu hỏi: Bố và mẹ Lan làm nghề gì? Nói về ý nghĩa của nghề đó?

– GV và HS nhận xét và cùng rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Bố Lan làm thợ điện, mẹ Lan làm thợ may. Các chú, bác thợ điện giúp lắp đặt, sữa chữa,… đường dây điện để chúng ta có điện sử dụng trong sinh hoạt hằng ngày; Cô, bác thợ may giúp chúng ta có quần áo để mặc, góp phần làm đẹp cho mọi người.

Hoạt động 2: Quan sát hình và làm việc cặp đôi

**** Mục tiêu:*** HS đặt được câu hỏi để tìm hiểu tên và ý nghĩa của một số công việc, nghề nghiệp xung quanh.

**** Cách tiến hành:***

– GV treo các hình 4, 5, 6, 7, 8, 9 trong SGK trang 13 (hình phóng to) hoặc trình chiếu hình và yêu cầu của hoạt động lên bảng.

– HS thảo luận nhóm đôi, hỏi – đáp theo các câu hỏi:

+ Người trong hình làm nghề gì?

+ Công việc của họ có ý nghĩa như thế nào với mọi người xung quanh?

– GV mời 2 đến 3 nhóm HS lên trước lớp chỉ hình và hỏi – đáp trước lớp.

**** Kết luận:*** Mỗi nghề nghiệp đều mang lại những lợi ích khác nhau cho gia đình và xã hội xung quanh.

Hoạt động 3: Thực hành liên hệ bản thân

**** Mục tiêu:*** HS liên hệ được nghề nghiệp của những người thân trong gia đình.

**** Cách tiến hành:***

– HS hỏi – đáp nhau theo các câu hỏi: Kể về công việc của những người thân trong gia đình bạn? Bạn biết gì về những công việc đó?

– GV mời các cặp HS lên hỏi – đáp trước lớp.

**** Kết luận:*** Có rất nhiều nghề nghiệp khác nhau. Mỗi công việc, nghề nghiệp đều mang lại những lợi ích cho gia đình và cho xã hội.

– GV dẫn dắt để HS đọc được nội dung trọng tâm bài học.

Hoạt động tiếp nối sau bài học

GV yêu cầu HS về nhà chuẩn bị:

+ Sưu tầm tranh, ảnh trên sách, báo,… về những công việc, nghề nghiệp xung quanh.

+ Tranh vẽ hoặc ảnh chụp nghề nghiệp của một người thân trong gia đình em.

TIẾT 2

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi những hiểu biết đã có của HS về các nghề nghiệp.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức trò chơi "Đố vui".

– GV mời một số HS lên bảng mô tả bằng lời về nghề nghiệp của một người thân trong gia đình mình (những việc làm hằng ngày và ích lợi của nghề nghiệp đó).

– HS khác cùng đoán về nghề nghiệp được bạn nói đến.

– GV nhận xét, dẫn dắt HS vào tiết 2 của bài học.

Hoạt động 1: Quan sát hình và thảo luận

**** Mục tiêu:*** HS thu thập được một số thông tin về những công việc tình nguyện không nhận lương.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức cho HS quan sát các hình 10, 11, 12, 13 trong SGK trang 14 (hoặc có thể chiếu bằng máy chiếu cho HS quan sát).

– GV đặt câu hỏi:

+ Mọi người trong hình đang làm gì?

+ Công việc của họ có ý nghĩa như thế nào với mọi người xung quanh?

+ Công việc tình nguyện là công việc như thế nào? Những người làm công việc tình nguyện có nhận lương không?

– GV mời 4 HS lên bảng lần lượt chỉ vào các hình trên bảng và nói về nội dung các hình.

– HS và GV cùng nhận xét.

**** Kết luận:*** Có những công việc, nghề có thu nhập nhưng cũng có những công việc tình nguyện không nhận lương, những công việc đó thường là những công việc tình nguyện, thiện nguyện, góp phần mang lại ý nghĩa lớn cho cộng đồng xung quanh, thể hiện sự yêu thương và chia sẻ.

Hoạt động 2: Sưu tầm tranh, ảnh và chia sẻ thông tin về các công việc xung quanh

**** Mục tiêu:*** HS liên hệ được một số công việc tình nguyện trong cuộc sống hằng ngày.

**** Cách tiến hành:***

– HS chuẩn bị các tranh, ảnh, thông tin đã sưu tầm, chuẩn bị.

– HS thảo luận nhóm theo các câu hỏi:

+ Bạn đã sưu tầm thông tin về những công việc, nghề nghiệp nào?

+ Đó là công việc có thu nhập hay công việc tình nguyện không nhận lương?

+ Những công việc đó mang lại ích lợi gì cho mọi người xung quanh?

– GV mời 2 đến 3 nhóm HS báo cáo trước lớp.

– HS và GV cùng nhau nhận xét, rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Có nhiều công việc tình nguyện quanh em: giúp đỡ HS trong mùa thi; giúp đỡ người già ở viện dưỡng lão; chăm sóc các em nhỏ tật nguyền, trẻ mồ côi;…

Hoạt động 3: Thực hành làm và chia sẻ về "Cây nghề nghiệp mơ ước"

**** Mục tiêu:*** HS chia sẻ được với các bạn, người thân về công việc, nghề nghiệp yêu thích sau này.

**** Cách tiến hành:***

– GV chia lớp thành các nhóm.

+ Mỗi HS chuẩn bị một tờ giấy màu, kéo, bút viết.

+ Cắt tờ giấy màu thành hình bông hoa hoặc quả.

+ Viết lên tờ giấy một nghề nghiệp yêu thích.

+ Dán tờ giấy lên "Cây nghề nghiệp mơ ước" của nhóm.

+ Giới thiệu với các bạn về nghề nghiệp mơ ước của mình.

**** Kết luận:*** Mỗi bạn đều ước mơ sau này làm một nghề nghiệp yêu thích. Các em hãy cùng nhau cố gắng học tập chăm chỉ để sau này thực hiện được ước mơ của mình.

– GV dẫn dắt để HS rút ra bài học.

GV dẫn dắt để HS nêu được các từ khoá của bài: "Nghề nghiệp – Thu nhập – Tình nguyện – Yêu thích".

Hoạt động tiếp nối sau bài học

GV yêu cầu HS chia sẻ với người thân trong gia đình về nghề nghiệp yêu thích của mình.

Bài 3 Phòng tránh ngộ độc khi ở nhà

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Kể được tên một số đồ dùng và thức ăn, đồ uống nếu không được cất giữ, bảo quản cẩn thận có thể gây ngộ độc.

– Thu thập được thông tin về một số lí do gây ngộ độc qua đường ăn uống.

– Đề xuất được những việc bản thân và các thành viên trong gia đình có thể làm để phòng tránh ngộ độc.

– Đưa ra được cách xử lí tình huống khi bản thân hoặc người nhà bị ngộ độc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

– GV: bài hát, tranh tình huống.

– HS: SGK, VBT.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Chân trời sáng tạo

TIẾT 1

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi những hiểu biết đã có của HS về việc sử dụng thức ăn, đồ uống hằng ngày.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức cho HS thi kể nhanh tên những thức ăn, đồ uống mà gia đình thường sử dụng.

– GV dẫn dắt vào bài học: "Phòng tránh ngộ độc khi ở nhà".

Hoạt động 1: Quan sát và thảo luận

**** Mục tiêu:*** HS thu thập được thông tin về một số lí do gây ngộ độc qua đường ăn uống.

**** Cách tiến hành:***

– GV chia lớp thành các nhóm 2 HS.

– GV yêu cầu HS quan sát các hình 1, 2, 3, 4 trong SGK trang 16 (GV có thể phóng to hình hoặc trình chiếu hình và yêu cầu của hoạt động lên bảng).

– HS hỏi – đáp theo các câu hỏi:

+ Bạn nhỏ trong hình đang làm gì?

+ Điều gì có thể xảy ra với bạn? Vì sao?

– GV mời 2 đến 3 nhóm HS lên trước lớp chỉ hình và hỏi – đáp trước lớp.

**** Kết luận:*** Một số tình huống có thể dẫn đến ngộ độc: nhầm thuốc với kẹo, nước uống; ăn phải hoa, quả,… của cây có độc; nhiễm chất độc từ các đồ dùng như thuỷ ngân trong nhiệt kế; ăn uống không hợp vệ sinh;...

Hoạt động 2: Kể chuyện theo hình

**** Mục tiêu:*** HS bước đầu nhận biết những tình huống, việc làm có thể dẫn đến ngộ độc khi ở nhà.

**** Cách tiến hành:***

– GV yêu cầu HS quan sát các hình 5, 6, 7, 8 trong SGK trang 17 và thảo luận:

+ Kể lại câu chuyện của bạn Nam theo các hình.

+ Vì sao Nam bị ngộ độc? Khi bị ngộ độc, Nam có biểu hiện như thế nào?

+ Em học được điều gì từ câu chuyện đó?

– GV và HS nhận xét và cùng rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Một số thức ăn, đồ uống nếu không bảo quản hoặc hết hạn sử dụng có thể gây ngộ độc khi chúng ta ăn, uống vào cơ thể, gây ra hiện tượng buồn nôn, hoa mắt, đau bụng,...

Hoạt động 3: Sưu tầm thông tin về những trường hợp bị ngộ độc

**** Mục tiêu:*** HS sưu tầm thông tin và tìm hiểu về những trường hợp bị ngộ độc qua đường ăn uống khi ở nhà.

**** Cách tiến hành:***

– HS hỏi – đáp nhau theo các câu hỏi:

+ Tìm hiểu trên sách, báo, ti vi,… về những trường hợp bị ngộ độc ở nhà mà bạn biết.

+ Nguyên nhân dẫn đến ngộ độc trong trường hợp đó là gì?

+ Người ngộ độc có biểu hiện như thế nào?

– GV mời 2 đến 3 cặp HS lên hỏi – đáp trước lớp.

**** Kết luận:*** Một số đồ dùng và thức ăn, đồ uống nếu không cất giữ, bảo quản cẩn thận, ăn không đúng cách hoặc không rõ nguồn gốc có thể gây ngộ độc và nguy hiểm đến sức khoẻ của bản thân.

Hoạt động tiếp nối sau bài học

GV yêu cầu HS về nhà chuẩn bị: Sưu tầm thêm tranh, ảnh hoặc truyện kể về những trường hợp bị ngộ độc ở nhà qua sách báo, internet,...

TIẾT 2

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi những hiểu biết đã có của HS về nguyên nhân dẫn đến ngộ độc.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức cho HS đứng nhún nhảy và hát theo bài "Chiếc bụng đói" (sáng tác: Nguyễn Thuỷ Tiên).

– HS trả lời câu hỏi: Chúng ta có nên ăn tất cả mọi thứ cùng một lúc không? Vì sao?

– GV nhận xét câu trả lời, dẫn dắt HS vào tiết 2 của bài học.

Hoạt động 1: Những việc làm để phòng tránh ngộ độc

**** Mục tiêu:*** HS nêu được những việc có thể làm để phòng tránh ngộ độc.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức cho HS quan sát các hình 9, 10, 11, 12 trong SGK trang 18 (hoặc có thể chiếu máy chiếu cho HS quan sát).

– GV đặt câu hỏi: Mọi người trong hình đang làm gì? Việc làm đó có tác dụng gì?

– GV mời 4 HS lên bảng lần lượt chỉ vào các hình trên bảng và nói về nội dung các hình.

– GV hỏi thêm: Chúng ta có thể làm gì để phòng tránh ngộ độc khi ở nhà?

**** Kết luận:*** Thuốc nên để trên cao và ở vị trí riêng, ghi chú trên nhãn các loại thuốc độc, nguy hiểm; không ăn uống thức ăn bị ôi thiu; cất giữ, bảo quản thức ăn cẩn thận; rửa sạch hoa quả dưới vòi nước chảy trước khi ăn;...

Hoạt động 2: Sắp xếp đồ dùng vào vị trí phù hợp

**** Mục tiêu:*** HS nêu được cách sắp xếp đồ dùng phù hợp trong nhà để phòng tránh ngộ độc.

**** Cách tiến hành:***

– GV yêu cầu HS quan sát hình có các đồ dùng để nêu cách sắp xếp các đồ dùng trong hình vào vị trí phù hợp trong nhà.

– HS báo cáo trước lớp.

– HS và GV cùng nhau nhận xét, rút ra kết luận

**** Kết luận:*** Chúng ta cần sắp xếp đồ dùng vào vị trí phù hợp để tránh sử dụng nhầm lẫn và gây nguy hiểm.

Hoạt động 3: Đóng vai xử lí tình huống

**** Mục tiêu:*** HS đưa ra được cách xử lí tình huống khi bản thân hoặc người nhà bị ngộ độc.

**** Cách tiến hành:***

– GV yêu cầu HS quan sát hình 13 và 14 trong SGK trang 19 và thực hiện yêu cầu:

+ Chuyện gì xảy ra với bạn nhỏ trong hình?

+ Đóng vai thể hiện cách ứng xử của em trong mỗi tình huống đó.

– HS đóng vai, giải quyết tình huống

– HS và GV cùng nhau nhận xét.

**** Kết luận:*** Khi bản thân hoặc người nhà bị ngộ độc, cần báo ngay với người lớn hoặc gọi điện thoại đến số 115. Nếu có thể, nên mang theo những thức ăn, đồ uống, đồ dùng mà bản thân nghi ngờ gây ra ngộ độc khi đi cấp cứu.

Hoạt động 4: Liên hệ

**** Mục tiêu:*** HS liên hệ về cách sắp xếp các đồ dùng trong gia đình.

**** Cách tiến hành:***

– HS thảo luận theo các câu hỏi:

+ Gia đình bạn đã sắp xếp đồ dùng như thế nào? Thức ăn được bảo quản ở đâu?

+ Cách sắp xếp đồ dùng và bảo quản thức ăn đã hợp lí chưa? Có cần thay đổi gì để phòng tránh ngộ độc xảy ra không? Vì sao?

**** Kết luận:*** Cần sắp xếp đồ dùng ngăn nắp, để riêng các loại thuốc, chất nguy hiểm; thức ăn, đồ uống nên được bảo quản cẩn thận trong tủ lạnh,… để phòng tránh ngộ độc qua đường ăn uống.

– GV dẫn dắt để HS đọc nội dung trọng tâm của bài học.

GV dẫn dắt để HS nêu được các từ khoá của bài: "Bảo quản – Thức ăn".

Hoạt động tiếp nối sau bài học

Quan sát cách sắp xếp các đồ dùng trong gia đình và nói với người thân nếu em thấy việc sắp xếp các đồ dùng và bảo quản thức ăn, đồ uống chưa phù hợp.

Bài 4 Giữ vệ sinh nhà ở

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Giải thích được tại sao phải giữ sạch nhà ở (bao gồm cả nhà bếp và nhà vệ sinh).

– Làm được một số việc phù hợp để giữ sạch nhà ở (bao gồm cả nhà bếp và nhà vệ sinh).

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

– GV: bài hát, tranh tình huống, thẻ chữ ghi tên các công việc vệ sinh nhà ở.

– HS: SGK, VBT.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi những hiểu biết đã có của HS về việc giữ vệ sinh nhà ở.

**** Cách tiến hành:***

– GV đố vui HS: Đưa ra thẻ chữ có dấu …. (hoặc chiếu máy chiếu): Nhà …. thì….., bát…. ngon……

– Yêu cầu HS ghi nhanh từ còn thiếu để hoàn thành nội dung câu tục ngữ trên.

– HS giải thích câu tục ngữ trên.

– GV dẫn dắt vào bài học: "Giữ vệ sinh nhà ở".

Hoạt động 1: Quan sát và thảo luận

**** Mục tiêu:*** HS bước đầu bày tỏ ý kiến về ích lợi của việc giữ sạch nhà ở.

**** Cách tiến hành:***

– GV yêu cầu HS quan sát hình 1, 2 trong SGK trang 20 và trả lời câu hỏi: Em thích được ở trong ngôi nhà nào hơn? Vì sao?

– GV và HS nhận xét và cùng rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Khi nhà cửa gọn gàng, sạch đẹp sẽ mang lại cảm giác thoải mái cho chúng ta.

Hoạt động 2: Quan sát và thảo luận

**** Mục tiêu:*** HS dự đoán điều có thể xảy ra khi không giữ vệ sinh nhà ở.

**** Cách tiến hành:***

– GV yêu cầu HS quan sát hình 3, 4 trong SGK trang 21 hoặc trình chiếu các hình và yêu cầu của hoạt động lên bảng.

– HS trả lời theo các câu hỏi: Điều gì xảy ra với bạn trong mỗi hình? Vì sao?

– GV mời 2 đến 3 HS lên trước lớp chỉ hình và trả lời trước lớp.

**** Kết luận:*** Khi nhà ở không gọn gàng có thể làm mất thời gian để chúng ta tìm được đồ dùng, vật dụng cần thiết; Nhà ở không vệ sinh còn có thể là nơi trú ẩn của muỗi, côn trùng, chúng có thể gây hại đến sức khoẻ của chúng ta.

Hoạt động 3: Liên hệ và chia sẻ

**** Mục tiêu:*** HS liên hệ bản thân về việc giữ nhà ở gọn gàng, sạch sẽ.

**** Cách tiến hành:***

– HS hỏi – đáp nhau theo các câu hỏi:

+ Bạn có thích được sống trong ngôi nhà sạch sẽ, gọn gàng không?

+ Bạn cảm thấy như thế nào khi ở trong một ngôi nhà sạch sẽ, gọn gàng?

+ Bạn đã làm gì để giữ nhà ở sạch sẽ?

– GV mời 2 đến 3 cặp HS lên hỏi – đáp trước lớp.

**** Kết luận:*** Nhà ở sạch sẽ giúp con người cảm thấy thoải mái, dễ chịu và sử dụng đồ dùng trong nhà thuận tiện hơn. Chúng ta cần lau chùi, sắp xếp các đồ dùng trong nhà, quét dọn ngôi nhà thường xuyên để nhà ở luôn gọn gàng, sạch sẽ và đảm bảo sức khoẻ cho cả gia đình.

Hoạt động tiếp nối sau bài học

GV yêu cầu HS về nhà chuẩn bị: Thực hiện một việc làm để giữ vệ sinh nhà ở của mình và vẽ hoặc viết về việc làm đó.

TIẾT 2

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi những hiểu biết đã có của HS về việc giữ vệ sinh nhà ở.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức cho HS giới thiệu về những tranh vẽ hoặc kể những việc làm trong tuần mà bản thân đã làm để giữ nhà ở gọn gàng, sạch sẽ.

– GV nhận xét, dẫn dắt HS vào tiết 2 của bài học.

Hoạt động 1: Bày tỏ ý kiến

**** Mục tiêu:*** HS bày tỏ thái độ đồng tình hay không đồng tình với việc làm liên quan đến giữ vệ sinh nhà ở.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức cho HS quan sát các hình 6, 7, 8 trong SGK trang 22 (hoặc có thể chiếu máy chiếu cho HS quan sát).

– GV đặt câu hỏi:

+ Mọi người trong hình đang làm gì?

+ Em đồng tình hay không đồng tình với việc làm đó? Vì sao?

– GV mời 3 HS lên bảng lần lượt chỉ vào các hình trên bảng và nói về nội dung các hình.

– HS và GV cùng nhận xét.

– GV hỏi thêm: Chúng ta có thể làm gì để giữ vệ sinh nhà ở?

**** Kết luận:*** Cùng nhau lau chùi, quét dọn nhà ở để nhà ở luôn sạch sẽ, gọn gàng; không vẽ bậy, bôi bẩn lên tường, lên đồ dùng trong nhà và nhắc nhở mọi người trong gia đình cùng nhau thực hiện.

Hoạt động 2: Trò chơi "Dọn nhà"

**** Mục tiêu:*** HS nêu được các bước thực hiện một số việc làm để giữ vệ sinh nhà ở.

**** Cách tiến hành:***

– GV phổ biến luật chơi: Chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm sẽ nhận một thẻ chữ ghi tên công việc nhà: lau nhà; quét nhà; sắp xếp góc học tập; lau bếp; lau, dọn nhà vệ sinh.

– HS thảo luận nhóm về các bước thực hiện công việc và những lưu ý khi thực hiện công việc đó.

– GV mời từng nhóm thực hành, biểu diễn trước lớp.

– HS và GV cùng nhau nhận xét, rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Chúng ta cần vệ sinh nhà ở đúng cách để bảo vệ sức khoẻ và tiết kiệm thời gian.

– GV dẫn dắt để HS đọc được nội dung trọng tâm của bài học.

GV dẫn dắt để HS nêu được các từ khoá của bài: "Nhà ở – Sạch sẽ".

Hoạt động tiếp nối sau bài học

– Thực hiện sắp xếp góc học tập của em.

– Nhờ người thân chụp lại góc học tập của mình và chia sẻ với các bạn.

Bài 5 Ôn tập chủ đề Gia đình

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Chia sẻ về các thế hệ trong gia đình của mình.

– Liên hệ về những việc đã làm để giữ vệ sinh nhà ở.

– Ứng xử phù hợp liên quan đến an toàn khi ở nhà.

– Hệ thống lại nội dung kiến thức về nghề nghiệp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

– GV: Các hình trong bài 5 SGK;

– HS: SGK, VBT, ảnh hoặc tranh vẽ về gia đình.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi để HS nhớ lại những kiến thức đã học của chủ đề Gia đình.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức cho HS cùng đứng và nhún nhảy theo một bài hát về gia đình.

– GV chuyển ý và dẫn dắt vào bài học: "Ôn tập chủ đề Gia đình".

Hoạt động 1: Giới thiệu về gia đình của em

**** Mục tiêu:*** HS ôn tập củng cố kiến thức về các thế hệ và thành viên trong gia đình.

**** Cách tiến hành:***

– HS chuẩn bị trước các tranh vẽ hoặc ảnh chụp các thành viên trong gia đình của mình.

– HS các nhóm thảo luận, chia sẻ với bạn về các nội dung:

+ Giới thiệu về các thế hệ và thành viên trong gia đình của mình.

+ Em và mọi người trong gia đình đã làm gì để thể hiện sự quan tâm và yêu thương lẫn nhau?

Chân trời sáng tạo

– GV mời 2 đến 3 HS lên trước lớp và chia sẻ. Các HS khác có thể so sánh sự giống nhau về số lượng các thành viên và thế hệ trong gia đình của mình với bạn.

– GV và HS cùng nhận xét và rút ra kết luận.

Kết luận: Trong mỗi gia đình có thể có hai thế hệ, ba thế hệ hoặc bốn thế hệ thuộc nhiều lứa tuổi khác nhau cùng chung sống. Mọi người trong gia đình cùng quan tâm, yêu thương nhau bằng những việc làm cụ thể.

Hoạt động 2: Quan sát và thảo luận

Mục tiêu: Nêu và liên hệ được một số việc làm phù hợp để giữ vệ sinh nhà ở.

Cách tiến hành:

– HS quan sát các hình 1, 2, 3, 4, 5, 6 trong SGK trang 23 và trả lời các câu hỏi sau:

+ Các bạn nhỏ trong hình đang làm gì?

+ Việc làm đó có ích lợi gì?

+ Em đã thực hiện việc làm đó như thế nào?

– GV mời một số nhóm HS báo cáo kết quả trước lớp.

Kết luận: Em sắp xếp đồ dùng và giữ vệ sinh ngôi nhà luôn sạch sẽ.

Hoạt động tiếp nối sau bài học

– HS về nhà tiếp tục thực hiện những việc làm để giữ nhà ở sạch sẽ.

– HS sưu tầm, chuẩn bị tranh, ảnh về các nghề nghiệp khác nhau.

TIẾT 2

Hoạt động khởi động và khám phá

Mục tiêu: Tạo hứng thú và khơi gợi lại nội dung bài học của tiết học trước.

Cách tiến hành:

– GV tổ chức trò chơi: "Đố bạn tôi làm nghề gì?".

– GV phổ biến luật chơi: Mỗi bạn sẽ bốc thăm tên một nghề nghiệp và dùng hành động diễn tả công việc của nghề nghiệp đó.

– GV dẫn dắt HS vào tiết 2 của bài học.

Hoạt động 1: Chia sẻ tranh ảnh về nghề nghiệp

Mục tiêu: HS ôn tập củng cố kiến thức về nghề nghiệp.

Cách tiến hành:

– HS hoạt động nhóm và dán các tranh, ảnh về nghề nghiệp đã sưu tầm.

– Triển lãm tranh, ảnh về nghề nghiệp.

– Chia sẻ với bạn về một nghề em yêu thích.

– GV và HS cùng nhận xét, rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Có nhiều nghề nghiệp khác nhau, mỗi nghề nghiệp đều mang lại những ích lợi riêng cho xã hội.

Hoạt động 2: Đóng vai

**** Mục tiêu:*** HS phân tích tình huống để đưa ra cách ứng xử phù hợp liên quan đến an toàn khi ở nhà.

**** Cách tiến hành:***

– GV yêu cầu HS quan sát hình 8 trong SGK trang 24 và trả lời câu hỏi:

+ Bạn trai trong hình đang làm gì?

+ Nếu em là chị gái trong tình huống thì em sẽ ứng xử như thế nào?

– GV tổ chức cho HS đóng vai trước lớp.

– GV và HS cùng nhận xét, rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Chúng ta cần bày tỏ ý kiến hoặc khuyên người thân cẩn thận khi sử dụng thuốc trong gia đình.

Hoạt động tiếp nối sau bài học

GV yêu cầu HS tìm hiểu và cùng người lớn sắp xếp các loại thuốc ở tủ thuốc gia đình.

Chân trời sáng tạo

Bài 6 Một số sự kiện ở trường em

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Nêu được tên và một số hoạt động của những sự kiện thường được tổ chức ở trường.

– Nhận xét được sự tham gia của HS trong sự kiện đó và chia sẻ cảm nhận của bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

– GV: Các hình trong bài 6 SGK, một số hình ảnh hoặc clip về các sự kiện của trường.

– HS: SGK, VBT, sản phẩm đã làm được trong các sự kiện (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động khởi động và khám phá

Mục tiêu: Tạo hứng thú và khơi gợi những hiểu biết đã có của HS về những sự kiện thường được tổ chức ở trường.

Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS chơi trò chơi "Thi nói nhanh".

– GV phổ biến luật chơi: GV gọi ngẫu nhiên một HS và yêu cầu nói về một điều thích nhất ở trường. Sau đó, HS đó tiếp tục mời bạn khác kể tiếp.

– GV cho HS chơi trò chơi để dẫn dắt vào bài học: "Một số sự kiện ở trường em".

Hoạt động 1: Nêu tên và hoạt động trong các sự kiện ở trường

Mục tiêu: HS kể được tên và hoạt động trong các sự kiện được tổ chức ở trường theo các hình.

Cách tiến hành:

– GV cho HS quan sát hình 1, 2 trang 26; hình 3 trang 27 trong SGK và thảo luận nhóm để nêu tên và một số hoạt động của những sự kiện được tổ chức ở trường.

– GV tổ chức cho HS chia sẻ các sự kiện được tổ chức ở trường học (trường bạn An tổ chức sự kiện lễ khai giảng, trường bạn Nam tổ chức ngày hội đọc sách, hội xuân tuổi thơ,...).

– GV nêu câu hỏi: Các bạn HS đã tham gia như thế nào?

Kết luận: Một số sự kiện thường được tổ chức ở trường học như lễ khai giảng, ngày hội đọc sách, hội xuân tuổi thơ,... Ở mỗi sự kiện, các bạn học sinh được tham gia nhiều hoạt động vui chơi và bổ ích.

Hoạt động 2: Các sự kiện ở trường em

Mục tiêu: HS kể một số sự kiện đã được tổ chức ở trường. Nhận xét được sự tham gia của các bạn trong sự kiện đó và chia sẻ cảm nhận của bản thân.

Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS thi nói nhanh: Kể tên các sự kiện mà em đã tham gia ở trường.

– GV tổ chức cho thảo luận: Chia sẻ với các bạn về một sự kiện ở trường mà em thích nhất. Trong sự kiện đó, các bạn HS đã tham gia như thế nào?

– GV và HS nhận xét.

Kết luận: Bên cạnh các hoạt động học tập, nhà trường còn tổ chức một số sự kiện để học sinh được trải nghiệm, có thêm nhiều kiến thức và kĩ năng bổ ích.

GV dẫn dắt để HS nêu được các từ khoá của bài: "Sự kiện – Trải nghiệm".

Hoạt động tiếp nối sau bài học

GV yêu cầu HS vẽ một số hoạt động thích nhất ở một số sự kiện được tham gia ở trường.

Chân trời sáng tạo

Bài 7 Ngày Nhà giáo Việt Nam

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Nêu được tên, một số hoạt động và ý nghĩa của ngày Nhà giáo Việt Nam.

– Chia sẻ cảm nhận của bản thân về ngày Nhà giáo Việt Nam.

– Biết cách thể hiện lòng biết ơn thầy cô giáo.

– Thực hiện giữ vệ sinh khi tham gia các hoạt động ở trường.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

– GV:

+ Các hình trong bài 7 SGK.

+ Các dụng cụ để làm thiệp như: giấy A4, giấy thủ công, kéo, hồ, bút mực, bút màu,...

– HS: SGK, VBT, vật liệu để làm thiệp chúc mừng thầy giáo, cô giáo.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi những hiểu biết đã có của HS về ngày Nhà giáo Việt Nam, dẫn dắt vào bài mới.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức cho HS hát hoặc đọc thơ về thầy giáo, cô giáo.

– GV nhận xét chung và dẫn dắt vào bài học: "Ngày Nhà giáo Việt Nam".

Hoạt động 1: Tìm hiểu sự kiện ngày Nhà giáo Việt Nam

**** Mục tiêu:*** HS nói được hiểu biết của bản thân, nêu được ý nghĩa của ngày Nhà giáo Việt Nam.

**** Cách tiến hành:***

– GV cho HS quan sát hình 1 trong SGK trang 28 và trả lời câu hỏi:

+ Trường bạn An sắp có sự kiện gì?

+ Sự kiện đó có ý nghĩa như thế nào?

+ Mọi người đang làm gì để chuẩn bị cho sự kiện đó?

– GV tổ chức cho HS chia sẻ câu trả lời trước lớp.

– GV nêu câu hỏi: Ngày Nhà giáo Việt Nam là ngày nào? Ngày Nhà giáo Việt Nam có ý nghĩa gì?

**** Kết luận:*** Ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11 là ngày các em HS thể hiện sự biết ơn, lòng tri ân của mình với thầy giáo, cô giáo. Ở trường học, ngày này cũng thường được tổ chức với nhiều hoạt động ý nghĩa dành tri ân thầy cô.

Hoạt động 2: Một số hoạt động chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam

**** Mục tiêu:*** HS biết cách thể hiện lòng biết ơn thầy cô.

**** Cách tiến hành:***

– GV yêu cầu HS quan sát hình 2, 3, 4, 5 trong SGK trang 29 và trả lời câu hỏi:

+ Nêu những hoạt động mà An và các bạn tham gia để chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam.

+ Các bạn đã tham gia những hoạt động đó như thế nào?

– Sau đó, GV yêu cầu HS quan sát hình 6, 7, 8 trong SGK trang 29 và trả lời câu hỏi:

+ Sau khi tham gia các hoạt động chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam, An và các bạn đã làm gì?

– GV và HS cùng nhận xét, rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Có nhiều hoạt động diễn ra để chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam.

Hoạt động 3: Liên hệ bản thân

**** Mục tiêu:*** HS kể được một số hoạt động bản thân đã từng làm để chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam và chia sẻ cảm nhận của bản thân.

**** Cách tiến hành:***

– GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

+ Kể những hoạt động em đã tham gia để chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam.

+ Em thích nhất hoạt động nào? Vì sao?

– GV và HS cùng nhận xét và rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Chúng em tích cực tham gia các hoạt động học tập, văn nghệ, thể thao,... để chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam.

Hoạt động tiếp nối sau bài học

GV yêu cầu HS về viết khoảng 5 câu kể lại những hoạt động mà em đã tham gia để chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam hoặc vẽ hình thầy, cô giáo em yêu mến nhất.

Chân trời sáng tạo

TIẾT 2

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi lại nội dung bài học của tiết học trước.

**** Cách tiến hành:***

– GV yêu cầu HS đọc đoạn văn (HS đã chuẩn bị) kể về những hoạt động mà em đã tham gia để chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam.

– GV nhận xét, dẫn dắt HS vào tiết 2 của bài học.

Hoạt động 1: Nêu ý nghĩa của ngày Nhà giáo Việt Nam

**** Mục tiêu:*** HS nêu được ý nghĩa của ngày Nhà giáo Việt Nam.

**** Cách tiến hành:***

– GV cho HS đóng vai với tình huống như trong hình 9 (SGK trang 30): An và các bạn cùng đến trường. Trên tay bạn An cầm bó hoa tươi thắm. Một bạn nam thắc mắc: Bạn mang hoa làm gì thế? An mỉm cười trả lời: Mình muốn chúc mừng thầy cô vì...

– GV cho HS nhận xét (Gợi ý: Có nhiều cách thể hiện lòng biết ơn các thầy, cô giáo như: thi đua học tập tốt; hát thật hay, thật to để chúc mừng thầy cô; vẽ tranh tặng thầy cô;...).

**** Kết luận:*** Ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11 là ngày các em HS thể hiện sự tri ân của mình với thầy cô đã dạy dỗ mình.

Hoạt động 2: Chia sẻ với bạn về thầy, cô giáo của em

**** Mục tiêu:*** HS chia sẻ với bạn về thầy, cô giáo và tình cảm dành cho thầy, cô giáo.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm: Chia sẻ với bạn về thầy giáo, cô giáo của em.

– GV và HS cùng nhận xét.

**** Kết luận:*** Các bạn HS thường thể hiện tình cảm với thầy cô thông qua những tấm thiệp, những bức thư, những bài hát,... Đây là những món quà tinh thần vô cùng quý giá mà các em HS gửi đến thầy cô.

Hoạt động 3: Trải nghiệm một số hoạt động và chia sẻ cảm nhận của bản thân về ngày Nhà giáo Việt Nam

**** Mục tiêu:*** HS trải nghiệm các hoạt động để chúc mừng thầy cô và nêu được cảm nhận của bản thân về ngày Nhà giáo Việt Nam.

**** Cách tiến hành:***

– Thực hành làm thiệp chúc mừng thầy giáo, cô giáo nhân ngày 20-11.

– GV cho HS quan sát hình 11, 12, 13 trong SGK trang 31 và trả lời câu hỏi: Các bạn trong hình đang làm gì? Các bạn đã sử dụng vật liệu nào để làm thiệp chúc mừng thầy giáo, cô giáo?

– GV tổ chức cho HS thực hành làm thiệp để chúc mừng thầy cô.

– GV cho HS chia sẻ trước lớp về tấm thiệp mình đã làm.

– GV tổ chức trò chơi phỏng vấn: Nêu cảm nhận của em về các tấm thiệp các bạn đã làm.

– GV giúp HS hiểu việc tích cực tham gia các hoạt động chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam để thể hiện lòng biết ơn, tri ân đến thầy cô giáo.

– GV lưu ý HS: Quan sát lớp học khi thực hành và cùng các bạn giữ vệ sinh lớp học.

**** Kết luận:*** Chúng em tích cực tham gia các hoạt động để chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam.

Hoạt động 4: Vệ sinh lớp học khi thực hành

**** Mục tiêu:*** HS quan sát và thực hiện giữ vệ sinh khi tham gia các hoạt động ở trường.

**** Cách tiến hành:***

– GV cho HS quan sát hình 14 trong SGK trang 31 và đặt câu hỏi:

+ Khi làm thiệp tặng thầy cô, các bạn lớp bạn An đã làm gì để giữ vệ sinh lớp?

+ Khi thực hành, các em nên làm gì để giữ vệ sinh lớp mình?

– GV cho HS nhận xét.

– GV gợi ý: Khi làm thiệp tặng thầy cô, An và các bạn cùng giữ vệ sinh lớp học để lớp học được sạch sẽ. Khi thực hành, các em nên giữ vệ sinh lớp để lớp học được sạch sẽ.

**** Kết luận:*** Các em cần giữ vệ sinh lớp học sạch sẽ khi tham gia các hoạt động.

GV dẫn dắt để HS nêu được các từ khoá của bài: "Biết ơn – Ngày Nhà giáo Việt Nam".

Hoạt động tiếp nối sau bài học

GV yêu cầu HS về nhà tự tay làm những món quà để tặng thầy, cô giáo. Đem vào lớp hoặc chụp hình sản phẩm để chia sẻ với bạn.

Bài 8 An toàn và giữ vệ sinh khi tham gia các hoạt động ở trường

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Nêu được một số tình huống nguy hiểm, rủi ro có thể xảy ra và cách phòng tránh khi tham gia các hoạt động ở trường học.

– Thực hiện được việc giữ vệ sinh khi tham gia các hoạt động ở trường.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

– GV: Các hình trong bài 8 SGK; Bảng nhóm chia cột Nên/ Không nên; Phiếu khảo sát dành cho HS.

– HS: SGK, VBT.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi những hiểu biết đã có của HS về một số tình huống nguy hiểm, rủi ro khi tham gia các hoạt động ở trường.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức cho HS chơi trò chơi "Đoán tên hoạt động ở trường".

GV phổ biến luật chơi: Một HS lên làm các hành động gợi ý, các em còn lại đoán tên hoạt động. Ví dụ: HS làm động tác lườn, các em khác sẽ đoán đó là hoạt động tập thể dục.

– GV cho HS chơi trò chơi và dẫn dắt vào bài học: "An toàn và giữ vệ sinh khi tham gia các hoạt động ở trường".

Hoạt động 1: Một số tình huống nguy hiểm, rủi ro có thể xảy ra khi tham gia các hoạt động ở trường

**** Mục tiêu:*** HS xác định được một số nguy hiểm, rủi ro có thể xảy ra.

**** Cách tiến hành:***

– GV cho HS quan sát hình 1, 2, 3, 4 trong SGK trang 32 và kể lại câu chuyện: Lớp Nam thực hành chăm sóc cây ở vườn trường. Trong khi các bạn tưới nước, quét lá thì Tú và Tuấn ném đá trêu đùa nhau. Cô giáo nhắc nhở hai bạn. Hai bạn đã xin lỗi cô giáo. Sau đó các bạn dọn dẹp vệ sinh, cất dụng cụ lao động gọn gàng.

Chân trời sáng tạo

– GV hỏi HS:

+ Điều gì có thể xảy ra với Tú và Tuấn? Vì sao?

+ Em học được điều gì từ câu chuyện đó?

– GV tổ chức cho HS chia sẻ câu trả lời trước lớp.

**** Kết luận:*** Khi tham gia học tập, hoạt động tại trường, em không nên đùa nghịch, chơi những trò chơi có thể gây nguy hiểm.

Hoạt động 2: Tìm hiểu một số tình huống có thể gây nguy hiểm, rủi ro khi tham gia các hoạt động ở trường

**** Mục tiêu:*** HS nêu được một số hành động có thể gây nguy hiểm, rủi ro khi tham gia các hoạt động ở trường.

**** Cách tiến hành:***

– GV cho HS quan sát hình 5, 6, 7, 8 trong SGK trang 33 và yêu cầu HS trình bày: Điều gì có thể xảy ra với các bạn trong mỗi hình? Vì sao?

Gợi ý:

+ Hình 5: Các bạn đang ngồi học tin học. Một bạn trai đá vào phần thân máy vi tính (CPU).

+ Hình 6: Trong giờ ăn tập thể, có hai bạn nam dùng thìa chơi trò chơi đấu kiếm, có thể sẽ đánh trúng mặt bạn và làm thức ăn bị đổ.

+ Hình 7: Trong giờ ra chơi, các bạn chơi trò chơi ném cù.

+ Hình 8: Các bạn đang tham quan, học tập ở vườn trường. Một bạn trai kéo tóc của bạn gái.

– GV yêu cầu HS nhận xét, GV nhận xét.

**** Kết luận:*** Khi tham gia học vi tính, bạn không nên nghịch phá các máy móc, thiết bị trong phòng; trong giờ ăn, bạn không nên dùng thìa, đũa đùa nghịch; khi tham gia các hoạt động ở trường, không đùa nghịch, chơi các trò chơi nguy hiểm,...

Hoạt động 2: Liên hệ bản thân

**** Mục tiêu:*** HS liên hệ và chia sẻ được một số hành động nguy hiểm, rủi ro mà HS biết được.

**** Cách tiến hành:***

– GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

+ Ở trường, em và các bạn thường tham gia các hoạt động nào?

+ Hãy kể một số tình huống nguy hiểm, rủi ro mà em biết hoặc chứng kiến.

– GV nêu câu hỏi vận dụng: Nếu có mặt trong mỗi tình huống trên, em sẽ nói gì với các bạn?

Chân trời sáng tạo

– GV và HS cùng nhận xét và rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Nếu không cẩn thận, em có thể gặp nguy hiểm, rủi ro khi tham gia các hoạt động học tập, vui chơi, lao động,... ở trường.

Hoạt động tiếp nối sau bài học

GV yêu cầu HS thực hiện phỏng vấn bạn của mình về việc đồng tình, không đồng tình hoặc ý kiến khác với một số việc làm trong các hoạt động học tập, vui chơi ở trường theo phiếu khảo sát ý kiến.

PHIẾU KHẢO SÁT Ý KIẾN

Tên học sinh đi khảo sát: _____

Một số hành động có thể gây nguy hiểm, rủi ro khi tham gia các hoạt động ở trường	**Ý kiến của bạn bè em**		
	☺	😐	**Ý kiến khác**
Dùng bút chì để chọc bạn			
Chạy nhảy khi đi cầu thang			
Lấy vòi nước xịt ra sàn khi đi vệ sinh			
Đứng, chạy trên bàn ghế			
.....			

☺ = Đồng tình ; 😐 = Không đồng tình.

TIẾT 2

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi những hiểu biết đã có của HS về việc đảm bảo an toàn và giữ vệ sinh.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức cho HS chơi trò chơi "Đuổi hình bắt chữ".

– GV phổ biến luật chơi: GV chuẩn bị thẻ hình về một số trò chơi trong trường. HS nhìn hình đoán tên trò chơi.

– GV cho HS chơi trò chơi và dẫn dắt HS vào tiết 2 của bài học.

Hoạt động 1: Chia sẻ những việc làm đảm bảo an toàn và giữ vệ sinh khi tham gia các hoạt động

* ***Mục tiêu:*** HS kể được những việc các bạn đã làm để đảm bảo an toàn và giữ vệ sinh trường, lớp.

* ***Cách tiến hành:***

– GV cho HS quan sát hình 9, 10, 11 trong SGK trang 34 và thảo luận nhóm:

+ Nêu hoạt động của các bạn trong mỗi hình.

+ Các bạn đã làm gì để đảm bảo an toàn và giữ vệ sinh khi tham gia các hoạt động đó?

– GV tổ chức cho HS chia sẻ những việc làm của các bạn trong hình.

– GV nêu câu hỏi: Em học được điều gì qua mỗi việc làm của các bạn.

* ***Kết luận:*** Khi thấy các bạn có hành động chưa biết giữ an toàn, vệ sinh trường lớp thì em hãy nhắc nhở bạn.

Hoạt động 2: Trò chơi "Đoàn tàu hành động"

* ***Mục tiêu:*** HS kết nối những việc cần làm để giữ an toàn và giữ vệ sinh khi tham gia các hoạt động ở trường.

* ***Cách tiến hành:***

– GV chia lớp thành các đội chơi.

– Trong thời gian 10 phút, mỗi đội sẽ thi viết nhanh những việc cần làm để giữ an toàn và giữ vệ sinh khi tham gia các hoạt động ở trường lên toa tàu tương ứng.

* ***Kết luận:*** Để giữ an toàn khi tham gia các hoạt động ở trường, em cần: sử dụng đúng cách các đồ dùng, dụng cụ khi học tập, lao động; không đùa nghịch khi ăn, khi tham gia vệ sinh, lao động; báo ngay với thầy cô nếu phát hiện những bất thường trong lớp,... Ngoài việc đảm bảo an toàn, em cần lưu ý bỏ rác đúng nơi quy định, cất dọn các đồ dùng, dụng cụ lao động gọn gàng, đúng chỗ sau khi dùng,...

Hoạt động 3: Xử lí tình huống

* ***Mục tiêu:*** HS biết cách xử lí tình huống nhằm đảm bảo an toàn và giữ vệ sinh ở trường.

* ***Cách tiến hành:***

– GV hướng dẫn HS quan sát các hình 13, 14, 15, 16 trong SGK trang 35 và thảo luận, trả lời câu hỏi:

+ Các bạn trong từng hình đang làm gì?

+ Nếu có mặt ở đó, thì em sẽ làm gì?

– GV và HS cùng nhận xét, rút ra kết luận.

* ***Kết luận:*** Em không đùa nghịch gây mất an toàn và vệ sinh khi tham gia các hoạt động ở trường vì có thể gây nguy hiểm cho mình và mọi người xung quanh.

Hoạt động 4: Tham gia "Em làm tuyên truyền viên nhí"

**** Mục tiêu:*** HS biết cách tuyên truyền, nhắc nhở các bạn về việc đảm bảo an toàn và giữ vệ sinh khi tham gia các hoạt động.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức cho HS tham gia hoạt động "Em làm tuyên truyền viên nhí" về các việc làm đảm bảo an toàn và giữ vệ sinh ở trường.

**** Kết luận:*** Em cần sử dụng cẩn thận, đúng cách các đồ dùng học tập, dụng cụ lao động và giữ vệ sinh trường, lớp sạch sẽ, để trường học luôn đẹp và an toàn cho chúng em.

GV dẫn dắt để HS nêu được các từ khoá của bài: "Nguy hiểm – Phòng tránh – Rủi ro".

Hoạt động tiếp nối sau bài học

GV yêu cầu HS quan sát, ghi nhận thông qua phiếu khảo sát và tuyên dương những bạn biết giữ an toàn và giữ vệ sinh trường, lớp theo phiếu khảo sát.

PHIẾU KHẢO SÁT

Tên học sinh đi khảo sát: _____

Tên học sinh	Nội dung khảo sát	
	Những việc bạn đã làm để giữ vệ sinh trường lớp	Những việc bạn đã làm gây mất vệ sinh trường lớp

Chân trời sáng tạo

TIẾT 3

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi lại nội dung bài học của tiết trước.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức cho HS chơi trò chơi "Đố vui" mô tả về các hoạt động, HS sẽ đoán tên hoạt động, sau đó nêu cách đảm bảo an toàn và giữ vệ sinh khi tham gia hoạt động đó.

– GV nhận xét và dẫn dắt HS vào tiết 3 của bài học.

Hoạt động 1: Phân công nhiệm vụ làm vệ sinh sân trường

Mục tiêu: HS biết cách tổ chức, phân công nhiệm vụ làm vệ sinh sân trường.

Cách tiến hành:

– GV hướng dẫn HS quan sát các hình 18, 19, 20, 21 trong SGK trang 36 và trả lời câu hỏi:

+ Các bạn trong mỗi hình đang làm gì?

+ Để thực hành làm vệ sinh sân trường, các em cần phải làm gì?

– GV và HS cùng nhận xét, rút ra kết luận.

Kết luận: Khi tham gia thực hành vệ sinh sân trường, chúng em cần chuẩn bị dụng cụ vệ sinh và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng nhóm hay từng bạn.

Hoạt động 2: Thực hành giữ gìn vệ sinh trường lớp

Mục tiêu: HS trải nghiệm để biết cách giữ gìn vệ sinh trường lớp, thực hiện được việc giữ vệ sinh và giữ an toàn khi tham gia một số hoạt động ở trường.

Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS trải nghiệm cách giữ vệ sinh trường lớp.

– GV chia lớp thành các nhóm có khoảng 5 – 6 HS (tuỳ số lượng HS thực tế của lớp).

– GV hướng dẫn HS phân công nhiệm vụ theo nhóm thực hành làm vệ sinh sân trường.

– GV cho HS bình chọn nhóm làm vệ sinh tốt nhất.

– GV nhận xét.

Kết luận: Em cùng các bạn tham gia thực hiện vệ sinh trường, lớp, chăm sóc cây xanh để trường học luôn sạch, đẹp.

GV dẫn dắt để HS nêu được các từ khoá của bài: "Giữ vệ sinh".

Hoạt động tiếp nối sau bài học

GV yêu cầu HS tiếp tục đưa ra các kế hoạch thực hành vệ sinh ở các khu vực khác trong trường.

Chân trời sáng tạo

Bài 9 Ôn tập chủ đề Trường học

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Giới thiệu những sản phẩm, những việc đã làm để chúc mừng thầy cô nhân ngày Nhà giáo Việt Nam.

– Chia sẻ những việc em đã làm để đảm bảo an toàn và giữ gìn vệ sinh khi tham gia các hoạt động ở trường.

– Biết cách ứng xử khi gặp các tình huống nguy hiểm, rủi ro ở trường học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

– GV: Các hình trong bài 9 SGK.

– HS: SGK, VBT, sản phẩm đã thực hiện.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi những hiểu biết đã có của HS về trường học của mình.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức cho HS hát bài "Em yêu trường em" (sáng tác: Hoàng Vân).

– GV cho HS chơi trò chơi để dẫn dắt vào bài học: "Ôn tập chủ đề Trường học".

Hoạt động 1: Triển lãm, giới thiệu sản phẩm của em

**** Mục tiêu:*** HS giới thiệu với các bạn về tấm thiệp mình đã làm để chúc mừng thầy cô.

**** Cách tiến hành:***

– GV cho HS trưng bày những tấm thiệp em đã làm để chúc mừng thầy cô.

– GV tổ chức cho HS đi tham quan và bình chọn tấm thiệp mà em thấy đẹp, ý nghĩa nhất.

– GV khen thưởng HS có tấm thiệp được nhiều bạn bình chọn nhất.

**** Kết luận:*** Thầy cô là người đã dạy dỗ, yêu thương các em HS. Thiệp chúc mừng là một trong những món quà tinh thần ý nghĩa mà các em có thể tự làm để tặng thầy cô.

Hoạt động 2: Giới thiệu tên sự kiện dựa vào các hoạt động

**** Mục tiêu:*** HS biết giới thiệu tên sự kiện dựa vào các hoạt động.

**** Cách tiến hành:***

– GV cho HS quan sát hình 2, trang 37 trong SGK với câu hỏi gợi ý: Cùng bạn đặt tên cho hình sau. Giải thích vì sao nhóm em đặt tên đó.

– GV cho HS thảo luận nhóm, nêu tên sự kiện và dựa vào bối cảnh mô tả các hoạt động có trong hình để giải thích vì sao chọn tên đó.

– GV cho HS trình bày trước lớp: tên của bức hình và nội dung giải thích cho tên bức hình.

– GV và HS nhận xét.

Kết luận: Khi tham gia các sự kiện, hoạt động do trường tổ chức, em cần chú ý giữ vệ sinh trường học.

TIẾT 2

Hoạt động khởi động và khám phá

Mục tiêu: Tạo hứng thú và khơi gợi cho học sinh những việc làm liên quan đến đảm bảo an toàn và giữ vệ sinh ở trường.

Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS chơi trò chơi "Tôi bảo". Ví dụ: GV hô "Tôi bảo, tôi bảo". HS hô "Bảo gì? Bảo gì?". GV hô "Bảo các em xếp ghế ngồi của mình ngay ngắn",...

– GV cho HS chơi trò chơi và dẫn dắt vào tiết 2 của bài học.

Hoạt động 1: Xử lí tình huống về đảm bảo an toàn và giữ vệ sinh ở trường.

Mục tiêu: HS phân tích và xử lý được một số tình huống để đảm bảo an toàn và giữ vệ sinh khi tham gia các hoạt động ở trường.

Cách tiến hành:

– GV cho HS quan sát hình 3, 4 trong SGK trang 38 với câu hỏi gợi ý: Em sẽ làm gì trong mỗi tình huống? Vì sao?

– GV cho HS thảo luận nhóm, nêu cách xử lí tình huống.

– GV cho HS trình bày trước lớp về cách xử lí tình huống.

– GV và HS nhận xét.

Kết luận: Ở trường, em cần giữ an toàn, vệ sinh, sắp xếp vật dụng, bàn ghế gọn gàng.

Hoạt động 2: Hoàn thành sơ đồ *"Sự kiện ở trường em"*

Mục tiêu: HS nêu được sự liên kết giữa sự kiện ở trường với các hoạt động diễn ra, đồng thời đưa ra các việc để giữ an toàn và giữ vệ sinh khi tham gia các hoạt động trong sự kiện đó.

Cách tiến hành:

– GV chia lớp thành các nhóm HS.

– Thảo luận nhóm và hoàn thành sơ đồ "Sự kiện ở trường em".

– Báo cáo và chia sẻ trước lớp.

Kết luận: Ở trường, các em được tham gia nhiều hoạt động, sự kiện. Các em nhớ cùng nhau giữ vệ sinh và đảm bảo an toàn khi tham gia các hoạt động đó.

Hoạt động tiếp nối sau bài học

GV yêu cầu HS vẽ "Ngôi trường em mơ ước".

Chủ đề: CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Bài 10

Đường giao thông

I. MỤC TIÊU

– Kể được tên các loại đường giao thông.

– Nêu được một số phương tiện giao thông và tiện ích của chúng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

– GV: Tranh, ảnh hoặc mô hình về các phương tiện giao thông, đường giao thông; đoạn phim giới thiệu về các phương tiện giao thông và tiện tích của các phương tiện giao thông đó.

– HS: SGK, VBT, tranh hoặc ảnh chụp về các phương tiện giao thông đã tham gia.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi những hiểu biết đã có của HS bằng câu đố về một phương tiện giao thông.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức dưới hình thức hỏi – đáp.

– GV đưa câu đố, HS suy nghĩ và trả lời tên phương tiện giao thông (máy bay).

– GV yêu cầu HS kể thêm một số phương tiện giao thông khác mà HS biết.

– GV nhận xét chung và dẫn dắt vào bài học: "Đường giao thông".

Hoạt động 1: Tìm hiểu đường giao thông và phương tiện giao thông

**** Mục tiêu:*** HS kể được tên các loại đường giao thông và phương tiện giao thông.

**** Cách tiến hành:***

– HS quan sát hình 1, 2, 3, 4 trang 40 trong SGK (GV có thể sử dụng hình phóng to để HS quan sát) và trả lời theo các câu hỏi gợi ý:

+ Bạn An và mẹ đi đâu?

+ Bạn An đã đi trên những loại đường giao thông nào?

+ Kể tên những phương tiện giao thông mà bạn An đã tham gia.

Chân trời sáng tạo

– GV quan sát các nhóm trao đổi, có thể gợi ý để HS nói được tên các loại đường giao thông:

+ Đầu tiên bạn An đi bằng phương tiện giao thông nào?

+ Phương tiện giao thông này chạy trên đường gì?,...

– GV tổ chức cho 2 – 3 nhóm lên trình bày.

– GV và HS cùng nhận xét, rút ra kết luận và giới thiệu thêm loại đường giao thông không có trong tranh.

– GV đưa hình (phóng to) một số phương tiện giao thông a, b, c, d, e, g, h, i trong SGK trang 41.

– HS hỏi – đáp để tìm hiểu về các phương tiện giao thông tương ứng với từng loại đường giao thông.

– GV và HS cùng nhận xét và rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Có nhiều loại phương tiện giao thông tương ứng với các loại đường giao thông: đường bộ, đường sắt, đường thuỷ và đường hàng không.

Hoạt động 2: Liên hệ bản thân

**** Mục tiêu:*** HS kể được tên các loại đường giao thông và phương tiện giao thông đã tham gia và chia sẻ về phương tiện giao thông mà em thích.

**** Cách tiến hành:***

– HS thảo luận nhóm theo câu hỏi: Chia sẻ với bạn về các loại đường giao thông và phương tiện giao thông mà em đã tham gia.

– GV tổ chức cho 2 – 3 nhóm trình bày.

– GV và HS cùng nhận xét.

– GV tổ chức cho HS chia sẻ theo nhóm đôi: Em thích đi phương tiện giao thông nào? Vì sao?

– GV quan sát các nhóm trao đổi, có thể gợi ý để HS nói được lí do thích đi phương tiện giao thông đó theo các câu hỏi gợi ý:

+ Phương tiện giao thông đó có điểm gì đặc biệt mà em thích?

+ Khi đi phương tiện giao thông đó, em cảm thấy như thế nào?,…

– GV tổ chức cho 2 – 3 HS trình bày (HS có thể sử dụng hình phương tiện giao thông mà mình đã chuẩn bị để minh hoạ khi trình bày).

– GV và HS cùng nhận xét.

Hoạt động tiếp nối sau bài học

– Quan sát và tìm hiểu một số tiện ích của các phương tiện giao thông.

– Chuẩn bị tranh hoặc ảnh và tìm hiểu thông tin (cảnh đẹp, phương tiện giao thông để đi đến nơi đó,…) của một số địa danh: Đại nội (Huế), Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh), Hồ Gươm (Hà Nội), Cầu Rồng (Đà Nẵng), Cột cờ Lũng Cú (Hà Giang), chợ nổi Cái Răng (Cần Thơ).

TIẾT 2

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi lại nội dung học của tiết trước.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức cho HS chơi trò chơi "Đi xe lửa": HS đặt tay lên vai bạn phía trước tạo thành một đoàn tàu, đi vòng quanh lớp, vừa đi vừa hát "Mời lên tàu lửa" (Dân ca).

– GV đặt câu hỏi:

+ Các em vừa đi phương tiện giao thông gì?

+ Phương tiện giao thông đó sử dụng đường giao thông nào?

– GV dẫn dắt HS vào tiết 2 của bài học.

Hoạt động 1: Tìm hiểu tiện ích của các phương tiện giao thông

**** Mục tiêu:*** HS nêu được một số tiện ích của các phương tiện giao thông.

**** Cách tiến hành:***

– HS quan sát hình 6, 7, 8, 9 trong SGK trang 42, thảo luận và trả lời câu hỏi sau:

+ Nêu tên các phương tiện giao thông có trong hình.

+ Các phương tiện giao thông đó mang lại tiện ích gì?

– GV quan sát các nhóm trao đổi, có thể gợi ý để HS nêu được nhiều tiện ích của các phương tiện giao thông theo các câu hỏi gợi ý sau:

+ Xe lửa được dùng để làm gì?

+ Em đã đi thuyền bao giờ chưa?

+ Em thường thấy người ta dùng ghe/ xuồng/ thuyền để làm gì?,...

– GV tổ chức cho 2 – 3 nhóm lên chỉ hình và nêu các tiện ích của các phương tiện giao thông.

– GV và HS cùng nhận xét và rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Các phương tiện giao thông giúp chúng ta di chuyển và chuyên chở hàng hoá thuận lợi.

Hoạt động 2: Liên hệ bản thân

**** Mục tiêu:*** HS nêu được một số tiện ích của các phương tiện giao thông.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức cho HS chia sẻ với nhau theo các nội dung sau:

+ Gia đình em thường sử dụng các phương tiện giao thông nào?

Cánh diều trời sáng tạo

+ Tiện ích của các phương tiện giao thông đó là gì?

– GV tổ chức cho 2 – 3 HS lên chia sẻ trước lớp (HS có thể sử dụng tranh hoặc ảnh về các phương tiện giao thông mà gia đình thường sử dụng, đã chuẩn bị trước).

– GV và HS cùng nhận xét.

Hoạt động 3: Trò chơi "Du lịch vòng quanh đất nước Việt Nam"

**** Mục tiêu:*** HS giới thiệu đơn giản về một địa danh và các phương tiện giao thông phù hợp có thể sử dụng để đi đến nơi đó.

**** Cách tiến hành:***

– GV yêu cầu HS chọn một địa danh mình thích trong SGK trang 43 (HS chuẩn bị trước ở nhà) để giới thiệu cho các bạn một số thông tin về địa danh đó:

+ Những cảnh đẹp ở nơi đó.

+ Các phương tiện giao thông thường được sử dụng ở nơi đó hoặc các phương tiện giao thông có thể sử dụng để đi đến nơi đó.

– GV và HS cùng nhận xét.

GV dẫn dắt để HS nêu được các từ khoá của bài: "Đường giao thông – Phương tiện giao thông – Tiện ích".

Hoạt động tiếp nối sau bài học

– Quan sát và tìm hiểu các loại đường giao thông và phương tiện giao thông tại địa phương.

– Tìm hiểu thêm những tiện ích khác mà phương tiện giao thông mang lại.

Chân trời sáng tạo

Bài 11 Tham gia giao thông an toàn

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Phân biệt được một số loại biển báo giao thông.

– Giải thích được sự cần thiết phải tuân theo quy định của các biển báo giao thông.

– Thực hiện quy định khi đi trên một số phương tiện giao thông.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

– GV: Tranh, ảnh hoặc mô hình về một số loại biển báo giao thông, các quy định khi đi trên một số phương tiện giao thông như: xe máy, xe ô tô, tàu thuyền, máy bay, xe lửa; áo phao, mũ bảo hiểm; băng giấy đội đầu có hình các phương tiện giao thông khác nhau.

– HS: SGK, VBT, mũ bảo hiểm, giấy và bút màu.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi những hiểu biết đã có của HS về các biển báo giao thông.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức dưới hình thức thi đua giữa các tổ.

– GV nêu câu hỏi: Kể tên một số biển báo giao thông mà em biết. HS suy nghĩ và giơ tay giành quyền trả lời cho tổ. Tổ nào kể được tên nhiều biển báo giao thông nhất là tổ giành chiến thắng.

– GV nhận xét chung và dẫn dắt vào bài học: "Tham gia giao thông an toàn".

Hoạt động 1: Phân biệt các loại biển báo giao thông

**** Mục tiêu:*** HS nêu được tên và phân biệt được các loại biển báo giao thông.

**** Cách tiến hành:***

– GV yêu cầu HS quan sát các biển báo giao thông trong SGK trang 44 và trả lời các câu hỏi:

+ Nêu tên và ý nghĩa của các biển báo giao thông.

Chân trời sáng tạo

+ Cho biết các loại biển báo giao thông đó thuộc nhóm biển báo gì?

+ Hình dạng của mỗi nhóm biển báo có gì khác nhau?

+ Màu sắc của chúng như thế nào?

– GV tổ chức cho 2 – 3 nhóm lên chỉ hình và nêu các đặc điểm để phân biệt các nhóm biển báo giao thông.

– GV và HS cùng nhận xét, rút ra kết luận: Mỗi nhóm biển báo giao thông có đặc điểm khác nhau để nhận biết.

– Sau đó, để củng cố kiến thức, GV tổ chức trò chơi: "Phân loại biển báo giao thông".

– GV chia lớp thành 4 nhóm. Mỗi nhóm được phát một rổ có đựng 9 – 12 hình biển báo giao thông khác nhau và một bảng có chia sẵn 3 cột: biển báo chỉ dẫn, biển báo nguy hiểm, biển báo cấm. HS mỗi nhóm chọn hình biển báo và gắn vào cột phù hợp. Nhóm nào phân loại đúng và nhanh nhất sẽ giành chiến thắng.

Biển báo chỉ dẫn	Biển báo nguy hiểm	Biển báo cấm

Hoạt động 2: Sự cần thiết phải tuân theo quy định của các biển báo giao thông

**** Mục tiêu:*** HS giải thích được sự cần thiết phải tuân theo quy định của các biển báo giao thông.

**** Cách tiến hành:***

– HS các nhóm quan sát hình 1, 2 trong SGK trang 45, thảo luận theo nội dung các câu hỏi sau:

+ Điều gì có thể xảy ra với những người trong hình? Vì sao?

+ Quan sát và tuân theo quy định của các biển báo giao thông mang lại lợi ích gì?

– GV quan sát các nhóm thảo luận, có thể gợi ý để HS giải thích được sự cần thiết phải tuân theo quy định của các biển báo giao thông bằng cách đặt câu hỏi:

+ Trong hình 1 và 2 có các biển báo giao thông nào?

+ Các bạn trong hai hình đã tuân theo quy định của biển báo giao thông chưa? Vì sao?

+ Nếu chúng ta không tuân theo quy định của biển báo giao thông thì chuyện gì có thể xảy ra?,...

– GV tổ chức cho 2 – 3 nhóm lên chỉ hình và trình bày ý kiến của nhóm, yêu cầu các nhóm còn lại bổ sung ý kiến khác nếu có.

– GV và HS cùng nhận xét và rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Tuân theo quy định của các biển báo giao thông sẽ đảm bảo an toàn cho bản thân và mọi người xung quanh khi tham gia giao thông.

Hoạt động 3: Thực hành tuân theo quy định của biển báo giao thông

**** Mục tiêu:*** HS thực hành vận dụng các kiến thức vừa học.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức cho HS chơi theo nhóm 4 hoặc 6. GV phát cho mỗi nhóm một số biển báo giao thông và một số băng giấy đội đầu có hình các phương tiện giao thông. Các bạn đeo băng giấy phương tiện giao thông sẽ đi tuân thủ theo các bạn đang cầm biển báo giao thông.

Hoạt động tiếp nối sau bài học

– Quan sát và tìm hiểu các biển báo giao thông khác xung quanh nơi ở.

– Chuẩn bị mũ bảo hiểm, tìm hiểu cách đội mũ bảo hiểm đúng cách.

TIẾT 2

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi lại nội dung bài học của tiết trước.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức cho HS chơi trò chơi "Đoán hình": HS sẽ lần lượt lật từng ô số để đoán tên biển báo giao thông ẩn phía dưới (GV sử dụng hình các biển báo giao thông trong SGK để đố HS). Mỗi hình đoán đúng HS sẽ được nhận một ngôi sao hoặc bông hoa.

– GV đặt câu hỏi:

+ Em thường thấy những biển báo giao thông nào trên đường đi học?

+ Em có tuân theo các biển báo giao thông đó không? Vì sao?

– GV dẫn dắt HS vào tiết 2 của bài học.

Hoạt động 1: Thực hiện quy định khi đi trên một số phương tiện giao thông

**** Mục tiêu:*** HS nêu được và biết thực hiện các quy định khi đi trên một số phương tiện giao thông.

**** Cách tiến hành:***

– HS quan sát các hình 4, 5, 6, 7, 8 trong SGK trang 46, thảo luận và trả lời câu hỏi sau:

+ Bạn nhỏ trong mỗi hình đang làm gì? Hành động của bạn đó đúng hay sai? Vì sao?

+ Chúng ta có nên thò đầu ra ngoài khi đi xe ô tô như bạn nhỏ trong hình 4 không? Chúng ta nên làm gì khi đi thuyền?,...

– GV tổ chức cho 2 – 3 nhóm lên chỉ tranh và trình bày ý kiến thảo luận của nhóm.

– GV và HS cùng nhận xét và rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Chấp hành đúng quy định khi tham gia giao thông là trách nhiệm của mọi người.

Hoạt động 2: Thực hành đội mũ (nón) bảo hiểm và mặc áo phao đúng cách

**** Mục tiêu:*** HS thực hiện được việc đội mũ (nón) bảo hiểm và mặc áo phao đúng cách.

**** Cách tiến hành:***

– GV giới thiệu cho HS các bộ phận của mũ bảo hiểm và áo phao, nêu ích lợi của 2 vật dụng này.

– GV làm mẫu hướng dẫn HS cách đội mũ bảo hiểm kết hợp với trình chiếu hoặc treo hình các bước thực hiện (hình 9a, 9b, 9c trang 47 SGK).

– HS thực hành đội mũ bảo hiểm (HS sử dụng mũ bảo hiểm của HS đem theo). GV quan sát và nhận xét.

– GV tiếp tục hướng dẫn HS cách mặc áo phao đúng cách (hình 10a, 10b, 10c trang 47 SGK).

– GV phát cho mỗi nhóm hoặc mỗi tổ 1 – 2 áo phao để HS tự thực hành mặc áo phao theo hướng dẫn của GV.

– GV và HS cùng nhận xét.

**** Kết luận:*** Em cần đội mũ (nón) bảo hiểm và mặc áo phao đúng cách để giữ an toàn.

Hoạt động 3: Em làm tuyên truyền viên an toàn giao thông

**** Mục tiêu:*** HS thực hiện được việc tuyên truyền an toàn giao thông dưới nhiều hình thức khác nhau.

**** Cách tiến hành:***

– GV yêu cầu mỗi nhóm suy nghĩ các hình thức và nội dung tuyên truyền về an toàn giao thông theo các gợi ý sau:

+ Vẽ tranh tuyên truyền.

+ Làm câu khẩu hiệu tuyên truyền.

+ Làm thơ.

– GV tổ chức cho các nhóm trình bày và trưng bày sản phẩm của nhóm.

GV dẫn dắt để HS nêu được các từ khoá của bài: "An toàn – Biển báo giao thông".

Hoạt động tiếp nối sau bài học

Quan sát việc chấp hành quy định biển báo giao thông và quy định khi đi trên các phương tiện giao thông của mọi người xung quanh.

Chân trời sáng tạo

Bài 12 Hoạt động mua bán hàng hoá

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Kể được tên một số hàng hoá cần thiết cho cuộc sống hằng ngày.

– Nêu được cách mua, bán hàng hoá trong cửa hàng, chợ, siêu thị hoặc trung tâm thương mại.

– Nêu được sự cần thiết phải lựa chọn hàng hoá phù hợp về giá cả và chất lượng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

– GV: Tranh, ảnh hoặc vật thật về một số đồ dùng hằng ngày cần thiết cho cuộc sống (đồ dùng học tập, quần áo, thực phẩm).

– HS: SGK, VBT, một số vật dụng của gia đình (bàn chải đánh răng, kem đánh răng, khăn mặt, lược,…).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi những hiểu biết đã có của HS về việc mua bán hàng hoá.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức dưới hình thức hỏi – đáp cá nhân.

– GV nêu câu hỏi: Mẹ em thường mua đồ dùng cho gia đình ở đâu? và chỉ định HS bất kì trả lời nhanh để tạo không khí sinh động.

– GV nhận xét chung và dẫn dắt vào bài học: "Hoạt động mua bán hàng hoá".

Hoạt động 1: Tìm hiểu các hàng hoá cần thiết cho cuộc sống hằng ngày

**** Mục tiêu:*** HS kể được tên một số hàng hoá cần thiết cho cuộc sống hằng ngày.

**** Cách tiến hành:***

– HS quan sát hình 1, 2 trong SGK trang 48, 49 (GV có thể sử dụng hình phóng to), trả lời các câu hỏi sau:

+ Bạn An và mẹ định đi đâu?

+ Bạn An và mẹ muốn mua hàng hoá gì?

+ Những hàng hoá đó cần thiết với cuộc sống hằng ngày như thế nào?

– GV gợi mở để HS kể thêm những hàng hoá khác cần thiết cho cuộc sống hằng ngày như: quần áo, dầu gội, xà phòng, nước rửa chén, gối mền,…

– GV và HS cùng nhận xét, rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Lương thực, thực phẩm, quần áo,… là những mặt hàng cần thiết phục vụ cho nhu cầu hằng ngày của con người.

Hoạt động 2: Trò chơi "Đố bạn"

**** Mục tiêu:*** HS củng cố và mở rộng kiến thức về các loại hàng hoá cần thiết cho nhu cầu hằng ngày của con người.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi "Đố bạn".

– GV phổ biến luật chơi: GV chuẩn bị sẵn tranh hoặc hình chụp về các hàng hoá. Chia lớp thành 4 đội. Mỗi đội sẽ cử một thành viên nhận tranh và đưa ra câu hỏi cho 3 đội còn lại. Đội nào trả lời nhanh và đúng sẽ ghi được điểm cho đội mình. Ví dụ: Đây là trang phục chúng ta mặc hằng ngày.

– GV tổng kết trò chơi, tuyên dương HS.

Hoạt động 3: Liên hệ bản thân

**** Mục tiêu:*** HS chia sẻ được với bạn những hàng hoá mà gia đình thường mua để sử dụng hằng ngày.

**** Cách tiến hành:***

– HS kể cho bạn nghe về các hàng hoá mà gia đình mình thường mua để sử dụng hằng ngày.

– GV quan sát các nhóm trao đổi, có thể gợi ý để HS kể được nhiều hàng hoá khác nhau cần thiết cho cuộc sống hằng ngày mà gia đình HS thường sử dụng theo các câu hỏi sau:

+ Mẹ em thường đi chợ/ siêu thị mua gì?

+ Ngoài thức ăn, mẹ còn thường mua thêm những gì?

+ Em quan sát thấy gia đình em thường sử dụng vật dụng gì nhiều nhất? Vì sao?,...

– GV tổ chức cho một số HS trình bày (HS có thể đem theo một số vật dụng để minh hoạ).

– GV và HS cùng nhận xét về các loại hàng hoá cần thiết mà HS đã kể và vai trò của chúng đối với cuộc sống hằng ngày của gia đình.

Hoạt động tiếp nối sau bài học

Quan sát và tìm hiểu thêm các hàng hoá khác cần thiết cho cuộc sống hằng ngày mà gia đình HS thường sử dụng.

TIẾT 2

Hoạt động khởi động và khám phá

Mục tiêu: Tạo hứng thú và khơi gợi lại nội dung học của tiết trước.

Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS chơi trò chơi "Chiếc hộp bí mật": GV chuẩn bị một chiếc hộp lớn, trên nắp hộp khoét một cái lỗ để HS thò tay vào chọn đồ vật được để bên trong chiếc hộp. Mỗi HS sẽ lên chơi, khi chọn được đồ vật trong hộp, HS sẽ đoán tên đồ vật, sau đó sẽ kiểm tra kết quả bằng cách lấy đồ vật ra.

– GV đặt câu hỏi:

+ Trong những đồ vật các em chọn, đồ vật nào cần thiết cho cuộc sống hằng ngày?

+ Các em thường cùng gia đình mua hàng hoá ở đâu?

– GV dẫn dắt HS vào tiết 2 của bài học.

Hoạt động 1: Tìm hiểu sự khác nhau về cách mua, bán hàng hoá giữa chợ và siêu thị

Mục tiêu: HS biết được sự khác nhau về cách mua, bán hàng hoá giữa chợ và siêu thị.

Cách tiến hành:

– GV yêu cầu HS quan sát hình 4, 5, 6 trong SGK trang 50 (GV có thể sử dụng hình phóng to) và cho biết:

+ Nội dung của các hình.

+ Mua, bán hàng hoá trong chợ và siêu thị có gì khác nhau?

– GV tổ chức cho 2 – 3 nhóm lên chỉ hình và trình bày.

– GV và HS cùng nhận xét.

– GV đặt câu hỏi:

+ Gia đình em thường mua hàng hoá ở chợ hay siêu thị?

+ Em thích mua hàng hoá ở chợ hay siêu thị hơn? Vì sao?

– GV và HS cùng nhận xét.

Kết luận: Trong siêu thị, hàng hoá được để trên kệ, có giá tiền và xếp hàng khi tính tiền. Trong chợ tấp nập, người mua và người bán nói chuyện vui vẻ, thân thiện.

Hoạt động 2: Tìm hiểu sự cần thiết phải lựa chọn hàng hoá trước khi mua

Mục tiêu: HS hiểu sự cần thiết phải lựa chọn hàng hoá trước khi mua và một số lưu ý khi mua hàng.

Cánh diều sáng tạo

**** Cách tiến hành:***

– GV yêu cầu HS quan sát hình 7, 8, 9 trong SGK trang 51 (GV có thể sử dụng hình phóng to) và cho biết:

+ Bạn An và mẹ đang làm gì trong siêu thị và chợ?

+ Mẹ khuyên bạn An nên chọn hàng như thế nào?

+ Vì sao chúng ta phải lựa chọn hàng hoá trước khi mua?

– GV tổ chức cho 2 – 3 nhóm lên chỉ hình và trình bày.

– GV và HS cùng nhận xét, nhấn mạnh việc lựa chọn hàng hoá trước khi mua là rất cần thiết.

– GV có thể mở rộng thêm cho HS một số điều cần lưu ý khi mua hàng:

+ Đối với hàng hoá là thiết bị điện: cần phải thử trước khi mua.

+ Đối với hàng hoá bằng sứ, thuỷ tinh: cần mở ra kiểm tra xem hàng hoá có còn nguyên vẹn hay không.

+ Lựa chọn hàng hoá có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.

+ Đối với thực phẩm: Phải có hạn sử dụng, xuất xứ rõ ràng.

+ …

**** Kết luận:*** Quan sát đặc điểm bên ngoài và đọc thông tin ghi trên sản phẩm để lựa chọn hàng hoá có chất lượng.

Hoạt động 3: Xử lí tình huống

**** Mục tiêu:*** HS thể hiện cách ứng xử phù hợp đối với tình huống trong thực tiễn.

**** Cách tiến hành:***

– GV chia lớp thành các nhóm và yêu cầu các nhóm quan sát hình 10 trong SGK trang 51 và trả lời câu hỏi:

+ Em hãy nêu nội dung tình huống trong hình.

+ Em hãy cùng bạn đóng vai xử lí tình huống đó.

– GV tổ chức cho 2 – 3 nhóm lên trình bày ý kiến, yêu cầu các nhóm khác bổ sung nếu có cách xử lí khác.

– GV và HS cùng nhận xét và rút ra kết luận.

TIẾT 3

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi lại nội dung bài học của tiết trước.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức cho HS chơi trò chơi "Đố vui" mô tả về chợ, siêu thị hoặc trung tâm thương mại để HS đoán.

– GV nhận xét và dẫn dắt HS vào tiết 3 của bài học.

Hoạt động 1: Tìm hiểu cách mua bán hàng hoá

**** Mục tiêu:*** HS nêu được cách mua, bán hàng hoá trong cửa hàng, chợ, siêu thị hoặc trung tâm thương mại.

**** Cách tiến hành:***

– HS quan sát hình 11, 12, 13, 14 trong SGK trang 52, trao đổi về nội dung của các hình.

– GV tiếp tục đặt câu hỏi cho các nhóm:

+ Gia đình em thường mua, bán hàng hoá ở đâu?

+ Chia sẻ về hoạt động mua, bán hàng hoá ở những nơi đó.

– GV quan sát các nhóm trao đổi, có thể gợi ý để HS nêu được những hoạt động mua, bán hàng hoá ở từng nơi theo các câu hỏi sau:

+ Em đã bao giờ đi chợ/ cửa hàng tạp hoá/ trung tâm thương mại chưa?

+ Nơi đó bán những hàng hoá gì?

+ Khi muốn mua hoặc bán hàng hoá, mọi người thường làm gì?

+ Khi mua hàng hoá ở đó, thái độ của người bán hàng như thế nào?...

– GV tổ chức cho 2 – 3 nhóm lên chỉ hình và trình bày ý kiến thảo luận của nhóm.

– GV và HS cùng nhận xét.

**** Kết luận:*** Có nhiều nơi có thể mua, bán hàng hoá. Mỗi nơi có cách mua, bán hàng hoá khác nhau.

Hoạt động 2: Liên hệ thực tiễn

**** Mục tiêu:*** HS biết cách đáp lời phù hợp đối với một số tình huống cụ thể.

**** Cách tiến hành:***

– GV chia lớp thành các nhóm đôi, yêu cầu các nhóm quan sát hình 15, 16 trong SGK trang 52 và trả lời câu hỏi:

+ Em hãy nêu nội dung các hình.

+ Em hãy nêu lời đáp phù hợp trong mỗi tình huống.

– GV tổ chức cho 2 – 3 nhóm lên chỉ tranh và trình bày ý kiến, yêu cầu các nhóm khác bổ sung nếu có ý kiến khác.

– GV và HS cùng nhận xét và rút ra kết luận.

Kết luận: Nên chọn mua những hàng hoá cần thiết và phù hợp về giá cả, chất lượng để tiết kiệm tiền của.

Hoạt động 3: Thực hành lựa chọn và mua, bán hàng hoá

Mục tiêu: HS thực hành lựa chọn và mua, bán hàng hoá.

* Cách tiến hành:

– GV cùng HS sắp xếp bàn ghế thành các gian hàng, yêu cầu HS bày lên bàn các vật dụng mà các em đã chuẩn bị. GV hướng dẫn HS sắp xếp hàng hoá theo từng loại: đồ dùng học tập, thực phẩm, đồ dùng hằng ngày,….

– GV giao nhiệm vụ cho các nhóm HS: Đóng vai thể hiện việc mua, bán hàng hoá trong các tình huống sau:

+ Mua đồ dùng học tập.

+ Mua quà tặng sinh nhật bạn.

– GV lưu ý: Mỗi nhóm chọn một tình huống để thể hiện.

– GV quan sát và hỗ trợ HS khi cần thiết.

– GV đặt câu hỏi: Em học được điều gì sau khi tham gia hoạt động đóng vai?

– GV và HS cùng nhận xét.

GV dẫn dắt để HS nêu được các từ khoá của bài: "Chất lượng – Giá cả – Hàng hoá".

Hoạt động tiếp nối sau bài học

Thực hành lựa chọn hàng hoá khi cùng gia đình đi mua hàng hoá.

Chân trời sáng tạo

Bài 13 Ôn tập chủ đề Cộng đồng địa phương

I. MỤC TIÊU

Sau bài học HS:

– Liên hệ được các hàng hoá cần thiết cho cuộc sống hằng ngày.

– Thực hiện ứng xử thể hiện cách mua bán hàng hoá ở chợ, siêu thị, trung tâm thương mại.

– Liên hệ được các phương tiện giao thông và tiện ích của chúng.

– Ứng xử một số tình huống thể hiện an toàn khi tham gia các phương tiện giao thông.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

– GV: Tranh, ảnh trong SGK, các biển báo giao thông.

– HS: SGK, VBT.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi để HS nhớ lại những kiến thức đã học của chủ đề Cộng đồng địa phương.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức cho HS vừa hát vừa vận động minh hoạ bài hát "Bà Còng đi chợ trời mưa" (sáng tác: Phạm Tuyên).

– GV nhận xét chung và dẫn dắt vào bài học: "Ôn tập chủ đề Cộng đồng địa phương".

Hoạt động 1: Ôn tập về các hàng hoá cần thiết cho cuộc sống hằng ngày

**** Mục tiêu:*** HS biết sắp xếp được những hàng hoá cần thiết cho cuộc sống hằng ngày vào các nhóm phù hợp.

**** Cách tiến hành:***

– GV phát cho mỗi nhóm một bảng phụ và một rổ đựng các hình về các hàng hoá như hình 1 trong SGK trang 55, trên bảng phụ kẻ 2 cột:

Quầy hàng thực phẩm	Quầy hàng văn phòng phẩm

– HS sắp xếp các hình hàng hoá có trong rổ vào từng quầy tương ứng và chia sẻ trước lớp.

– GV và HS cùng nhận xét và rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Lương thực, thực phẩm, quần áo,... là những hàng hoá rất cần thiết với cuộc sống hằng ngày của chúng ta.

Hoạt động 2: Ôn tập về cách mua, bán hàng hoá

**** Mục tiêu:*** HS vận dụng được kiến thức đã học vào một tình huống cụ thể.

**** Cách tiến hành:***

– GV đưa tình huống, hướng dẫn HS phân tích nhiệm vụ trong tình huống.

– HS thảo luận và đưa ra cách xử lí tình huống (đóng vai hoặc trình bày ý kiến thể hiện cách xử lí tình huống).

– GV tổ chức cho 2 – 3 nhóm trình bày, các nhóm khác quan sát và đưa ra cách xử lí khác nếu có.

– GV và HS cùng nhận xét và rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Em không nên tự ý sử dụng hàng hoá ở trong siêu thị khi chưa thanh toán tiền.

Hoạt động 3: Ôn tập về cách lựa chọn hàng hoá

**** Mục tiêu:*** HS vận dụng được kiến thức đã học vào tình huống cụ thể trong việc lựa chọn hàng hoá.

**** Cách tiến hành:***

– GV yêu cầu HS quan sát các hình 2, 3, 4, 5 trong SGK trang 55 và nêu ý kiến về những hàng hoá không nên chọn mua.

– GV quan sát và khơi gợi để HS trình bày được lí do vì sao không nên chọn mua những hàng hoá đó theo các câu hỏi gợi ý:

+ Hàng hoá này như thế nào?

+ Tại sao em biết hàng hoá này không còn tươi hoặc không tốt?,...

– GV và HS cùng nhận xét và rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Khi mua, bán hàng hoá, chúng ta nên lựa chọn những hàng hoá còn hạn sử dụng, không bị móp méo, ôi thiu,…

TIẾT 2

Hoạt động khởi động và khám phá

Mục tiêu: Tạo hứng thú và khơi gợi để học sinh nhớ lại những kiến thức đã học của chủ đề Cộng đồng địa phương.

Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS cùng đứng và nhún nhảy theo lời bài hát với nội dung về an toàn giao thông.

– GV dẫn dắt HS vào tiết 2 của bài học.

Hoạt động 1: Ôn tập một số quy định khi tham gia các phương tiện giao thông

Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức đã học để giải quyết một số tình huống đảm bảo an toàn khi tham gia các phương tiện giao thông.

Cách tiến hành:

– HS quan sát hình 6, 7, 8, 9 trong SGK trang 56, thảo luận và chia sẻ ý kiến đồng tình hay không đồng tình đối với các việc làm của các bạn trong mỗi tình huống.

– GV tổ chức cho 2 – 3 nhóm trình bày, các nhóm còn lại quan sát và bổ sung ý kiến khác nếu có.

– GV và HS cùng nhận xét và rút ra kết luận.

Kết luận: Khi tham gia giao thông, em nên tuân theo các quy định đối với mỗi phương tiện giao thông để đảm bảo an toàn cho bản thân và mọi người xung quanh.

Hoạt động 2: Ôn tập các phương tiện giao thông và tiện ích của chúng

Mục tiêu: HS thực hiện sưu tầm các phương tiện giao thông và nêu được tiện ích của chúng.

Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS thực hiện theo tổ, phát cho mỗi tổ một tờ giấy bìa cứng lớn và yêu cầu HS dán các hình về phương tiện giao thông đã sưu tầm được vào giấy bìa, trang trí cho sản phẩm của tổ thêm đẹp và nói về tiện ích của từng phương tiện giao thông đó.

– HS trưng bày sản phẩm của nhóm ở góc trưng bày sản phẩm ở trong lớp.

– GV phát cho mỗi HS một bông hoa, tổ chức cho HS đi tham quan và nhận xét về sản phẩm của mỗi tổ bằng cách dán hình bông hoa vào phía dưới sản phẩm của tổ mà HS thích.

– GV nhận xét và tuyên dương tổ nhận được nhiều hoa nhất.

– GV và HS cùng nhận xét và rút ra kết luận.

Kết luận: Các phương tiện giao thông giúp chuyên chở hành khách và hàng hoá thuận lợi.

Hoạt động tiếp nối sau bài học

GV yêu cầu HS quan sát cây xung quanh em để chuẩn bị cho bài học sau.

Chân trời sáng tạo

Chủ đề: THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT

Bài 14 Thực vật sống ở đâu?

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đặt và trả lời được câu hỏi về nơi sống của thực vật.

– Nêu được tên và nơi sống của một số thực vật xung quanh.

– Phân loại được thực vật theo môi trường sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

– GV: Các hình trong bài 14 SGK, phiếu bài tập, thẻ hình các loài cây, video clip, quả bóng.

– HS: SGK, VBT, ảnh chụp các loài cây hoặc tranh vẽ, giấy vẽ, hộp màu, vật liệu trang trí sản phẩm.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi để HS kể được tên và nơi sống của một số cây mà em biết, dẫn dắt vào bài mới.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức dưới hình thức trò chơi "Chuyền bóng".

– GV phổ biến luật chơi: GV chuẩn bị một quả bóng và nêu câu hỏi trước lớp: Kể tên một số cây mà em biết? Chúng sống ở đâu? Sau đó, GV bật nhạc và chuyền quả bóng xuống cho HS. Nhạc dừng ở vị trí của HS nào, HS đó sẽ trả lời câu hỏi và chuyền tiếp cho bạn khác. Cứ lần lượt như vậy cho đến hết thời gian chơi (thời gian chơi do GV quy định). HS nào chưa trả lời được, kết thúc trò chơi sẽ cùng hát một bài hát về một loài cây.

– GV nhận xét chung và dẫn dắt vào bài học: "Thực vật sống ở đâu?".

Hoạt động 1: Đặt và trả lời câu hỏi về nơi sống của thực vật

**** Mục tiêu:*** HS biết đặt và trả lời câu hỏi về nơi sống của thực vật thông qua quan sát hình.

**** Cách tiến hành:***

– HS hỏi đáp về tên, nơi sống của những cây trong các hình 1, 2, 3, 4, 5, 6 (SGK trang 58, 59).

– GV quan sát HS hỏi – đáp, có thể gợi ý để HS hỏi và trả lời nhiều hơn về nơi sống, đặc điểm xung quanh nơi sống của các loài cây. Ví dụ:

+ Đây là cây gì?

+ Cây này sống ở đâu?

+ Nơi sống có đặc điểm như thế nào? Khí hậu ra sao?

– GV mời HS lên hỏi đáp trước lớp.

Gợi ý: Hình 1: Cây phi lao sống ở ven biển.

Hình 2: Cây đước sống ở rừng ngập mặn.

Hình 3: Cây thông sống ở trên đồi núi.

Hình 4: Cây lúa sống ở ruộng nước.

Hình 5: Cây hoa sen sống dưới hồ nước.

Hình 6: Cây cọ sống ở vùng đồi núi.

– GV có thể mở rộng thêm về nơi sống của các cây.

– GV và HS cùng nhận xét và rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Thực vật có thể sống ở nhiều nơi trên Trái Đất.

Hoạt động 2: Trò chơi "Tôi sống ở đâu?"

**** Mục tiêu:*** HS nhận biết được nơi sống của một số loài cây.

* Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi "Tôi sống ở đâu?".

– GV phổ biến luật chơi: GV chuẩn bị sẵn tranh hoặc hình chụp về các loài cây. Chia lớp thành 4 đội. Mỗi đội sẽ cử một thành viên đóng vai một loài cây và đưa ra câu hỏi cho 3 đội còn lại. Đội nào trả lời nhanh và đúng sẽ ghi được điểm cho đội mình. Ví dụ: Tôi là cây xương rồng. Đố bạn tôi sống ở đâu?

– GV tổng kết trò chơi, tuyên dương HS.

Hoạt động tiếp nối sau bài học

GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu thêm về nơi sống của thực vật và sưu tầm tranh, ảnh hoặc vẽ tranh về các loài cây.

TIẾT 2

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi lại nội dung bài học của tiết học trước.

* Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS nghe và hát theo lời bài hát "Hoa lá mùa xuân" (Nhạc và lời: Hoàng Hà).

– GV dẫn dắt HS vào tiết 2 của bài học.

Hoạt động 1: Phân loại thực vật theo môi trường sống

**** Mục tiêu:*** HS biết phân loại thực vật theo môi trường sống.

**** Cách tiến hành:***

– GV yêu cầu HS quan sát các hình 8, 9, 10, 11, 12, 13 ở trang 60 trong SGK (hoặc một số hình ảnh GV tự chuẩn bị về các loài cây) và xếp các cây vào nhóm phù hợp:

+ Thực vật sống trên cạn.

+ Thực vật sống dưới nước.

Cách 1: HS có thể sắp xếp bằng cách viết tên các loài cây vào phiếu bài tập.

Cách 2: GV phát cho mỗi nhóm 1 bộ tranh, ảnh về các loài cây, HS xếp tranh vào từng nhóm phù hợp.

– GV tổ chức cho HS trình bày kết quả trước lớp. Các nhóm khác quan sát, bổ sung.

– GV và HS cùng nhận xét, rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Mỗi loài thực vật phù hợp với một môi trường sống nhất định. Có loài thực vật sống trên cạn, có loài sống dưới nước.

Hoạt động 2: Đố bạn về tên và nơi sống đặc biệt của một số loài cây sống trên cạn

**** Mục tiêu:*** HS nhận biết được tên gọi, nói được nơi sống đặc biệt của một số loài cây sống trên cạn.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức cho HS thảo luận theo câu hỏi gợi ý: Đố bạn, cây nào sống trên cạn nhưng không mọc trên mặt đất?

– GV tổ chức cho HS chia sẻ câu trả lời trước lớp và nhận xét.

– GV có thể đặt thêm các câu hỏi để liên hệ mở rộng: Xung quanh nơi em sống có loài cây này không? Em thường nhìn thấy cây này ở những nơi nào?,...

**** Kết luận:*** Một số loài cây sống trên cạn nhưng có nơi sống đặc biệt là không mọc trên mặt đất mà bám vào thân của các loài cây gỗ to.

Hoạt động 3: Liên hệ

**** Mục tiêu:*** HS liên hệ và giải thích được ở mức độ đơn giản mối quan hệ giữa thực vật với môi trường sống trong một số tình huống thực tiễn.

**** Cách tiến hành:***

– GV giới thiệu tình huống ở hình 15 trong SGK trang 61 và đặt câu hỏi: Nếu là Nam, em sẽ nói gì với An trong tình huống này? Vì sao?

– HS suy nghĩ, trình bày ý kiến trước lớp.

– GV và HS cùng nhận xét, rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Mỗi một loài thực vật đều có môi trường sống riêng của nó. Chúng ta cần tôn trọng môi trường sống của thực vật, không can thiệp làm ảnh hưởng đến sự phát triển của chúng.

Hoạt động 4: Trưng bày tranh, ảnh về các loài cây

**** Mục tiêu:*** Củng cố những kiến thức đã học về nơi sống của các loài thực vật.

**** Cách tiến hành:***

– GV chia lớp thành các nhóm.

+ Bước 1: Các thành viên trong mỗi nhóm chia sẻ với nhau về bức tranh mình đã vẽ hoặc hình ảnh về các loài cây đã sưu tầm được (chuẩn bị ở tiết 1) để cả nhóm cùng xem.

+ Bước 2: Các bạn trong nhóm sẽ: nói tên và nơi sống của các loài cây; sắp xếp các cây vào nhóm phù hợp (thực vật sống trên cạn, thực vật sống dưới nước); vẽ và trang trí cho sản phẩm thêm đẹp và ấn tượng.

+ Bước 3: Tham quan và chia sẻ cùng bạn.

– GV nhận xét, tuyên dương HS, giáo dục HS yêu thương các loài cây.

GV dẫn dắt để HS nêu được các từ khoá của bài: "Môi trường sống – Thực vật".

Hoạt động tiếp nối sau bài học

Trao đổi, chia sẻ với người thân về cách phân loại môi trường sống của các loài thực vật.

Bài 15 Động vật sống ở đâu?

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Đặt và trả lời được câu hỏi về nơi sống của động vật.

– Nêu được tên và nơi sống của một số động vật xung quanh.

– Phân loại được động vật theo môi trường sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

– GV: Các hình trong bài 15 SGK, tranh, ảnh các loài động vật, phiếu bài tập.

– HS: SGK, VBT, ảnh chụp hoặc tranh vẽ về các loài động vật, giấy vẽ, hộp màu, vật liệu trang trí sản phẩm.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi để HS kể tên những con vật xung quanh nơi em ở và nơi sống của chúng, dẫn dắt vào bài mới.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức dưới hình thức trò chơi "Ai là nhà thông thái".

– GV phổ biến luật chơi: GV chia lớp thành 4 đội, nêu câu hỏi: Kể tên những con vật xung quanh nơi em ở, chúng sống ở đâu? Các đội thảo luận trong 30 giây, liệt kê hết tên và nơi sống của các con vật mà nhóm biết.

– GV nhận xét chung và dẫn dắt vào bài học: "Động vật sống ở đâu?".

Hoạt động 1: : Đặt và trả lời câu hỏi về nơi sống của động vật

**** Mục tiêu:*** HS biết đặt và trả lời câu hỏi về nơi sống của động vật thông qua quan sát hình ảnh.

**** Cách tiến hành:***

– HS hỏi đáp về tên, nơi sống của các con vật trong hình 1, 2, 3, 4, 5, 6 (SGK trang 62).

– GV quan sát HS hỏi – đáp, có thể gợi ý để HS hỏi và trả lời nhiều hơn về nơi sống, đặc điểm xung quanh nơi sống của các con vật trong hình.

Chân trời sáng tạo

+ Đây là con gì?

+ Con vật này sống ở đâu?

+ Nơi sống có đặc điểm như thế nào?

– GV mời HS lên hỏi đáp trước lớp.

Gợi ý: Hình 1: Con lạc đà sống ở sa mạc.

Hình 2: Con cá heo sống ở dưới biển.

Hình 3: Con gấu sống ở vùng Bắc Cực.

Hình 4: Con gà sống ở vùng nông thôn.

Hình 5: Con chó sống ở trong chuồng.

Hình 6: Cá sấu sống ở vùng đầm lầy.

– GV và HS cùng nhận xét và rút ra kết luận.

Kết luận: Mỗi con vật đều cần một nơi để sống.

Hoạt động 2: Trò chơi "Thử tài tinh mắt"

Mục tiêu: HS nhận biết được nơi sống của một số loài động vật.

Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi "Thử tài tinh mắt".

– Các nhóm sẽ quan sát hình 7 trong SGK trang 63 và hoàn thành bảng sau:

Tên các con vật	Nơi sống
Con chim	Sống trong tổ trên nhánh cây
Con thỏ	Sống trong hang dưới mặt đất
…	…

– GV mời HS trình bày trước lớp. Các nhóm khác bổ sung.

– GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Bạn tìm được bao nhiêu con vật trong hình trên?

– GV tổng kết trò chơi, tuyên dương HS.

Kết luận: Xung quanh chúng ta có rất nhiều những loài động vật khác nhau. Chúng có thể sống ở nhiều nơi trên Trái Đất.

Hoạt động tiếp nối sau bài học

GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu thêm về nơi sống của động vật và sưu tầm tranh, ảnh hoặc vẽ tranh về các loài động vật.

TIẾT 2

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi lại nội dung bài học của tiết học trước.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức dưới hình thức trò chơi: "Chim bay, cò bay".

– GV nhận xét và dẫn dắt HS vào tiết 2 của bài học.

Hoạt động 1: Phân loại động vật theo môi trường sống

**** Mục tiêu:*** HS biết phân loại động vật theo môi trường sống.

**** Cách tiến hành:***

– GV yêu cầu HS quan sát các hình ở trang 64 trong SGK (hoặc một số tranh, ảnh GV tự chuẩn bị về các loài động vật) và xếp các con vật vào nhóm phù hợp:

+ Động vật sống trên cạn.

+ Động vật sống dưới nước.

+ Động vật vừa sống trên cạn vừa sống dưới nước.

Cách 1: HS có thể sắp xếp bằng cách viết tên các con vật vào phiếu bài tập.

Cách 2: GV phát cho mỗi nhóm 1 bộ tranh, ảnh về các con vật và yêu cầu xếp chúng vào từng nhóm phù hợp.

– GV tổ chức cho HS trình bày kết quả trước lớp.

– GV cho HS xem thêm các video clip về nơi sống của các con vật.

– GV và HS cùng nhận xét, rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Mỗi động vật phù hợp với một môi trường sống nhất định. Có động vật sống trên cạn, có động vật sống dưới nước, có động vật vừa sống trên cạn vừa sống dưới nước.

Hoạt động 2: Liên hệ

**** Mục tiêu:*** HS liên hệ và giải thích được ở mức độ đơn giản mối quan hệ giữa động vật với môi trường sống trong một số tình huống thực tiễn.

**** Cách tiến hành:***

– GV giới thiệu tình huống trong SGK: Bạn Nam thấy những con cá đang bơi trong hồ rất đẹp, bạn muốn bắt nó lên chơi.

– GV đặt câu hỏi: Em khuyên Nam điều gì trong tình huống đó?

– HS suy nghĩ, trình bày ý kiến trước lớp.

– GV và HS cùng nhận xét, rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Chúng ta cần tôn trọng môi trường sống của động vật, không can thiệp làm ảnh hưởng đến sự phát triển của chúng.

Hoạt động 3: Trưng bày tranh, ảnh về động vật

**** Mục tiêu:*** Củng cố những kiến thức đã học về nơi sống của các loài động vật.

**** Cách tiến hành:***

– GV chia lớp thành các nhóm.

+ Bước 1: Các thành viên trong mỗi nhóm chia sẻ với nhau về bức tranh mình đã vẽ hoặc hình ảnh về các loài động vật đã sưu tầm được (chuẩn bị ở tiết 1) để cả nhóm cùng xem.

+ Bước 2: Các bạn trong nhóm sẽ: nói tên và nơi sống của các con vật; sắp xếp các con vật vào nhóm phù hợp, hoàn thành sơ đồ; vẽ và trang trí cho sản phẩm thêm đẹp và ấn tượng.

+ Bước 3: Trưng bày sản phẩm.

– GV tổ chức các nhóm tham quan sản phẩm của nhóm bạn.

– GV nhận xét, tuyên dương HS, giáo dục HS yêu thương các loài động vật.

GV dẫn dắt để HS nêu được các từ khoá của bài: "Động vật – Môi trường sống".

Hoạt động tiếp nối sau bài học

Trao đổi, chia sẻ với người thân về cách phân loại môi trường sống của các loài động vật.

Chân trời sáng tạo

Bài 16 Bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Thu thập được thông tin về một số việc làm của con người có thể làm thay đổi môi trường sống của thực vật và động vật.

– Giải thích được ở mức độ đơn giản sự cần thiết phải bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật.

– Nêu được những việc có thể làm để bảo vệ, hạn chế sự thay đổi môi trường sống của thực vật, động vật và chia sẻ với những người xung quanh cùng thực hiện.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

– GV: Các hình trong bài 16 SGK, trang phục để hoá trang thành các con vật và cây cối cho HS đóng vai.

– HS: SGK, VBT, giấy màu A4, hộp màu, vật liệu tái chế,…

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

Chân trời sáng tạo

Hoạt động khởi động và khám phá

Mục tiêu: Tạo hứng thú và khơi gợi để HS nhớ lại những kiến thức đã học về thực vật và động vật, dẫn dắt vào bài mới.

Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS cùng hát một bài hát về cây xanh hoặc con vật. Hoặc GV có thể tổ chức cho HS thi đua theo nhóm hát bài hát về cây xanh hoặc con vật.

– GV nhận xét chung và dẫn dắt vào bài học: "Bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật".

Hoạt động 1: Tác động của con người đến môi trường sống của thực vật và động vật

Mục tiêu: HS biết được một số việc làm của con người có thể làm thay đổi môi trường sống của thực vật và động vật.

**** Cách tiến hành:***

– GV yêu cầu HS quan sát hình 1, 2 trong SGK trang 66 và trả lời câu hỏi:

+ Người trong hình đang làm gì?

+ Việc làm của người này ảnh hưởng như thế nào đến nơi sống của động vật? Vì sao?

– GV khơi gợi để HS nêu lên được việc làm của con người đã tác động tiêu cực đến môi trường sống của các loài chim, làm chúng không còn nơi để sống.

– GV tổ chức cho HS trình bày trước lớp.

– GV và HS cùng nhận xét và rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Con người chặt cây, phá rừng làm mất nơi sống của các loài chim.

Hoạt động 2: Giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật

**** Mục tiêu:*** HS giải thích được ở mức độ đơn giản sự cần thiết phải bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật.

**** Cách tiến hành:***

– GV yêu cầu HS quan sát các hình 3a, 3b, 4a, 4b ở trang 67 trong SGK và trả lời câu hỏi:

+ Môi trường sống của thực vật và động vật trong các hình sau có sự thay đổi như thế nào?

+ Nguyên nhân nào dẫn tới điều đó?

– GV quan sát HS thảo luận. GV có thể đặt thêm một số câu hỏi gợi mở để HS nhận biết những việc làm của con người đã gây hại cho môi trường sống của thực vật, động vật và giải thích được ở mức độ đơn giản sự cần thiết phải bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật.

– GV yêu cầu HS trình bày trước lớp.

– GV và HS cùng nhận xét và rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Phá rừng, xả khí thải và vứt rác bừa bãi vào môi trường sẽ gây hại cho môi trường sống của thực vật và động vật.

Hoạt động 3: Đóng vai

**** Mục tiêu:*** HS biết được tác hại của thuốc trừ sâu đối với môi trường sống của thực vật và động vật.

**** Cách tiến hành:***

– GV chia HS thành các nhóm.

– HS quan sát hình 5 (SGK trang 67), tưởng tượng và đóng vai thể hiện cuộc nói chuyện giữa các loài thực vật và động vật trong hình.

– Nhóm trưởng phân vai cho các bạn trong nhóm hoá thân thành: con chim, con ong, con thỏ, con giun, cây cỏ, cây đa. HS sẽ tưởng tượng và nói lên suy nghĩ của con các vật và các loài cây.

– GV quan sát, giúp đỡ các nhóm còn gặp khó khăn khi diễn đạt. GV gợi mở thêm để HS nhận biết được tác hại của thuốc diệt cỏ, thuốc trừ sâu đã làm ô nhiễm môi trường đất, ảnh hưởng đến môi trường sống của thực vật và động vật.

– GV tổ chức cho HS đóng vai trước lớp.

– GV nhận xét, tuyên dương các nhóm.

Hoạt động tiếp nối sau bài học

GV yêu cầu HS về nhà kể lại câu chuyện đã được học cho người thân nghe. Cùng trao đổi với người thân về những việc làm giúp bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật.

TIẾT 2

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi lại nội dung bài học của tiết học trước.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức cho HS nghe và hát theo lời bài hát: "Em yêu cây xanh" (Sáng tác: Hoàng Văn Yến).

– GV đặt câu hỏi: Bạn nhỏ trong lời bài hát thích nhất điều gì? Vì sao?

– GV nhận xét và dẫn dắt HS vào tiết 2 của bài học.

Hoạt động 1: Việc làm bảo vệ môi trường sống của thực vật, động vật

**** Mục tiêu:*** HS nêu được những việc làm để bảo vệ, hạn chế sự thay đổi môi trường sống của thực vật và động vật.

**** Cách tiến hành:***

– GV yêu cầu HS quan sát các hình 6, 7, 8, 9 (SGK trang 68) và trả lời câu hỏi:

+ Nêu việc làm của những người trong các hình.

+ Việc làm đó mang lại ích lợi gì?

– GV tổ chức cho HS trình bày kết quả trước lớp.

Gợi ý: Hình 6: trồng cây; hình 7: thu gom rác ở các dòng kênh, bỏ vào thùng; hình 8: giải cứu cá heo bị mắc cạn; hình 9: xây dựng hệ thống xử lí khí thải cho các nhà máy.

– GV và HS cùng nhận xét, rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Trồng cây, xử lí chất thải, khí thải, cứu giúp các loài động vật là những việc nên làm để bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật.

Hoạt động 2: Thu thập thông tin

Mục tiêu: HS thu thập được thông tin về một số việc làm của con người có thể làm thay đổi môi trường sống của thực vật, động vật. Chia sẻ và bày tỏ được cảm xúc của bản thân.

Cách tiến hành:

– HS làm việc theo nhóm.

+ Bước 1: Chia sẻ với bạn về tranh, ảnh hoặc những thông tin trên sách báo về những câu chuyện, việc làm của con người làm thay đổi môi trường sống của thực vật và động vật đã sưu tầm được (chuẩn bị ở tiết 1).

+ Bước 2: Chia sẻ những thông tin đó và bày tỏ, suy nghĩ cảm xúc của bản thân.

– GV yêu cầu HS trình bày trước lớp.

– GV nhận xét, giáo dục HS cần chung tay bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật.

Hoạt động 3: Chia sẻ với những người xung quanh cùng thực hiện

Mục tiêu: HS biết chia sẻ với những người xung quanh cùng nhau bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật.

Cách tiến hành:

– HS làm việc theo nhóm:

+ Bước 1: Vẽ tranh hoặc viết những việc em có thể làm để bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật.

+ Bước 2: Giới thiệu với các bạn và tuyên truyền cho mọi người xung quanh cùng thực hiện.

– GV yêu cầu HS trình bày trước lớp.

– GV nhận xét, tuyên dương các nhóm.

Kết luận: Bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật là trách nhiệm của mọi người.

GV dẫn dắt để HS nêu được các từ khoá của bài: "Bảo vệ môi trường – Chất thải – Khí thải".

Hoạt động tiếp nối sau bài học

GV yêu cầu HS tiếp tục hoàn thành sản phẩm, giới thiệu và chia sẻ với người thân cùng nhau bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật.

Bài 17 Thực hành tìm hiểu môi trường sống của thực vật và động vật

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Tìm hiểu, điều tra một số thực vật và động vật có ở xung quanh và mô tả môi trường sống của chúng.

– Có ý thức bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

– GV: Các hình trong bài 17 SGK, phiếu quan sát.

– HS: SGK, VBT, vở, bút, nón, chai nước, giấy A4, hộp màu,…

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi để HS kể tên được một số cây và con vật có ở nơi em sống, dẫn dắt vào bài mới.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức cho HS kể tên được một số cây và con vật có ở nơi em sống và chỉ định bất kì một HS trả lời.

– GV nhận xét chung và dẫn dắt vào bài học: "Thực hành tìm hiểu môi trường sống của thực vật và động vật".

Hoạt động 1: Trước khi quan sát

**** Mục tiêu:*** HS biết chuẩn bị các vật dụng, đồ dùng học tập để chuẩn bị cho việc quan sát.

**** Cách tiến hành:***

– GV yêu cầu HS quan sát hình trong SGK trang 70 và trả lời câu hỏi: Em cần chuẩn bị những gì để quan sát, tìm hiểu môi trường sống của thực vật và động vật?

– GV tổ chức cho HS trình bày trước lớp.

– GV và HS cùng nhận xét và rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Các em cần chuẩn bị phiếu quan sát, vở, bút, (nón, chai nước nếu quan sát bên ngoài nhà trường) và nhớ không được hái hoa, trêu chọc các con vật.

Chân trời sáng tạo

Hoạt động 2: Thực hành

Mục tiêu: HS tìm hiểu, điều tra một số thực vật và động vật có ở xung quanh.

Cách tiến hành:

– GV phát cho HS phiếu quan sát và hướng dẫn các nội dung HS cần hoàn thành trong phiếu quan sát như: tên, nơi sống, đặc điểm môi trường sống.

– Nếu có điều kiện, GV chia lớp thành nhóm 4, cho HS di chuyển xuống vườn trường (hoặc công viên) trải nghiệm thực tế, quan sát môi trường sống của thực vật và động vật. Trong quá trình quan sát, HS sẽ viết lại các nội dung trong phiếu quan sát.

Kết luận: Em cùng các bạn đi theo nhóm và hoàn thành phiếu quan sát để tìm hiểu môi trường sống của các loài thực vật, động vật.

Hoạt động tiếp nối sau bài học

GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành phiếu quan sát và tập báo cáo kết quả quan sát.

TIẾT 2

Hoạt động khởi động và khám phá

Mục tiêu: Tạo hứng thú và khơi gợi lại nội dung bài học của tiết học trước.

Cách tiến hành:

– GV tổ chức dưới hình thức trò chơi "Ai nhanh trí".

– GV nhận xét và dẫn dắt HS vào tiết 2 của bài học.

Hoạt động 1: Báo cáo kết quả quan sát

Mục tiêu: HS mô tả được môi trường sống của các loài thực vật và động vật.

Cách tiến hành:

– GV dành thời gian cho các nhóm trao đổi, thống nhất kết quả quan sát của cả nhóm và cử đại diện lên báo cáo trước lớp về nội dung phiếu quan sát của nhóm mình.

– GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả quan sát trước lớp. Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung và bình chọn nhóm nào báo cáo hay nhất.

– GV và HS cùng nhận xét, rút ra kết luận.

Kết luận: Xung quanh nơi em ở có nhiều loài thực vật và động vật khác nhau.

Hoạt động 2: Giáo dục ý thức bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật

Mục tiêu: HS có ý thức bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức cho HS chia sẻ với bạn theo nhóm: Những điều em thích sau khi quan sát môi trường sống của một số thực vật và động vật xung quanh.

– GV yêu cầu 2 – 3 nhóm chia sẻ trước lớp.

– GV đặt câu hỏi: Em sẽ làm gì để bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật xung quanh?

– GV nhận xét, tuyên dương HS, giáo dục HS yêu thương cây xanh và các con vật, làm những việc có ích, thiết thực, góp phần bảo vệ môi trường sống của chúng.

– GV và HS cùng nhận xét, rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Chúng ta hãy cùng chung tay bảo vệ môi trường sống của các loài thực vật và động vật.

GV dẫn dắt để HS nêu được từ khoá của bài: "Phiếu quan sát".

Hoạt động tiếp nối sau bài học

GV yêu cầu HS vẽ tranh, giới thiệu và chia sẻ với người thân để cùng nhau bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật.

Chân trời sáng tạo

Bài 18 Ôn tập chủ đề Thực vật và động vật

I. MỤC TIÊU

– Củng cố một số kiến thức của chủ đề Thực vật và động vật.

– Bày tỏ được thái độ trước những việc làm của con người gây hại cho môi trường sống của thực vật và động vật.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

– GV: Các hình trong bài 18 SGK.

– HS: SGK, VBT, giấy A4, hộp màu, vật liệu trang trí sản phẩm.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

Hoạt động khởi động và khám phá

* ***Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi để HS nhớ lại những kiến thức đã học của chủ đề Thực vật và động vật, dẫn dắt vào bài mới.

* ***Cách tiến hành:***

– GV tổ chức cho HS dưới hình thức trò chơi "Đố bạn".

– GV nhận xét chung và dẫn dắt vào bài học: "Ôn tập chủ đề Thực vật và động vật".

Hoạt động 1: Phân loại thực vật và động vật theo môi trường sống

* ***Mục tiêu:*** HS củng cố ôn tập kiến thức phân loại thực vật, động vật theo môi trường sống.

* ***Cách tiến hành:***

– GV yêu cầu HS quan sát và hoàn thành sơ đồ trong SGK trang 73.

– HS hoàn thành sơ đồ bằng cách viết tên các loài thực vật, động vật hoặc có thể sưu tầm tranh, ảnh về các loài thực vật, động vật để dán vào.

– GV tổ chức cho HS trình bày sơ đồ trước lớp.

– GV và HS cùng nhận xét và rút ra kết luận.

* ***Kết luận:*** Môi trường sống của thực vật: trên cạn, dưới nước. Môi trường sống của động vật: trên cạn, dưới nước, vừa trên cạn vừa dưới nước.

Hoạt động tiếp nối sau bài học

GV yêu cầu HS về nhà sưu tầm thêm tranh, ảnh, thực hành làm sơ đồ môi trường sống của thực vật và động vật, dán vào góc học tập ở nhà rồi giới thiệu với người thân.

TIẾT 2

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi lại nội dung bài học của tiết học trước.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức dưới hình thức kể một câu chuyện ngắn về loài nai.

– Gợi ý: Có hai mẹ con chú nai sống trong một khu rừng. Nai con xinh xắn, đáng yêu. Hằng ngày, nai con thường rủ các bạn là sóc, thỏ và gấu đến nhà cùng chơi múa hát. Cũng có lúc, nai và các bạn chạy ra sông uống nước. Nước sông trong vắt có thể thấy cả những chú cá đang tung tăng bơi lội. Nai con rất vui và hạnh phúc khi được sống cùng với mẹ trong khu rừng này.

– GV dẫn dắt và vào bài tiết 2.

Hoạt động 1: Việc làm bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật

**** Mục tiêu:*** HS củng cố ôn tập kiến thức về những việc làm bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật.

**** Cách tiến hành:***

– GV yêu cầu HS quan sát hình 1 trong SGK trang 73 và trả lời câu hỏi: Em suy nghĩ như thế nào khi nhìn thấy hình ảnh này?

– HS trình bày suy nghĩ của mình trước lớp.

– GV yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi: Cùng bạn viết ra những việc cần làm để không ảnh hưởng đến môi trường sống của động vật và thực vật.

– HS có thể trình bày thông qua tranh, ảnh, thơ, vè, băng rôn tuyên truyền,… Hoặc GV có thể cắt sẵn những mẫu giấy hình bông hoa. HS sẽ viết lên mẫu giấy và dán vào cây.

– GV và HS cùng nhận xét, rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Chúng ta cùng chung tay bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật.

Hoạt động 2: Bày tỏ thái độ

**** Mục tiêu:*** HS biết những việc nên làm hoặc không nên làm để bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật.

**** Cách tiến hành:***

– GV chia lớp thành nhóm có 4 HS, yêu cầu HS quan sát các hình 2, 3, 4, 5 (SGK trang 74) và trả lời câu hỏi: Em đồng tình hay không đồng tình với hành động nào? Vì sao?

– GV tổ chức cho HS trình bày trước lớp.

– GV và HS cùng nhận xét, rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Chúng ta cần nói không với những việc làm gây hại cho môi trường sống của thực vật và động vật.

Hoạt động tiếp nối sau bài học

GV yêu cầu HS thực hành chăm sóc cây xanh tại nhà (hoặc vườn trường), không xả rác ở nơi công cộng,…

Chân trời sáng tạo

Bài 19 Cơ quan vận động

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Chỉ và nói được tên các bộ phận chính của cơ quan vận động trên sơ đồ, tranh ảnh.

– Nhận biết được chức năng của cơ quan vận động ở mức độ đơn giản ban đầu qua hoạt động hằng ngày của bản thân.

– Đưa ra được dự đoán điều gì sẽ xảy ra với cơ thể mỗi người nếu cơ quan vận động không hoạt động.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

– GV: Các hình trong bài 19 SGK, máy chiếu.

– HS: SGK, VBT, bút máy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi những hiểu biết đã có của HS về cơ quan vận động.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức cho HS thực hiện trò chơi "Cùng bạn vận động theo nhạc".

– HS trả lời câu hỏi: Nhờ có các cơ quan nào mà tay và chân các em cử động và múa được?

– GV mời 2 – 3 HS trả lời.

– GV nhận xét chung và dẫn dắt vào bài học: "Cơ quan vận động".

Hoạt động 1: Một số xương và khớp xương của cơ thể

**** Mục tiêu:*** HS chỉ và nói tên được các xương và khớp xương trên hình vẽ.

**** Cách tiến hành:***

– GV yêu cầu HS quan sát hình 1 trong SGK trang 76 (GV có thể phóng to hình để HS dễ quan sát) và làm việc nhóm đôi: Chỉ và nói tên các xương và khớp xương của cơ thể trong hình.

– GV mời 2 đến 3 cặp HS lên chỉ vị trí của các xương và khớp xương được ghi tên trong hình.

– GV và HS cùng nhận xét và rút ra kết luận về vị trí và tên gọi của một số xương và khớp xương được ghi trong hình.

**** Kết luận:*** Cơ thể người có nhiều xương: xương sọ, xương mặt, xương tay, xương chân,… Các xương được nối với nhau bởi các khớp xương.

Hoạt động 2: Một số cơ của cơ thể

**** Mục tiêu:*** HS chỉ và nói được tên một số cơ của cơ thể trong hình vẽ.

**** Cách tiến hành:***

– GV chia lớp thành các nhóm 4 HS.

– GV treo hình vẽ về hệ cơ (hình 2) trong SGK trang 77 (GV phóng to hình để HS dễ quan sát) hoặc trình chiếu hình lên bảng.

– HS thảo luận nhóm theo yêu cầu: Chỉ và nói tên một số cơ của cơ thể có trong hình.

– GV mời 2 đến 3 nhóm HS lên trước lớp chỉ vị trí và nói tên các cơ được ghi trong hình.

**** Kết luận:*** Trong cơ thể người có nhiều cơ khác nhau: cơ mặt, cơ bụng, cơ lưng,…

Hoạt động 3: Trò chơi "Hiểu ý đồng đội"

**** Mục tiêu:*** HS củng cố, vận dụng kiến thức về tên và vị trí của các xương, khớp xương và cơ của cơ thể người.

**** Cách tiến hành:***

– HS được chia thành các đội chơi.

– Một thành viên trong mỗi đội sẽ bốc thăm mảnh giấy có ghi tên cơ hoặc xương. Sau đó, bạn dùng hành động mô tả để các bạn còn lại trong đội đoán được tên của cơ hoặc xương đã ghi trong mảnh giấy.

– HS tham gia trò chơi.

– GV nhận xét về thái độ tham gia và hoạt động của HS trong trò chơi.

– GV đặt câu hỏi để dẫn dắt cho HS nêu được nội dung trọng tâm của bài học: Cơ quan vận động gồm bộ xương và hệ cơ. Giữa các xương là khớp xương.

Hoạt động tiếp nối sau bài học

GV yêu cầu HS về nhà thực hiện:

– Đặt bàn tay lên trang giấy và vẽ lại bàn tay của mình.

– Tưởng tượng và vẽ xương, cơ cho bàn tay của em.

TIẾT 2

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi những hiểu biết đã có của HS về tên gọi và vị trí của xương, cơ, khớp xương.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức trò chơi "Truyền điện".

– Từng HS sẽ chỉ thật nhanh lên một vị trí trên cơ thể mình và nói tên của một xương, hoặc cơ hoặc khớp xương ở vị trí đó.

– GV nhận xét và dẫn dắt HS vào tiết 2 của bài học.

Hoạt động 1: Chức năng của xương và cơ trong cơ thể

**** Mục tiêu:*** HS nêu được chức năng của cơ quan vận động ở mức độ đơn giản, ban đầu qua hoạt động hằng ngày.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức cho HS quan sát hình 4 trong SGK trang 78 (GV có thể trình chiếu hoặc phóng to hình).

– Thảo luận cặp đôi theo các câu hỏi:

+ Nam và các bạn đang làm gì?

+ Nêu một số xương và cơ giúp Nam và các bạn thực hiện những hoạt động đó.

– GV mời 2 đến 3 cặp HS lên trước lớp chỉ hình, hỏi và trả lời câu hỏi trước lớp.

– HS và GV cùng nhận xét.

**** Kết luận:*** Các bạn trong hình đang cùng nhau đá bóng. Có nhiều xương và cơ giúp các bạn thực hiện hoạt động này: xương chân, cơ chân, xương tay, cơ tay, xương đầu,… Nhờ có sự phối hợp giữa xương và cơ mà cơ thể con người có thể thực hiện được nhiều hoạt động khác nhau.

Hoạt động 2: Thực hành cử động co, duỗi tay

**** Mục tiêu:*** Nhận biết sự thay đổi của cơ khi co và duỗi tay, thực hành kiến thức về cơ và xương.

**** Cách tiến hành:***

– GV yêu cầu HS thực hiện hoạt động: Nắm chặt một bàn tay lại và cử động co, duỗi tay.

– HS trả lời các câu hỏi sau:

+ Em thấy bắp tay của mình có sự thay đổi như thế nào?

+ Cơ, xương và khớp xương nào giúp em thực hiện co, duỗi tay?

– GV mời HS trình bày ý kiến của mình.

– HS và GV cùng nhận xét và rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Khi cơ thể cử động thì các xương và cơ cũng hoạt động.

Hoạt động 3: Thực hành mỉm cười và bắt tay nhau

**** Mục tiêu:*** HS thực hành để thấy được chức năng của xương và cơ khi mỉm cười, bắt tay nhau.

**** Cách tiến hành:***

– GV yêu cầu HS thực hiện hoạt động mỉm cười và bắt tay với bạn ngồi cạnh mình.

– HS trả lời câu hỏi: Nếu xương và cơ không phối hợp hoạt động thì em có thể thực hiện các việc làm đó không? Vì sao?

**** Kết luận:*** Nhờ có xương và cơ mà chúng ta có thể mỉm cười và bắt tay với nhau.

Hoạt động 4: Thực hành

**** Mục tiêu:*** HS đưa ra được dự đoán điều sẽ xảy ra với cơ thể mỗi người nếu cơ quan vận động không hoạt động.

**** Cách tiến hành:***

– Một số HS thực hành các động tác:

+ Đứng lên và ngồi xuống bình thường.

+ Đứng lên và ngồi xuống mà không gập chân.

– GV đặt câu hỏi:

+ Chân, tay em sẽ cử động như thế nào nếu không có các khớp khuỷu tay và khớp đầu gối?

+ Điều gì xảy ra nếu cơ thể của chúng ta không có bộ xương?

– GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi.

**** Kết luận:*** Cơ thể chúng ta sẽ không đứng được, không di chuyển, không tham gia các hoạt động được nếu không có bộ xương. Tay, chân chúng ta sẽ không thể co, duỗi được nếu không có khớp khuỷu tay và khớp đầu gối.

– GV đặt câu hỏi để dẫn dắt HS nêu nội dung trọng tâm của bài học: Nhờ có sự phối hợp của bộ xương và hệ cơ mà cơ thể chúng ta có thể cử động và thực hiện nhiều hoạt động khác nhau.

GV dẫn dắt để HS nêu được các từ khoá: "Bộ xương – Cơ quan vận động – Hệ cơ – Khớp xương".

Hoạt động tiếp nối sau bài học

Chia sẻ với người thân về tên, vị trí và chức năng của các xương, cơ, khớp xương trên cơ thể của em.

Bài 20 Chăm sóc, bảo vệ cơ quan vận động

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Nêu được một số việc nên làm để bảo vệ xương và cơ.

– Nhận biết và thực hiện được đi, đứng, ngồi, mang cặp đúng tư thế để phòng tránh cong vẹo cột sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

– GV: Các hình trong bài 20 SGK, đồ dùng để đóng vai như bình nước, bó củi,…

– HS: SGK, VBT, hình ảnh hoặc bài viết về bệnh cong vẹo cột sống.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi để HS thể hiện sự khéo léo, phối hợp nhịp nhàng giữa xương và cơ khi di chuyển, dẫn dắt vào bài mới.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức dưới hình thức trò chơi "Ai khéo hơn".

– GV phổ biến luật chơi: GV chia lớp thành 4 đội, các đội sẽ cử thành viên đại diện lên tham gia. Mỗi em sẽ di chuyển từ vạch xuất phát đến vạch đích và tạo dáng đi như người mẫu. HS nào tạo dáng đi đẹp nhất sẽ giành chiến thắng.

– GV có thể đặt thêm câu hỏi: Nhờ đâu mà em di chuyển được? Em làm cách nào để tạo dáng đi đẹp?

– GV nhận xét chung và dẫn dắt vào bài học: "Chăm sóc, bảo vệ cơ quan vận động".

Hoạt động 1: Việc làm giúp bảo vệ cơ quan vận động

**** Mục tiêu:*** HS nêu được một số việc nên làm để bảo vệ xương và cơ.

**** Cách tiến hành:***

– GV chia lớp thành các nhóm 4 HS, yêu cầu HS quan sát hình 1, 2, 3, 4 trong SGK trang 80, thảo luận và trả lời câu hỏi: Các bạn trong tranh đang làm gì? Việc làm đó có ích lợi như thế nào đến xương và cơ?

Chân trời sáng tạo

– GV quan sát các nhóm thảo luận và gợi mở để HS nêu lên được ích lợi của những việc làm trong tranh.

– GV tổ chức cho HS trình bày trước lớp.

– GV yêu cầu HS liên hệ bản thân: Nêu những việc em đã làm để bảo vệ xương và cơ.

– GV và HS cùng nhận xét và rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Để xương và cơ phát triển tốt, em nên ăn uống đủ chất và tập thể dục thường xuyên.

Hoạt động 2: Tư thế đúng

**** Mục tiêu:*** HS phân biệt được tư thế đúng và chưa đúng khi đi, đứng, ngồi, mang vác.

**** Cách tiến hành:***

– GV yêu cầu HS tạo thành các nhóm đôi.

– HS quan sát các hình trong SGK trang 81 và trả lời câu hỏi: Nên hay không nên làm theo các tư thế trong mỗi hình? Vì sao?

– GV tổ chức cho HS nêu ý kiến trước lớp.

– GV và HS cùng nhận xét và rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Để xương và cơ phát triển tốt, ngoài việc ăn uống đủ chất và tập thể dục thường xuyên, em cần: đi, đứng, ngồi và mang cặp đúng tư thế.

Hoạt động 3: Thực hành

**** Mục tiêu:*** HS thực hiện được đi, đứng, ngồi, mang cặp đúng tư thế để phòng tránh cong vẹo cột sống.

**** Cách tiến hành:***

– GV yêu cầu HS nhận xét:

+ Hằng ngày, em và bạn bên cạnh ngồi học với tư thế như thế nào?

+ Các em đã ngồi học đúng tư thế chưa? Cần thay đổi gì để ngồi học đúng tư thế? Vì sao?

– HS thực hành theo nhóm đôi: ngồi học đúng tư thế. GV giúp HS chỉnh sửa lại tư thế ngồi chưa đúng.

– GV tổ chức cho HS thực hành trước lớp.

– GV và HS cùng nhận xét và rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Em cần ngồi học đúng tư thế để phòng tránh cong vẹo cột sống.

Hoạt động tiếp nối sau bài học

– GV yêu cầu HS về nhà thực hiện các bài thể dục tốt cho xương và cơ hoặc tham gia các môn thể thao có lợi cho xương và cơ. Chia sẻ với người thân cùng thực hiện.

Chân trời sáng tạo

– Tìm hiểu về bệnh cong vẹo cột sống, sưu tầm hình ảnh, bài viết có liên quan để chuẩn bị cho tiết học sau.

TIẾT 2

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi lại nội dung bài học của tiết học trước.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức cho HS tập một vài động tác thể dục đơn giản tốt cho xương và cơ.

– GV nhận xét và dẫn dắt HS vào tiết 2 của bài học.

Hoạt động 1: Cong vẹo cột sống

**** Mục tiêu:*** HS biết được một số kiến thức cơ bản về bệnh cong vẹo cột sống.

**** Cách tiến hành:***

– GV chia lớp thành các nhóm 4 HS, yêu cầu HS quan sát hình 9 trong SGK trang 82 và trả lời câu hỏi: Xương cột sống của bạn trong hình như thế nào? Nêu những nguyên nhân có thể dẫn đến sự thay đổi đó.

– HS có thể sử dụng những hình ảnh, bài viết về bệnh cong vẹo cột sống đã sưu tầm được trước đó để chia sẻ thông tin với bạn. Nhóm tập hợp các ý kiến, hình ảnh, bài viết dán vào giấy A4, trang trí khung, tiêu đề cho đẹp và ấn tượng. Nhóm trưởng cử đại diện lên chia sẻ trước lớp.

– GV quan sát, gợi mở để HS nêu lên được nguyên nhân và cách phòng tránh cong vẹo cột sống.

– GV và HS cùng nhận xét và rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Có nhiều nguyên nhân dẫn đến cong vẹo cột sống như tư thế ngồi học, mang vác, đi, đứng chưa đúng.

Hoạt động 2: Thực hành

**** Mục tiêu:*** HS thực hiện đúng các tư thế đi, đứng, ngồi và mang vác vật nặng.

**** Cách tiến hành:***

– GV chia lớp thành các nhóm 4 – 6 HS, yêu cầu các nhóm thực hành theo các nội dung trong SGK trang 82.

– GV tổ chức cho một số nhóm thực hành trước lớp.

– GV và HS cùng nhận xét, rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Đi, đứng, ngồi đúng cách và tập thể dục mỗi ngày giúp bảo vệ cơ quan vận động.

Chân trời sáng tạo

Hoạt động 3: Xử lí tình huống

Mục tiêu: HS nhận xét được tình huống có liên quan đến cong vẹo cột sống và đưa ra cách ứng xử phù hợp.

Cách tiến hành:

– GV chia HS theo nhóm đôi, yêu cầu HS quan sát hình 12, 13 trong SGK trang 83 và trả lời câu hỏi: Em sẽ khuyên bạn điều gì trong mỗi tình huống? Vì sao?

– GV yêu cầu HS đóng vai thể hiện cách ứng xử của em cho 2 tình huống trên.

– GV tổ chức cho HS đóng vai xử lí tình huống trước lớp. GV hướng dẫn HS thực hiện tư thế đúng khi mang vác đồ nặng.

– GV và HS cùng nhận xét, rút ra kết luận

Kết luận: Nếu không bảo vệ xương và cơ thì em có thể bị cong vẹo cột sống. Khi đó, cột sống sẽ bị nghiêng, lệch về một phía gây ảnh hưởng đến sức khoẻ.

Hoạt động 4: Liên hệ bản thân

Mục tiêu: HS có ý thức tự chăm sóc và bảo vệ cơ thể để phòng tránh cong vẹo cột sống.

Cách tiến hành:

– GV yêu cầu HS liên hệ bản thân:

+ Hằng ngày, em ngồi học, đứng, đi như thế nào?

+ Em sẽ làm gì để phòng tránh cong vẹo cột sống?

– HS chia sẻ trước lớp.

– GV và HS cùng nhận xét và rút ra kết luận.

Kết luận: Em cần thực hiện được việc đi, đứng, ngồi, mang cặp đúng tư thế để phòng tránh cong vẹo cột sống.

GV dẫn dắt để HS nêu được các từ khoá: "Cong vẹo cột sống – Đúng tư thế".

Hoạt động tiếp nối sau bài học

GV yêu cầu HS về nhà thực hành các tư thế đúng khi đi, đứng, mang cặp. Nhờ ba mẹ chụp hình lại để chia sẻ với bạn và dán vào góc học tập.

Bài 21 Cơ quan hô hấp

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Chỉ và nói được tên các bộ phận chính của cơ quan hô hấp trên sơ đồ, tranh ảnh.

– Nhận biết được chức năng của cơ quan hô hấp ở mức độ đơn giản ban đầu qua hoạt động hằng ngày của bản thân.

– Đưa ra được dự đoán điều gì sẽ xảy ra với cơ thể mỗi người nếu cơ quan hô hấp không hoạt động.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

– GV: Các hình bài 21 SGK, máy chiếu.

– HS: SGK, VBT, bút màu, giấy màu, tờ bìa, kéo, keo dán.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi những hiểu biết đã có của HS về cơ quan hô hấp.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức cho HS thực hiện vươn vai hít thở sâu.

– HS trả lời câu hỏi: Bạn cảm thấy như thế nào sau khi hít thở sâu? Cơ quan nào giúp bạn thực hiện việc làm đó?

– GV mời 2 – 3 HS trả lời.

– GV nhận xét chung và dẫn dắt vào bài học: "Cơ quan hô hấp".

Hoạt động 1: Các bộ phận của cơ quan hô hấp

**** Mục tiêu:*** HS chỉ và nói được tên các bộ phận của cơ quan hô hấp trên hình vẽ.

**** Cách tiến hành:***

– GV yêu cầu HS quan sát hình 1 trong SGK trang 84 và làm việc nhóm đôi: Chỉ và nói tên các bộ phận của cơ quan hô hấp trong hình.

– GV mời 2 đến 3 cặp HS lên chỉ hình trong SGK hoặc hình phóng to trên bảng về vị trí các bộ phận của cơ quan hô hấp trên sơ đồ.

Chân trời sáng tạo

– GV và HS nhận xét và cùng rút ra kết luận về vị trí và tên gọi của một số bộ phận của cơ quan hô hấp.

Kết luận: Cơ quan hô hấp gồm: mũi, khí quản, phế quản và phổi (phổi trái, phổi phải).

Hoạt động 2: Thực hành làm sơ đồ cơ quan hô hấp

Mục tiêu: HS làm được sơ đồ cơ quan hô hấp đơn giản, bao gồm các bộ phận: phổi, khí quản, phế quản, mũi từ các giấy màu, tờ bìa, kéo, keo dán.

Cách tiến hành:

HS thực hiện làm sơ đồ theo nhóm 4 hoặc nhóm 6.

– Các nhóm chia sẻ sản phẩm trước lớp.

– GV đặt câu hỏi để dẫn dắt HS nêu được nội dung trọng tâm của bài học.

Hoạt động tiếp nối sau bài học

GV yêu cầu HS về nhà vẽ sơ đồ đơn giản về các bộ phận của cơ quan hô hấp.

TIẾT 2

Hoạt động khởi động và khám phá

Mục tiêu: Tạo hứng thú và khơi gợi những hiểu biết đã có của HS về tên các bộ phận của cơ quan hô hấp.

Cách tiến hành:

– GV tổ chức trò chơi "Truyền điện" để HS thi kể nhanh tên các bộ phận của cơ quan hô hấp.

– GV nhận xét và dẫn dắt vào nội dung tiết 2.

Hoạt động 1: Quan sát hình và nhận xét

Mục tiêu: Nêu được sự thay đổi kích thước của lồng ngực và phổi khi thực hiện động tác hít vào, thở ra.

Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS quan sát hình 4a, 4b trong SGK trang 86 (có thể trình chiếu hoặc phóng to tranh).

– Thảo luận cặp đôi theo câu hỏi: Tranh nào vẽ bạn đang hít vào? Tranh nào vẽ bạn đang thở ra? Vì sao em biết?

– GV mời 2 đến 3 cặp HS lên trước lớp chỉ tranh, hỏi và trả lời câu hỏi trước lớp.

– GV và HS cùng nhận xét.

Kết luận: Khi chúng ta thở, lồng ngực phồng lên, xẹp xuống đều đặn đó là cử động hô hấp. Khi hít vào, lồng ngực nở to ra và khi thở ra, lồng ngực xẹp xuống.

Hoạt động 2: Đường đi của không khí khi hít vào và khi thở ra

**** Mục tiêu:*** Chỉ trên sơ đồ và nói đường đi của không khí khi hít vào, thở ra.

**** Cách tiến hành:***

– GV chia lớp thành các nhóm 2 HS.

– GV tổ chức cho HS quan sát hình 5a, 5b trong SGK trang 86, thảo luận về nội dung: Chỉ và nói đường đi của không khí khi hít vào, thở ra.

– Một số nhóm HS lên trước lớp trình bày.

– GV và HS cùng nhau nhận xét, rút ra kết luận về đường đi của không khí khi hít vào, thở ra.

Hoạt động 3: Thực hành

**** Mục tiêu:*** HS thực hành để thấy được chức năng của cơ quan hô hấp.

**** Cách tiến hành:***

GV yêu cầu HS thực hành theo các bước và trả lời câu hỏi:

– Hoạt động thực hành 1:

+ Đặt bàn tay trái lên trước ngực và đặt bàn tay phải trước mũi của em.

+ Hít vào và thở ra thật sâu.

+ Em cảm nhận được gì ở ngực và ở tay khi hít vào và thở ra.

– Hoạt động thực hành 2:

+ Cùng nhảy múa theo một đoạn nhạc.

+ Em cảm thấy nhịp thở của mình thay đổi như thế nào sau khi nhảy?

GV và HS cùng nhận xét.

**** Kết luận:*** Khi cơ thể vận động nhiều thì nhịp thở của chúng ta cũng tăng lên.

Hoạt động 4: Đố bạn

**** Mục tiêu:*** HS đưa ra được dự đoán điều gì sẽ xảy ra với cơ thể mỗi người nếu cơ quan hô hấp không hoạt động.

**** Cách tiến hành:***

– Tổ chức cho HS hỏi đáp nhóm đôi theo nội dung các câu hỏi: Chúng ta có thể nín thở được bao lâu? Điều gì sẽ xảy ra nếu chúng ta nín thở quá lâu?

– Một số cặp HS trình bày trước lớp.

**** Kết luận:*** Cơ quan hô hấp giúp chúng ta thở để duy trì sự sống. Nếu bị ngừng thở từ 3 đến 4 phút thì con người có thể không sống được.

– GV đặt câu hỏi để dẫn dắt HS nêu nội dung trọng tâm của bài học.

GV dẫn dắt để HS nêu được các từ khoá: "Cơ quan hô hấp – Khí quản – Mũi – Phế quản – Phổi.

Hoạt động tiếp nối sau bài học

Chia sẻ với người thân về tên của các cơ quan hô hấp của con người.

Bài 22 Chăm sóc, bảo vệ cơ quan hô hấp

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Phân biệt được một số việc nên làm và không nên làm để bảo vệ cơ quan hô hấp.

– Nêu được sự cần thiết và thực hiện được hít vào, thở ra đúng cách và tránh xa nơi có khói bụi để bảo vệ cơ quan hô hấp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

– GV: Các hình trong bài 22 SGK, trang phục, đồ chơi phục vụ cho việc đóng vai.

– HS: SGK, VBT, khẩu trang y tế.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi những hiểu biết của HS về lợi ích của việc tập thể dục buổi sáng, dẫn dắt vào bài mới.

**** Cách tiến hành:***

– GV đặt câu hỏi: Tập thể dục và hít thở sâu vào buổi sáng mang lại lợi ích gì cho cơ thể chúng ta?

– GV nhận xét chung và dẫn dắt vào bài học: "Chăm sóc, bảo vệ cơ quan hô hấp".

Hoạt động 1: Tác hại của khói bụi và thời tiết lạnh

**** Mục tiêu:*** HS nhận biết tác hại của khói bụi, thời tiết lạnh đối với cơ quan hô hấp và có ý thức tránh xa nơi khói bụi, giữ ấm cơ thể để bảo vệ cơ quan hô hấp.

**** Cách tiến hành:***

– GV yêu cầu HS tạo thành các nhóm đôi.

– HS quan sát hình trong SGK trang 88 và trả lời câu hỏi: Chuyện gì xảy ra với bạn Nam? Vì sao?

– GV gợi mở để HS nêu lên được tác hại của việc hít phải khói bụi và không giữ ấm cơ thể khi trời lạnh.

– GV và HS cùng nhận xét và rút ra kết luận.

Kết luận: Cần tránh xa nơi khói bụi và biết giữ ấm cơ thể khi trời lạnh để bảo vệ cơ quan hô hấp.

Hoạt động 2: Việc làm bảo vệ cơ quan hô hấp

Mục tiêu: HS phân biệt được một số việc nên làm và không nên làm để bảo vệ cơ quan hô hấp.

Cách tiến hành:

– GV chia lớp thành các nhóm 4 HS, yêu cầu HS quan sát các hình 4, 5, 6, 7 trong SGK trang 89 và trả lời câu hỏi: Các bạn trong từng hình đang làm gì? Việc làm đó có ích lợi hay tác hại đến cơ quan hô hấp? Vì sao?

– GV tổ chức cho HS trình bày trước lớp.

– GV yêu cầu HS liên hệ bản thân: Nêu những việc em đã làm để bảo vệ cơ quan hô hấp.

– GV và HS cùng nhận xét và rút ra kết luận.

Kết luận: Để bảo vệ cơ quan hô hấp, em cần vệ sinh sạch mũi và miệng.

Hoạt động 3: Thực hành đeo khẩu trang y tế đúng cách và an toàn

Mục tiêu: HS biết cách đeo khẩu trang y tế đúng cách và an toàn.

Cách tiến hành:

– GV yêu cầu HS quan sát hình minh hoạ các bước đeo khẩu trang trong SGK trang 89, nêu thứ tự các bước đeo khẩu trang y tế.

– GV hướng dẫn và làm mẫu 4 bước đeo khẩu trang y tế đúng cách và an toàn. Hoặc GV có thể cho HS xem video clip hướng dẫn cách đeo khẩu trang.

– HS thực hành đeo khẩu trang theo nhóm đôi.

– GV tổ chức cho HS thực hành trước lớp

– GV và HS cùng nhận xét và rút ra kết luận.

Kết luận: Em cần đeo khẩu trang đúng cách để đảm bảo an toàn cho bản thân.

GV đặt câu hỏi để dẫn dắt HS nêu nội dung trọng tâm của bài học: Để bảo vệ cơ quan hô hấp, em cần vệ sinh sạch mũi và miệng, đeo khẩu trang khi ra ngoài, rửa tay thường xuyên và đúng cách, tránh tiếp xúc với những nơi có khói bụi,…

Hoạt động tiếp nối sau bài học

GV yêu cầu HS về nhà tiếp tục thực hành các bước đeo khẩu trang y tế đúng cách, an toàn và chia sẻ với người thân.

TIẾT 2

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi lại nội dung bài học của tiết học trước.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức cho HS nghe và hát theo lời bài hát "Tập thể dục buổi sáng" (sáng tác: Minh Trang).

– GV dẫn dắt vào nội dung tiết 2.

Hoạt động 1: Chức năng của lông mũi

**** Mục tiêu:*** HS biết được chức năng của lông mũi giúp bảo vệ cơ quan hô hấp.

**** Cách tiến hành:***

– GV yêu cầu HS quan sát hình 8a, 8b trong SGK trang 90 và trả lời câu hỏi:

+ Em nhìn thấy gì trong mũi? Bộ phận đó có tác dụng gì?

+ Khi dùng khăn sạch lau phía trong mũi, em thấy có gì trên khăn?

– GV tổ chức cho HS trình bày kết quả trước lớp.

– GV giúp HS hiểu: Lông mũi có tác dụng như một màng lọc khí, giúp ngăn chặn các tác nhân có hại xâm nhập vào hệ hô hấp. Lông mũi trong mỗi lỗ mũi sẽ lọc nguồn khí hít vào, giúp hạn chế các tác nhân gây hại xâm nhập sâu bên trong gây các bệnh nguy hiểm cho đường hô hấp.

– GV và HS cùng nhận xét, rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Lông mũi có tác dụng giúp ngăn chặn các tác nhân có hại xâm nhập vào hệ hô hấp. Nhờ vậy, cơ quan hô hấp sẽ được bảo vệ.

Hoạt động 2: Hít thở đúng cách

**** Mục tiêu:*** HS biết được việc hít thở đúng cách.

**** Cách tiến hành:***

– GV giới thiệu tình huống trong SGK: Bạn An và bạn Hoà đang trao đổi. Bạn An nói: "Hằng ngày, chúng ta có thể dùng miệng để hít thở thay mũi cũng được". Bạn Hoà nói: "Theo mình, chúng ta nên thở bằng mũi, không nên thở bằng miệng".

– GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm đôi, trả lời câu hỏi: Em đồng tình với ý kiến của bạn An hay bạn Hoà? Vì sao?

– GV quan sát các nhóm thảo luận, gợi mở để HS biết nên thở bằng mũi mà không nên thở bằng miệng vì: Trong lỗ mũi có nhiều lông để cản bớt bụi trong không khí khi ta hít vào. Mũi còn có nhiều tuyến tiết dịch nhầy để cản bụi, diệt khuẩn, tạo độ ẩm. Trong mũi còn chứa nhiều mao mạch để sưởi ấm không khí khi hít vào.

– HS suy nghĩ cá nhân, trình bày ý kiến trước lớp.

– GV và HS cùng nhận xét, rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Em thở bằng mũi, không nên thở bằng miệng.

Hoạt động 3: Xử lí tình huống

**** Mục tiêu:*** HS liên hệ, phân tích và xử lí được tình huống về bảo vệ cơ quan hô hấp.

**** Cách tiến hành:***

– GV giới thiệu tình huống trong hình 10 (SGK trang 91): Hai chị em đang chơi trong phòng khách. Chị gái nhìn thấy bố và bạn của bố đang hút thuốc.

– GV yêu cầu HS đóng vai thể hiện cách ứng xử của em trong tình huống đó.

– GV tổ chức cho HS đóng vai xử lí tình huống trước lớp.

– GV và HS cùng nhận xét, rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Chúng ta cần bày tỏ ý kiến hoặc khuyên bảo bạn bè, người thân để bảo vệ sức khoẻ cơ thể.

Hoạt động 4: Thực hành tập hít thở sâu

**** Mục tiêu:*** HS nêu được sự cần thiết và thực hiện được hít vào, thở ra đúng cách.

**** Cách tiến hành:***

– GV yêu cầu HS quan sát tranh và nêu ý nghĩa của việc hít thở sâu.

– GV hướng dẫn HS thực hành hít thở sâu.

– GV và HS cùng nhận xét, rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Tập hít thở sâu vào buổi sáng giúp cơ thể có sức khoẻ tốt.

GV dẫn dắt để HS nêu được các từ khoá: "Hít thở".

Hoạt động tiếp nối sau bài học

GV yêu cầu HS thực hành hít thở sâu mỗi ngày vào buổi sáng.

Bài 23 Cơ quan bài tiết nước tiểu

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Chỉ và nói được tên các bộ phận chính của cơ quan bài tiết nước tiểu trên sơ đồ, tranh ảnh.

– Nhận biết được chức năng của cơ quan bài tiết nước tiểu ở mức độ đơn giản ban đầu qua hoạt động hằng ngày của bản thân.

– Đưa ra được dự đoán điều gì sẽ xảy ra với cơ thể mỗi người nếu cơ quan bài tiết nước tiểu không hoạt động.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

– GV: Các hình của bài 23 trong SGK phóng to hoặc máy chiếu, sơ đồ cơ quan bài tiết nước tiểu được đánh số, các mảnh bìa vẽ các bộ phận của cơ quan bài tiết nước tiểu.

– HS: SGK, VBT.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

Chân trời sáng tạo

Hoạt động khởi động và khám phá

Mục tiêu: Tạo hứng thú và khơi gợi những hiểu biết đã có của HS về cơ quan bài tiết nước tiểu.

Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm:

+ Em biết gì về cơ quan bài tiết nước tiểu?

+ Vẽ hoặc viết ra dự đoán của em về các bộ phận của cơ quan bài tiết nước tiểu.

– GV mời 2 – 3 HS trả lời.

– GV nhận xét chung và dẫn dắt vào bài học: "Cơ quan bài tiết nước tiểu".

Hoạt động 1: Các bộ phận của cơ quan bài tiết nước tiểu

Mục tiêu: HS chỉ và nói tên được các bộ phận của cơ quan bài tiết nước tiểu trên hình.

**** Cách tiến hành:***

– GV yêu cầu HS quan sát hình 1 trong SGK trang 93 và làm việc nhóm đôi: Chỉ và nói tên các bộ phận của cơ quan bài tiết nước tiểu trong hình.

– GV mời 2 – 3 cặp HS lên chỉ hình trong SGK hoặc hình phóng to trên bảng về vị trí các bộ phận của cơ quan bài tiết nước tiểu trên sơ đồ.

– GV và HS nhận xét và cùng rút ra kết luận về vị trí và tên gọi của một số bộ phận của cơ quan bài tiết nước tiểu.

**** Kết luận:*** Cơ quan bài tiết nước tiểu gồm: thận (thận trái, thận phải), ống dẫn nước tiểu, bóng đái và ống đái.

Hoạt động 2: Thực hành xác định vị trí của thận

**** Mục tiêu:*** HS thực hành để nêu cảm nhận ban đầu về vị trí của thận trên cơ thể.

**** Cách tiến hành:***

– HS thực hiện cá nhân.

– Hai HS ngồi gần nhau sẽ cùng quan sát, đánh giá và hướng dẫn chéo nhau.

– GV tổ chức cho 2 – 3 HS lên thực hành trước lớp.

**** Kết luận:*** Thận nằm trong khoang bụng, ở hai bên cột sống, ngang đốt sống ngực thứ 11 đến đốt thắt lưng thứ 3, thận phải nằm hơi thấp hơn thận trái khoảng 1 đốt sống.

– GV hướng dẫn HS cách bảo vệ thận: giữ ấm lưng và tránh để lưng bị va đập mạnh.

Hoạt động tiếp nối sau bài học

GV yêu cầu HS về nhà vẽ sơ đồ đơn giản về các bộ phận của cơ quan bài tiết nước tiểu.

TIẾT 2

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi những hiểu biết đã có của HS về tên các bộ phận của cơ quan bài tiết nước tiểu.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức trò chơi "Truyền điện" để HS thi kể nhanh tên các bộ phận của cơ quan bài tiết nước tiểu.

– GV nhận xét và dẫn dắt vào nội dung tiết 2.

Hoạt động 1: Chức năng của cơ quan bài tiết nước tiểu

**** Mục tiêu:*** HS nhận biết được chức năng của cơ quan bài tiết nước tiểu ở mức độ đơn giản ban đầu qua hoạt động hằng ngày của bản thân. HS đưa ra được dự đoán điều gì sẽ xảy ra với cơ thể mỗi người nếu cơ quan bài tiết nước tiểu không hoạt động.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức cho HS quan sát hình 3 trong SGK trang 94 (có thể trình chiếu hoặc phóng to tranh).

– Thảo luận cặp đôi theo nội dung các câu hỏi: Nêu chức năng của các bộ phận trong cơ quan bài tiết nước tiểu? Nước tiểu được tạo thành và thải ra ngoài cơ thể như thế nào?

– GV mời 2 đến 3 cặp HS lên trước lớp chỉ hình và hỏi – đáp trước lớp.

– HS và GV cùng nhận xét.

**** Kết luận:*** Thận có chức năng lọc máu để tạo thành nước tiểu, nước tiểu theo ống dẫn nước tiểu từ thận xuống bóng đái, bóng đái chứa nước tiểu sau quá trình bài tiết ở thận và cuối cùng nước tiểu được thải ra ngoài môi trường qua ống đái.

Hoạt động 2: Đố bạn

**** Mục tiêu:*** HS đưa ra dự đoán về hoạt động của cơ quan bài tiết nước tiểu.

**** Cách tiến hành:***

– GV đưa ra câu hỏi:

+ Điều gì sẽ xảy ra đối với cơ thể nếu một trong các bộ phận của cơ quan bài tiết nước tiểu ngừng hoạt động?

+ Khi uống nhiều nước, lượng nước tiểu của con người sẽ tăng lên hay giảm đi? Vì sao?

– Từng cặp HS hỏi – đáp.

– GV mời 2 đến 3 cặp HS trình bày trước lớp.

**** Kết luận:*** Uống nhiều nước thì lượng nước tiểu thải ra sẽ tăng lên, giúp cho quá trình bài tiết các chất thải, độc hại của cơ thể được thực hiện tốt hơn. Nếu cơ quan bài tiết nước tiểu ngừng hoạt động thì các chất thải, chất độc sẽ lưu giữ trong cơ thể và có thể làm cho con người bị tử vong.

Hoạt động 3: Xử lí tình huống

**** Mục tiêu:*** HS đưa ra được giải thích về tình huống liên quan đến hoạt động của cơ quan bài tiết nước tiểu.

**** Cách tiến hành:***

– HS quan sát hình 5a, 5b trong SGK trang 95 và thảo luận cặp đôi.

– Các cặp sẽ hỏi – đáp theo nội dung các câu hỏi: Điều gì xảy ra với bạn Hoà? Hãy giúp Hoà trả lời thắc mắc trong tình huống đó.

– GV mời 2 đến 3 HS lên hỏi – đáp với trước lớp.

**** Kết luận:*** Nước tiểu thường có màu vàng nhạt, khi nước tiểu đổi màu có thể do cơ thể bị bệnh hoặc do ăn uống, sử dụng thuốc. Có một số đồ ăn, nước uống khi vào cơ thể có thể làm thay đổi màu nước tiểu của bạn như: cà rốt ăn nhiều có thể làm nước tiểu có màu cam; thanh long đỏ ăn nhiều có thể làm nước tiểu có màu hồng,... Sự thay đổi màu sắc do thức ăn, nước uống chỉ là tạm thời và thường là vô hại đối với cơ thể.

– GV đặt câu hỏi để dẫn dắt HS nêu nội dung trọng tâm của bài học: Cơ quan bài tiết nước tiểu lọc và thải những chất dư thừa, độc hại ra ngoài cơ thể thông qua nước tiểu.

GV dẫn dắt để HS nêu được các từ khoá của bài: "Bóng đái – Cơ quan bài tiết nước tiểu – Ống dẫn nước tiểu – Ống đái – Thận".

Hoạt động tiếp nối sau bài học

HS chia sẻ với người thân về tên của các bộ phận trong cơ quan bài tiết nước tiểu của con người.

Chân trời sáng tạo

Bài 24 Chăm sóc, bảo vệ cơ quan bài tiết nước tiểu

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Nêu được một số bệnh thường gặp ở cơ quan bài tiết nước tiểu.

– Nêu được sự cần thiết và thực hiện được việc uống đủ nước, không nhịn tiểu để phòng tránh bệnh sỏi thận.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

– GV: Các hình trong bài 24 SGK, phiếu để ghi thời điểm uống nước trong ngày.

– HS: SGK, VBT, hình ảnh, bài viết về bệnh sỏi thận, giấy A4, hộp màu.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi để HS chia sẻ về lượng nước uống mỗi ngày của bản thân, dẫn dắt vào bài mới.

**** Cách tiến hành***:

– GV đặt câu hỏi: Em thường uống mấy cốc nước mỗi ngày?

– GV nhận xét chung và dẫn dắt vào bài học: "Chăm sóc, bảo vệ cơ quan bài tiết nước tiểu".

Hoạt động 1: Tìm hiểu câu chuyện của bạn Nam

**** Mục tiêu:*** HS bộc lộ những hiểu biết, dự đoán ban đầu về các bệnh liên quan đến cơ quan bài tiết nước tiểu.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức HS thảo luận nhóm:

+ Quan sát và nói về nội dung các hình.

+ Bạn Nam có thể bị bệnh gì nếu giữ thói quen sinh hoạt này?

– Một số nhóm HS trình bày.

– HS và GV nhận xét, nhấn mạnh lại các dự đoán của HS liên quan bệnh sẽ xảy ra nếu không chăm sóc, vệ sinh cơ quan bài tiết nước tiểu đúng cách và dẫn dắt sang hoạt động tiếp theo.

Hoạt động 2: Một số bệnh thường gặp ở cơ quan bài tiết nước tiểu

**** Mục tiêu:*** HS nêu được một số bệnh thường gặp ở cơ quan bài tiết nước tiểu.

**** Cách tiến hành:***

– GV yêu cầu HS tạo thành các nhóm đôi.

– GV yêu cầu HS quan sát các hình trong SGK trang 97 và trả lời câu hỏi: Điều gì đã xảy ra với bạn Nam? Bác sĩ đã nói với Nam những gì?

– GV tổ chức cho HS trình bày trước lớp.

– GV và HS cùng nhận xét và rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Cơ quan bài tiết nước tiểu có thể bị viêm, sỏi thận nếu em uống không đủ nước, nhịn tiểu thường xuyên và không giữ vệ sinh cơ thể.

Hoạt động 3: Bệnh sỏi thận

**** Mục tiêu:*** HS biết được một số kiến thức cơ bản về bệnh sỏi thận.

**** Cách tiến hành:***

– GV chia lớp thành các nhóm 4 HS, yêu cầu HS chia sẻ với bạn về bệnh sỏi thận.

– HS sử dụng những hình ảnh, bài viết về bệnh sỏi thận đã sưu tầm được trước đó để chia sẻ thông tin với bạn. Nhóm tập hợp các ý kiến, hình ảnh, bài viết dán vào giấy A4, trang trí khung, tiêu đề cho đẹp và ấn tượng. Nhóm trưởng cử đại diện lên chia sẻ trước lớp.

– GV quan sát, gợi mở để HS nêu được nguyên nhân, triệu chứng, cách phòng ngừa bệnh sỏi thận.

– GV và HS cùng nhận xét và rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Sỏi thận do các chất khoáng có trong nước tiểu lắng đọng lại ở thận lâu ngày tạo thành. Triệu chứng thường gặp nhất là đau quặn thận. Nguyên nhân do chế độ ăn uống chưa khoa học và uống quá ít nước.

Hoạt động 3: Liên hệ bản thân

**** Mục tiêu:*** HS nêu được sự cần thiết và thực hiện được việc uống đủ nước, không nhịn tiểu để phòng tránh bệnh sỏi thận.

**** Cách tiến hành:***

– GV yêu cầu HS rút ra những điều mình học được từ câu chuyện của bạn Nam.

– HS chia sẻ trước lớp.

– GV và HS cùng nhận xét và rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Em cần uống đủ nước, không nhịn tiểu để phòng tránh bệnh sỏi thận.

Chân trời sáng tạo

Hoạt động tiếp nối sau bài học

– GV yêu cầu HS về nhà chia sẻ với người thân về bệnh sỏi thận.

– Tìm hiểu những việc nên làm và không nên làm để giữ vệ sinh cơ quan bài tiết nước tiểu.

TIẾT 2

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi lại nội dung bài học của tiết học trước.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức cho HS dưới hình thức trò chơi "Nhà thông thái".

– GV phổ biến luật chơi: GV chia lớp thành 4 đội. Mỗi đội sẽ cử đại diện lên bảng viết nhanh một số bệnh thường gặp ở cơ quan bài tiết nước tiểu. Trong vòng 2 phút, đội nào viết được nhiều đáp án và đúng thì đội đó sẽ giành chiến thắng.

– GV nhận xét và dẫn dắt vào nội dung tiết 2.

Hoạt động 1: Giữ gìn và bảo vệ cơ quan bài tiết nước tiểu

**** Mục tiêu:*** HS nêu được một số việc cần làm để giữ gìn và bảo vệ cơ quan bài tiết nước tiểu.

**** Cách tiến hành:***

– GV chia lớp thành nhóm có 4 HS, yêu cầu HS quan sát các hình trong SGK ở trang 98 và trả lời câu hỏi: Nên hay không nên làm theo bạn trong mỗi hình? Vì sao?

– GV tổ chức cho HS trình bày kết quả trước lớp.

– HS liên hệ bản thân: Em đã làm gì để bảo vệ cơ quan bài tiết nước tiểu?

– GV và HS cùng nhận xét, rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Hằng ngày, em cần uống đủ nước, không ăn mặn, không nhịn tiểu, tắm rửa sạch sẽ và thay quần áo lót để chăm sóc, bảo vệ cơ quan bài tiết nước tiểu.

Hoạt động 2: Xử lí tình huống

**** Mục tiêu:*** HS liên hệ, phân tích và xử lí được tình huống về bảo vệ cơ quan bài tiết nước tiểu.

**** Cách tiến hành:***

– GV giới thiệu tình huống trong SGK: An đã uống rất nhiều nước, bụng bạn căng phồng lên. Chị của bạn An hỏi: "Sao em uống nhiều nước thế?" và An đáp: "Em nghĩ uống nhiều nước cùng lúc thì cơ quan bài tiết nước tiểu của em càng hoạt động tốt hơn".

– GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Em có đồng tình với ý kiến của bạn An trong tình huống này không? Vì sao?

– HS suy nghĩ cá nhân, trình bày ý kiến trước lớp.

– GV và HS cùng nhận xét, rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Em không nên uống quá nhiều nước cùng một lúc mà nên uống vào nhiều thời điểm trong ngày để cơ thể hấp thụ từ từ sẽ tốt cho sức khoẻ hơn.

Hoạt động 3: Các thời điểm cần uống nước trong ngày

**** Mục tiêu:*** HS biết được những thời điểm cần uống nước trong ngày.

**** Cách tiến hành:***

– GV yêu cầu HS viết ra những thời điểm trong ngày mà bạn sẽ uống nước và chia sẻ với các bạn.

– GV và HS cùng nhận xét, rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Không nên đợi khát mới uống nước, bởi vì khát đã là dấu hiệu báo động cơ thể đang mất nước khá nhiều. Do đó, em nên chủ động uống nước vào nhiều thời điểm trong ngày để tốt cho sức khoẻ.

GV dẫn dắt để HS nêu được từ khoá của bài: "Sỏi thận".

Hoạt động tiếp nối sau bài học

– Trao đổi, chia sẻ với người thân về những việc cần làm để chăm sóc và bảo vệ cơ quan bài tiết nước tiểu.

– Dán bảng ghi các thời điểm uống nước trong ngày vào góc học tập ở nhà.

Chân trời sáng tạo

Bài 25 Ôn tập chủ đề Con người và sức khoẻ

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS củng cố và đánh giá được một số kiến thức của chủ đề Con người và sức khoẻ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

– GV: Các hình trong bài 25 SGK; thẻ chữ (hoặc hình ảnh) ghi tên các việc làm vệ sinh các cơ quan: tập thể dục, uống đủ nước, ngồi học đúng tư thế, không mang vác vật nặng quá sức, đeo cặp sách hai bên vai, ăn uống đủ chất, không nhịn tiểu, vệ sinh cơ thể hằng ngày, hít thở sâu vào buổi sáng, vệ sinh mũi thường xuyên, đeo khẩu trang khi ra đường.

– HS: SGK, VBT.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi để HS nhớ lại những kiến thức đã học của chủ đề Con người và sức khoẻ.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức cho HS cùng đứng lên thực hiện động tác nhún nhảy theo lời bài hát "Tập thể dục buổi sáng" (sáng tác: Minh Trang).

– GV nhận xét chung và dẫn dắt vào bài học: "Ôn tập chủ đề Con người và sức khoẻ".

Hoạt động 1: Hệ thống hoá kiến thức về cơ quan vận động, cơ quan hô hấp và cơ quan bài tiết nước tiểu

**** Mục tiêu:*** HS củng cố, ôn tập kiến thức về các bộ phận chính của cơ quan vận động, cơ quan hô hấp, cơ quan bài tiết nước tiểu.

**** Cách tiến hành:***

– GV chia lớp thành các nhóm 4 HS, yêu cầu HS quan sát sơ đồ trong SGK.

– HS hoàn thành sơ đồ bằng cách viết tên các bộ phận tương ứng của cơ quan vận động, cơ quan hô hấp, cơ quan bài tiết nước tiểu hoặc dán tranh đã vẽ về các cơ quan lên sơ đồ.

Chân trời sáng tạo

– Thảo luận nhóm theo nội dung các câu hỏi:

+ Mỗi cơ quan gồm có những bộ phận chính nào?

+ Nhờ có cơ quan đó, chúng ta có thể làm gì?

– GV tổ chức cho HS trình bày sơ đồ trước lớp.

– GV và HS cùng nhận xét và rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Cơ quan vận động gồm: bộ xương và hệ cơ giúp cơ thể chúng ta có hình dáng nhất định và thực hiện được các hoạt động; Cơ quan hô hấp gồm: mũi, khí quản, phế quản và phổi giúp cơ thể thực hiện quá trình trao đổi khí; Cơ quan bài tiết nước tiểu gồm: thận, ống dẫn nước tiểu, bóng đái, ống đái giúp cơ thể lọc và loại bỏ các chất thải, chất độc hại ra ngoài cơ thể.

Hoạt động 2: Xử lí tình huống

**** Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức về cơ quan bài tiết nước tiểu để giải thích một số tình huống.

**** Cách tiến hành:***

– GV nêu tình huống ở mục 2 trong SGK trang 100.

– HS thảo luận cặp đôi.

– GV mời HS lên trước lớp đóng vai để nêu cách xử lí cho tình huống.

**** Kết luận:*** Uống đủ nước sẽ giúp cho cơ quan bài tiết nước tiểu hoạt động tốt hơn, phòng tránh bệnh sỏi thận. Tuy nhiên, nếu uống quá nhiều hoặc quá ít nước đều không tốt cho cơ quan bài tiết nước tiểu. Nếu uống không đủ nước, thận sẽ không thể duy trì hoạt động lọc máu thải độc ở trạng thái tốt nhất, do đó các độc tố sẽ lắng lại, tích tụ dẫn đến các bệnh về thận (sỏi thận). Nếu uống quá nhiều nước sẽ gây quá tải cho hoạt động của thận, nếu kéo dài có thể làm chức năng của thận bị suy giảm, đi tiểu nhiều, đau đầu, mệt mỏi.

Hoạt động tiếp nối sau bài học

GV yêu cầu HS về nhà tiếp tục thực hiện những việc làm để bảo vệ cơ quan vận động, cơ quan hô hấp và cơ quan bài tiết nước tiểu.

TIẾT 2

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi lại nội dung bài học của tiết học trước.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức trò chơi "Ai nhanh, ai đúng".

– GV chia lớp thành các đội chơi. Trong thời gian 3 phút, lần lượt từng thành viên của mỗi đội sẽ nối tiếp nhau gắn thẻ chữ phù hợp dưới tên các cơ quan sau: cơ quan vận động, cơ quan hô hấp và cơ quan bài tiết nước tiểu.

– GV nhận xét và dẫn dắt vào nội dung tiết 2.

Hoạt động 1: Nhận biết những việc làm giúp bảo vệ cơ quan hô hấp và cơ quan bài tiết nước tiểu

Mục tiêu: HS củng cố ôn tập kiến thức về những việc làm giúp bảo vệ cơ quan hô hấp và cơ quan bài tiết nước tiểu trong cơ thể.

Cách tiến hành:

– GV yêu cầu HS quan sát hình 2, 3, 4, 5 trong SGK trang 101 và thảo luận cặp đôi theo các câu hỏi:

+ Mỗi bạn trong từng hình đang làm gì?

+ Việc làm đó có ích lợi như thế nào?

+ Em đã thực hiện được việc làm giống bạn chưa? Em thực hiện việc đó như thế nào?

– GV và HS cùng nhận xét, rút ra kết luận.

Kết luận: Chúng ta bảo vệ các cơ quan của cơ thể thông qua những việc làm phù hợp, vừa sức hằng ngày.

Hoạt động 2: Đóng vai

Mục tiêu: HS phân tích tình huống để đưa ra cách ứng xử phù hợp liên quan đến bảo vệ cơ quan hô hấp của cơ thể.

Cách tiến hành:

– GV chia lớp thành nhóm có 4 HS, yêu cầu HS quan sát hình 6 trong SGK trang 101 và trả lời câu hỏi:

+ Chuyện gì xảy ra ở bến chờ xe buýt?

+ Nếu em là bạn nhỏ trong tình huống thì em sẽ ứng xử như thế nào?

– GV tổ chức cho HS đóng vai trước lớp.

– GV và HS cùng nhận xét, rút ra kết luận.

Kết luận: Chúng ta cần bày tỏ ý kiến hoặc khuyên bảo bạn bè, người thân để bảo vệ sức khoẻ của cơ thể.

Hoạt động tiếp nối sau bài học

GV yêu cầu HS vẽ một bức tranh hoặc viết một việc làm mà em đã thường xuyên thực hiện tốt để bảo vệ cơ quan vận động, cơ quan hô hấp hoặc cơ quan bài tiết nước tiểu hằng ngày.

Bài 26 Các mùa trong năm

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Nêu được tên và một số đặc điểm của các mùa trong năm: mùa xuân, mùa hè, mùa thu, mùa đông; mùa mưa và mùa khô.

– Lựa chọn được trang phục phù hợp theo mùa để giữ cơ thể khoẻ mạnh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

– GV: Hình trong bài 26 SGK, một số hình ảnh, video clip về các mùa: xuân, hè, thu, đông; mùa mưa và mùa khô.

– HS: SGK, VBT, một số hình ảnh về bốn mùa: xuân, hè, thu, đông; mùa mưa và mùa khô.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi những hiểu biết của HS về những mùa trong năm nơi HS đang sống.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức dưới hình thức hỏi – đáp.

– GV đưa câu hỏi về những mùa trong năm ở địa phương mà HS biết.

– GV nhận xét chung và dẫn dắt vào bài học: "Các mùa trong năm".

Hoạt động 1: Tìm hiểu đặc điểm của bốn mùa

**** Mục tiêu:*** HS nhận biết đặc điểm mỗi mùa qua hình.

**** Cách tiến hành:***

– GV yêu cầu HS quan sát (hoặc GV trình chiếu) hình 1, 2, 3, 4 trong SGK trang 104, 105.

– GV chia nhóm HS, yêu cầu mỗi nhóm thảo luận về từng hình, nêu rõ đặc điểm mỗi mùa trong hình.

– GV đề nghị mỗi nhóm cử đại diện để trả lời câu hỏi trong SGK về mỗi mùa trong hình.

– Cả lớp nhận xét về các câu trả lời của mỗi nhóm.

– GV có thể trình chiếu video clip về từng mùa trong năm để HS dễ dàng rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Một số vùng, miền của nước ta có bốn mùa trong năm. Đó là các mùa: xuân, hè, thu, đông.

Hoạt động 2: Trò chơi

**** Mục tiêu:*** HS liên hệ đặc điểm của mỗi mùa trong năm.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức thi đua giữa các nhóm: GV cho mỗi HS trong nhóm trình bày tranh ảnh đã sưu tầm và đặt câu hỏi với một bạn trong nhóm khác về mùa có trong hình.

– GV nhận xét và tuyên dương các nhóm.

**** Kết luận:*** Mỗi mùa trong năm đều có đặc điểm riêng. Mùa xuân: thời tiết mát mẻ, cây cối tươi tốt, hoa nở rộ. Mùa hè: thời tiết nóng nực, có hoa phượng, hoa sen nở rộ. Mùa thu: thời tiết mát mẻ, có nhiều lá vàng rụng. Mùa đông: thời tiết lạnh giá, cây cối héo úa.

Hoạt động 3: Vẽ một cây vào một mùa mình yêu thích

**** Mục tiêu:*** HS thể hiện qua hình vẽ ý thích của bản thân về cây vào mỗi mùa và qua đó, có nhận thức về đặc điểm của thực vật vào mỗi mùa.

**** Cách tiến hành:***

– Một HS nhận xét về mùa trong hình vẽ cây và giải thích lí do vì sao biết được.

– GV yêu cầu mỗi HS tự vẽ hình về cây vào một mùa mà em yêu thích.

– HS chia sẻ với bạn về bức hình mình đã vẽ. Nói với bạn lí do tại sao lại thích mùa đó.

– GV thống kê số HS trong lớp thích từng mùa và có thể trình bày bảng thống kê trên bảng để HS tập làm quen với bảng thống kê, ví dụ:

Mùa	Xuân	Hè	Thu	Đông
Số HS thích	...	...	...	...

Kết luận: Một số nơi trên Trái Đất có bốn mùa: xuân, hè, thu, đông. Mùa xuân ấm áp, mùa hè nóng nực, mùa thu mát mẻ, mùa đông lạnh giá.

Hoạt động tiếp nối sau bài học

GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu các mùa ở tỉnh Đắk Lắk, Trà Vinh.

TIẾT 2

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi những hiểu biết của HS về những mùa ở một số địa phương của miền Nam nước ta và nhận thức của HS về mùa ở thời điểm hiện tại.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức dưới hình thức hỏi – đáp.

– GV đưa câu hỏi để đánh giá mức độ hiểu biết của HS về mùa hiện tại ở một số địa phương của miền Nam nước ta.

– GV nhận xét chung và dẫn dắt HS vào tiết 2 của bài học.

Hoạt động 1: Giới thiệu về mùa khô và mùa mưa

**** Mục tiêu:*** HS nhận biết ở một số địa phương của miền Nam có hai mùa là mùa khô và mùa mưa.

**** Cách tiến hành:***

– GV yêu cầu HS quan sát hình 7, 8 trong SGK trang 106.

– GV chia nhóm HS, yêu cầu mỗi nhóm thảo luận về nội dung từng hình, trả lời câu hỏi:

+ Bạn Lan đang ở đâu? Trà Vinh thuộc miền nào của đất nước ta?

+ Thời tiết ở Trà Vinh hiện nay ra sao? Khi nào sẽ có mưa?

+ Bạn Minh đang ở đâu? Thời tiết ở đó như thế nào?

+ Như vậy, Trà Vinh có mấy mùa trong năm, đó là những mùa nào?

– GV đặt câu mở rộng: Chúng ta có thể đoán bối cảnh câu chuyện xảy ra vào khoảng tháng mấy trong năm không?

– Mỗi nhóm cử đại diện trả lời các câu hỏi trên.

– GV đề nghị cả lớp nhận xét câu trả lời của mỗi nhóm.

– GV có thể trình chiếu video clip về từng mùa trong năm ở một số địa phương của miền Nam để HS dễ dàng rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Ở một số địa phương của miền Nam nước ta có hai mùa là mùa khô và mùa mưa trong năm.

Hoạt động 2: Đặc điểm của mùa khô và mùa mưa

**** Mục tiêu:*** HS nhận biết đặc điểm của mùa khô và mùa mưa.

**** Cách tiến hành:***

– GV đề nghị lớp quan sát và so sánh đặc điểm giữa hai hình 9 và 10 (SGK trang 106).

– GV đề nghị HS thảo luận nhóm đôi và trao đổi về những đặc điểm của từng mùa nơi bạn Lan ở.

– GV đặt câu hỏi về đặc điểm trong mỗi hình: bầu trời, thời tiết, cây cối,…

**** Kết luận:*** Nơi bạn Lan ở có hai mùa. Mùa khô: bầu trời nắng chói chang, cây cỏ xung quanh nhà vàng úa, đất khô nứt nẻ. Mùa mưa: bầu trời thường hay xám xịt và mưa, cây cỏ xanh tốt, đất ẩm ướt.

Hoạt động 3: Nhận xét về đặc điểm các mùa ở một số địa phương của miền Nam nước ta

**** Mục tiêu:*** HS nhận biết đặc điểm của các mùa ở một số địa phương của nước ta qua hình ảnh.

**** Cách tiến hành:***

– GV cho HS quan sát cặp hình 11a – 11b trong SGK trang 107.

– GV đặt câu hỏi:

+ Tỉnh Đắk Lắk thuộc miền nào của đất nước ta?

+ Thời tiết giữa hình 11a và hình 11b có những điểm gì khác nhau?

– GV chia nhóm HS và đề nghị mỗi nhóm thảo luận.

**** Kết luận:*** Mỗi mùa trong năm đều có đặc điểm riêng. Mùa khô: thời tiết khô ráo, trời nắng chói chang. Mùa mưa: thời tiết ẩm ướt, bầu trời u ám.

Hoạt động 4: Xác định thời gian diễn ra mùa khô hoặc mùa mưa trong năm

**** Mục tiêu:*** HS nhận biết được những tháng trong năm có mùa khô, những tháng có mùa mưa.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức cho HS thảo luận và trả lời câu hỏi: Ở miền Nam nước ta, mùa mưa thường vào thời gian nào trong năm?

– GV yêu cầu HS quan sát hình tờ lịch và trả lời.

(Gợi ý: Mùa mưa thường bắt đầu vào tháng 5 và kết thúc vào tháng 11 trong năm. Thời gian còn lại là mùa khô)

– GV có thể đặt câu hỏi để mở rộng thêm cho HS: Có phải trong mùa mưa, ngày nào trời cũng mưa không?

**** Kết luận:*** Ở một số nơi, một năm có khoảng thời gian mưa nhiều gọi là mùa mưa, thời gian còn lại nắng nóng, mưa ít gọi là mùa khô.

Hoạt động tiếp nối sau bài học

GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu về các loại trang phục phù hợp với mỗi mùa trong năm.

TIẾT 3

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi lại nội dung bài học của tiết học trước.

**** Cách tiến hành:***

– GV yêu cầu HS nhắc lại đặc điểm thời tiết của các mùa trong năm.

– GV đặt câu hỏi: Với đặc điểm thời tiết khác nhau của mỗi mùa, chúng ta có cần thay đổi trang phục để phù hợp với từng loại thời tiết không?

– GV yêu cầu HS kể tên những trang phục mà em sẽ mặc tương ứng cho từng mùa.

– GV dẫn dắt HS vào tiết 3 của bài học.

Hoạt động 1: Nhận biết trang phục phù hợp theo mùa

**** Mục tiêu:*** HS nhận biết cách mặc trang phục phù hợp với thời tiết của mỗi mùa trong năm.

**** Cách tiến hành:***

– GV cho HS quan sát các hình 13, 14, 15, 16 ở trang 108 SGK.

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm theo nội dung câu hỏi: Các bạn trong mỗi hình đã mặc trang phục phù hợp với từng mùa chưa? Vì sao?

– GV có thể đặt thêm câu hỏi mở rộng cho HS:

+ Nếu nơi em đang sống có đủ bốn mùa, em sẽ chọn trang phục như thế nào cho từng mùa?

+ Em hãy kể về những trang phục mà gia đình em thường chuẩn bị khi thời tiết chuyển mùa.

– Đại diện mỗi nhóm trình bày câu trả lời. GV và HS cùng nhận xét, rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Mỗi mùa có một loại thời tiết khác nhau. Em cần mặc trang phục phù hợp với thời tiết từng mùa.

Hoạt động 2: Trò chơi "Chọn trang phục phù hợp"

**** Mục tiêu:*** HS nhận thức được sự cần thiết của việc mặc trang phục phù hợp với thời tiết của mỗi mùa trong năm để chọn trang phục phù hợp.

**** Cách tiến hành:***

– GV chia nhóm và mỗi nhóm lựa chọn một mùa mình yêu thích.

– GV đề nghị mỗi nhóm chọn và phối ghép các trang phục trong hình 17 trang 109 SGK sao cho phù hợp với thời tiết mỗi mùa.

Chân trời sáng tạo

– Mỗi nhóm trình bày kết quả.

– GV và HS cùng nhận xét.

– GV đặt câu hỏi mở rộng: Nếu chúng ta không mặc trang phục phù hợp với thời tiết mỗi mùa thì chuyện gì có thể xảy ra? GV yêu cầu HS cung cấp một số ví dụ cụ thể như vào mùa đông mà mặc áo mỏng thì sẽ bị gì? Mùa hè không mang theo ô (dù) khi đi ra ngoài có thể bị gì?,…

– GV dẫn dắt để HS có thể rút ra được kết luận: Thời tiết của mỗi mùa đều có những đặc điểm riêng. Em cần lựa chọn trang phục phù hợp với từng mùa để giữ cơ thể khoẻ mạnh.

Hoạt động 3: Thi đua cắt, xé, dán trang phục cho các mùa

Mục tiêu: HS tập cắt, xé, dán trang phục mình ưa thích và phù hợp theo mùa.

Cách tiến hành:

– GV yêu cầu mỗi nhóm HS chọn vật dụng cần thiết (theo gợi ý trong hình 18a ở trang 109 SGK) và một loại trang phục ưa thích để thiết kế.

– GV gợi ý HS vẽ lên giấy kiểu trang phục mình chọn lựa, sau đó cắt, xé, dán tạo sản phẩm.

– HS trưng bày các trang phục đã thiết kế.

– GV hướng dẫn HS chấm điểm để chọn các giải nhất, giải nhì, giải ba.

– GV tổng kết và tuyên dương các nhóm.

GV dẫn dắt để HS nêu được các từ khoá của bài: "Mùa đông – Mùa hè – Mùa khô – Mùa mưa – Mùa thu – Mùa xuân".

Hoạt động tiếp nối sau bài học

GV yêu cầu HS về nhà sưu tầm hình ảnh về các hiện tượng thiên tai: bão hay lũ, lụt, hạn hán để chuẩn bị cho bài học sau.

Chân trời sáng tạo

Bài 27 Một số hiện tượng thiên tai

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Mô tả được một số hiện tượng thiên tai.

– Nêu được một số rủi ro dẫn đến các thiệt hại về tính mạng con người và tài sản do thiên tai gây ra.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

– GV: Các hình trong bài 27 SGK, một số video clip về các thiên tai: bão, lũ, lụt, hạn hán.

– HS: SGK, VBT, một số hình ảnh về các thiên tai: bão, lũ, lụt, hạn hán.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi những hiểu biết của HS về các hiện tượng bão, lũ, lụt, hạn hán.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức dưới hình thức hỏi – đáp.

– GV nêu câu hỏi để HS nói những hiểu biết của mình về thiên tai. Ví dụ: HS có thể nói về một số hiện tượng thiên tai mà HS đã chứng kiến hoặc được nghe nói đến.

– GV nhận xét chung và dẫn dắt vào bài học: "Một số hiện tượng thiên tai".

Hoạt động 1: Giới thiệu các hiện tượng thiên tai

**** Mục tiêu:*** HS nhận biết đặc điểm của các hiện tượng bão, lũ, lụt, hạn hán.

**** Cách tiến hành:***

– GV yêu cầu HS quan sát các hình 1, 2, 3, 4 ở trang 110 trong SGK hoặc GV chiếu các video clip cho HS xem.

– GV chia nhóm HS, yêu cầu mỗi nhóm thảo luận về nội dung từng hình, trả lời câu hỏi:

Chân trời sáng tạo

+ Chúng ta thấy thời tiết ở hình 1 như thế nào? Em có nhận xét gì về bầu trời, cây cối, mặt biển? Đây là hiện tượng gì?

+ Trong hình 2, em có nhận xét gì về dòng nước đang chảy? Chuyện gì đang xảy ra với cây cối, nhà cửa trên mặt đất? Đây là hiện tượng gì?

+ Ở hình 3, em có nhận xét gì về quang cảnh nhà cửa, cây cối, vườn tược? Đây là hiện tượng gì?

+ Mặt Trời ở hình 4 như thế nào? Mặt đất và cây cối trong hình có đặc điểm gì? Theo em, thời tiết lúc này là nóng hay lạnh?.

– GV hướng dẫn HS để đi đến kết luận.

**** Kết luận:*** Khi có bão thì trời mưa lớn, gió mạnh và thường có sấm sét kèm theo. Lũ xảy ra khi có dòng nước lớn chảy mạnh, cuồn cuộn. Khi mực nước dâng cao, kéo dài một thời gian thì đó là lụt. Hạn hán xảy ra khi nắng nóng kéo dài, ít mưa.

Hoạt động 2: Đặc điểm các hiện tượng thiên tai

**** Mục tiêu:*** HS nhận biết và sử dụng được một số từ để mô tả đặc điểm của các hiện tượng thiên tai.

**** Cách tiến hành:***

– GV chia nhóm HS và tổ chức thi đua tìm từ phù hợp.

– GV đọc lần lượt các từ: "bão", "lũ, lụt", "hạn hán". Các nhóm thi đua chọn từ tương ứng.

– GV hướng dẫn HS tổng kết và đánh giá thi đua.

**** Kết luận:*** Bão: mưa to, gió mạnh, sấm, chớp. Lũ, lụt: nước dâng cao, sạt lở đất, ngập úng. Hạn hán: thiếu nước, đất nứt nẻ, cây cối khô cằn, nắng nóng kéo dài.

Hoạt động 3: Trưng bày và xếp loại hình ảnh theo nhóm về các hiện tượng thiên tai

**** Mục tiêu:*** HS biết cách sưu tầm hình ảnh từ sách, báo, trên mạng internet về các hiện tượng thiên tai.

**** Cách tiến hành:***

– GV chia nhóm và yêu cầu HS trong mỗi nhóm chia sẻ với nhau về các hình ảnh đã sưu tầm được (ví dụ: nói tên thiên tai, thời gian và nơi đã xảy ra các thiên tai này,…), sắp xếp và trưng bày các hình sưu tầm được của nhóm mình.

– GV tổ chức buổi triển lãm các hình ảnh về các hiện tượng thiên tai.

– HS bình chọn những hình ảnh có ý nghĩa nhất.

– GV hướng dẫn HS kết luận.

**** Kết luận:*** Một số hiện tượng thiên tai như: bão, lũ, lụt, hạn hán,… có thể xảy ra ở một số nơi trên đất nước ta.

Hoạt động tiếp nối sau bài học

GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu những thiệt hại mà các hiện tượng hạn hán, lũ, lụt có thể gây ra.

TIẾT 2

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi lại nội dung bài học của tiết học trước.

**** Cách tiến hành:***

– GV yêu cầu HS nhắc lại các khái niệm "bão", "lũ, lụt", "hạn hán".

– GV dẫn dắt HS vào tiết 2 của bài học.

Hoạt động 1: Các rủi ro, thiệt hại có thể xảy ra do thiên tai

**** Mục tiêu:*** HS đọc thông tin để nhận biết các rủi ro, thiệt hại có thể xảy ra bởi các hiện tượng thiên tai.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức cho HS quan sát các hình 7, 8, 9, 10, 11, 12 trang 112 SGK và đọc thông tin bên dưới mỗi hình. HS chia sẻ với lớp các thông tin về rủi ro, thiệt hại có thể xảy ra bởi các hiện tượng thiên tai: bão, hạn hán, lũ, lụt.

– GV và HS cùng nhận xét, rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Bão gây nguy hiểm cho tàu, thuyền trên biển. Hạn hán kéo dài khiến đất đai khô cằn, thiếu hụt lương thực, thiếu nước sinh hoạt và có thể gây ra cháy rừng. Bão, lũ, lụt gây ngập úng, mất mùa, nhà cửa đổ sập, tắc nghẽn giao thông, nguy hiểm đến tính mạng con người,…

Hoạt động 2: Giúp đỡ những bạn gặp khó khăn do thiên tai

**** Mục tiêu:*** HS nhận thức được tác hại của bão, lũ, lụt và sự đoàn kết, giúp đỡ nhau trong cơn hoạn nạn.

**** Cách tiến hành:***

– GV chia nhóm, đề nghị mỗi nhóm quan sát và thảo luận nội dung câu chuyện được trình bày trong các hình 13, 14 trang 113 SGK.

+ An và các bạn đang thảo luận với nhau về hiện tượng thiên tai gì và đang xảy ra ở đâu?

+ An và các bạn dự định làm gì để giúp đỡ các bạn ở nơi bị thiên tai đó?

– GV đề nghị mỗi nhóm cử đại diện kể lại câu chuyện.

Kết luận: Bão, lũ, lụt gây ra nhiều thiệt hại về nhà cửa, tài sản và tính mạng con người. Các em có thể giúp đỡ những bạn đang bị thiên tai bằng nhiều cách khác nhau (quyên góp tập vở, quần áo, nuôi heo đất,…).

Hoạt động 3: Kể lại một hiện tượng thiên tai đã xảy ra trong thực tế

Mục tiêu: HS kể lại được một hiện tượng thiên tai đã xảy ra trong thực tế và biết chia sẻ với bạn về những thiệt hại do thiên tai đó gây ra.

Cách tiến hành:

– GV yêu cầu HS kể lại một hiện tượng thiên tai đã xảy ra mà HS biết. Chia sẻ với cả lớp về những thiệt hại mà thiên tai này đã gây ra.

– GV có thể mời 1 – 2 HS lên kể và chia sẻ với cả lớp.

– GV tổng kết và hướng dẫn HS kết luận: Các thiên tai gây ra những rủi ro, thiệt hại về tính mạng, tài sản của con người.

GV dẫn dắt để HS nêu được các từ khoá của bài: "Bão – Hạn hán – Lũ – Lụt – Thiên tai".

Hoạt động tiếp nối sau bài học

GV đặt câu hỏi và đề nghị HS tìm hiểu: Ở những nơi hay xảy ra thiên tai như bão, lũ, lụt, chúng ta nên làm gì để phòng tránh thiệt hại?

Chân trời sáng tạo

Bài 28 Phòng tránh rủi ro thiên tai

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

– Nêu và luyện tập được một số cách ứng phó, giảm nhẹ rủi ro khi bão, lũ, lụt xảy ra.

– Chia sẻ với những người xung quanh và cùng thực hiện phòng tránh rủi ro khi có bão, lũ, lụt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

– GV: Các hình trong bài 28 SGK, một số video clip về cách phòng tránh rủi ro, nguy hiểm khi có bão, lũ, lụt.

– HS: SGK, VBT.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi những hiểu biết của HS về các phương pháp giảm nhẹ rủi ro, thiệt hại do các hiện tượng bão, lũ, lụt gây ra.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức dưới hình thức hỏi – đáp.

– GV đặt câu hỏi để khai thác sự hiểu biết của HS về các hiện tượng thiên tai như bão, lũ, lụt.

– GV nhận xét chung và chuyển ý để vào bài học: "Phòng tránh rủi ro thiên tai".

(Gợi ý: GV có thể dẫn dắt vào bài học bằng cách đặt câu hỏi: Chúng ta có cách gì để giảm nhẹ rủi ro, thiệt hại về tài sản, tính mạng do bão, lũ, lụt không?)

Hoạt động 1: Rủi ro khi có bão, lũ, lụt

**** Mục tiêu:*** HS nhận biết một số rủi ro có thể xảy ra khi có bão, lũ, lụt.

**** Cách tiến hành:***

– GV yêu cầu HS quan sát hình 1 trang 114 trong SGK (hoặc chiếu video clip cho HS xem), trả lời câu hỏi: Thời tiết trong hình 1 như thế nào? Các bạn trong hình 1 đang làm gì? Điều gì có thể xảy ra với các bạn này?

Chân trời sáng tạo

– GV hướng dẫn HS để đi đến kết luận: Khi có bão, chúng ta không nên ra ngoài và không nên ở gần biển, dòng nước.

Hoạt động 2: Những việc cần làm khi có bão, lũ, lụt

Mục tiêu: HS nhận biết và thực hiện được những việc nên làm và tránh làm khi có bão, lũ, lụt.

Cách tiến hành:

– GV cho HS quan sát các hình 2, 3 (trang 114 SGK) và 4, 5 (trang 115 SGK), trả lời các câu hỏi:

+ Bạn nhỏ trong hình 2 đang nói gì với mẹ? Tại sao việc theo dõi thông tin về bão là cần thiết?

+ Các bạn trong hình 3 đang làm gì? Rủi ro gì có thể xảy ra cho các bạn?

+ Chuyện gì xảy ra trong hình 4? Gia đình của bạn nhỏ đang làm gì? Vì sao?

+ Trong hình 5, thời tiết bên ngoài như thế nào? Bạn trong hình đang làm gì? Bạn có được an toàn không?

– GV hướng dẫn HS rút ra kết luận: Để phòng tránh các rủi ro, thiệt hại do thiên tai, chúng ta phải cẩn thận và thường xuyên theo dõi thông tin dự báo về thiên tai để kịp thời ứng phó.

Hoạt động 3: Tìm hiểu các vật dụng cần mang theo khi sơ tán

Mục tiêu: HS thi đua xác định những vật dụng cần mang theo khi đi sơ tán tránh bão, lũ, lụt.

Cách tiến hành:

– GV chia nhóm và tổ chức thi đua giữa các nhóm.

– Một nhóm đặt câu hỏi về vật dụng cần thiết, nhóm khác tìm câu trả lời.

– GV tổng kết.

Kết luận: Chúng ta chỉ mang theo những vật dụng cần thiết nhất như: nước uống, túi cứu thương, đèn pin, lương khô,… khi sơ tán tránh bão, lũ, lụt.

Hoạt động 4: Đóng vai

Mục tiêu: HS nhận thức và thực hành được một số kĩ năng cần có khi xảy ra mưa bão, lũ, lụt.

Cách tiến hành:

– GV yêu cầu HS quan sát (hoặc GV trình chiếu) hình 7, 8 trong SGK trang 115 và đề nghị hai HS lên đóng vai.

– Một HS đặt câu hỏi như trong hình và HS còn lại trả lời.

– GV đề nghị HS giải thích câu trả lời của bạn.

Kết luận: Em cần tìm nơi trú ẩn an toàn khi có thiên tai xảy ra.

Hoạt động tiếp nối sau bài học

GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu những phương cách giảm thiểu rủi ro, thiệt hại mà các hiện tượng bão, lũ, lụt có thể gây ra.

TIẾT 2

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi lại nội dung bài học của tiết học trước.

**** Cách tiến hành:***

– GV yêu cầu HS nhắc lại những rủi ro, thiệt hại có thể xảy ra do bão, lũ, lụt.

– GV dẫn dắt HS vào tiết 2 của bài học.

Hoạt động 1: Những việc cần làm để hạn chế rủi ro, thiệt hại do bão, lũ, lụt

**** Mục tiêu:*** HS nhận biết một số việc cần làm để giảm nhẹ các rủi ro, thiệt hại có thể xảy ra bởi các thiên tai bão, lũ, lụt.

**** Cách tiến hành:***

– GV trình chiếu các hình 9, 10, 11, 12 trang 116 trong SGK.

– GV chia nhóm HS và yêu cầu mỗi nhóm thảo luận để giải thích việc làm của mọi người trong mỗi hình và cho biết những việc làm này có lợi ích gì.

+ Thời tiết ở hình 9 như thế nào? Mọi người trong gia đình đang làm gì? Vì sao?

+ Theo em, thiên tai gì đang xảy ra ở hình 9? Việc làm của mọi người trong hình có tác dụng gì?

+ Các chú công nhân ở hình 11 đang làm gì? Việc làm này có tác dụng gì?

+ Tại sao các chú công nhân phải tỉa bớt cành cây ở hình 12? Việc làm này để đề phòng chuyện gì?

– GV hướng dẫn HS rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Mọi người cần thực hiện những việc làm cần thiết để giảm nhẹ các rủi ro, thiệt hại có thể gây ra bởi các thiên tai bão, lũ, lụt.

Hoạt động 2: Việc cần làm trước, trong khi và sau khi có thiên tai

**** Mục tiêu:*** HS nhận thức và thực hiện được những việc cần làm trước, trong và sau khi có bão, lũ, lụt.

**** Cách tiến hành:***

– GV đề nghị từng cặp HS hỏi và trả lời nhanh: Gia đình và bạn cần làm gì:

+ Khi nghe tin sắp có bão, lũ, lụt.

Chân trời sáng tạo

+ Khi bão, lũ, lụt đang xảy ra

+ Khi bão, lũ, lụt đã qua đi

– GV nhận xét và kết luận.

**** Kết luận:*** Chúng ta cần thực hiện những việc làm phù hợp trước, trong và sau mỗi lần có bão, lũ, lụt.

Hoạt động 3: Xác định những nơi trú ẩn an toàn ở địa phương khi có thiên tai

**** Mục tiêu:*** HS liên hệ bản thân để nhận thức và thực hành được việc cần làm khi xảy ra thiên tai ở địa phương, đồng thời biết được những nơi trú ẩn an toàn ở địa phương.

**** Cách tiến hành:***

– GV đặt câu hỏi về những lần bão, lũ, lụt đã từng xảy ra ở địa phương:

+ Thời gian, địa điểm cụ thể. Thiệt hại về tài sản, tính mạng con người như thế nào?

+ Những lần có xảy ra bão, lũ, lụt, các HS và gia đình có phải sơ tán không?

– GV hướng dẫn HS kết luận: Chúng ta cần biết những nơi an toàn và gần nhà nhất để có thể đến đó trú ẩn khi có bão, lũ, lụt.

Hoạt động 4: Trò chơi "Bạn sẽ làm gì khi thiên tai xảy ra?"

**** Mục tiêu:*** HS nhận thức và thực hiện những việc làm phù hợp trong một số tình huống thực tế xảy ra khi có bão, lũ, lụt.

**** Cách tiến hành:***

– GV cho HS quan sát hình 13 trang 117 trong SGK và nêu câu hỏi để HS trả lời: Bạn nữ đứng ở bàn đang hô to điều gì? Trên bàn có những vật dụng gì? Các bạn đeo mũ giấy có chữ hoặc hình gì trên đầu? Các bạn còn lại đang làm gì?

– GV gợi ý để HS nói được tình huống của trò chơi. GV có thể tổ chức trò chơi này cho lớp.

– GV hướng dẫn HS kết luận: Để phòng tránh rủi ro khi thiên tai xảy ra, em và gia đình cần nhanh chóng tìm nơi trú ẩn an toàn; chia sẻ thông tin với mọi người xung quanh để cùng thực hiện.

GV dẫn dắt để HS nêu được các từ khoá của bài: "Rủi ro – Ứng phó".

Hoạt động tiếp nối sau bài học

GV yêu cầu HS ôn tập các bài 26, 27, 28 của chủ đề, sưu tầm hình ảnh về các mùa: mùa xuân, mùa hè, mùa thu, mùa đông, mùa khô, mùa mưa để chuẩn bị cho bài ôn tập.

Bài 29 Ôn tập chủ đề Trái Đất và bầu trời

I. MỤC TIÊU

– Ôn tập và củng cố lại cho HS các nội dung của chủ đề Trái Đất và bầu trời.

– Hình thành và phát triển năng lực vận dụng kiến thức của chủ đề để mặc trang phục phù hợp với thời tiết ở địa phương, biết ứng phó với các thiên tai: hạn hán, bão, lũ, lụt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

– GV: Các hình trong bài 29 SGK.

– HS: SGK, VBT, hình ảnh sưu tầm về mùa: xuân, hè, thu, đông; mùa mưa; mùa khô.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi để HS nhớ lại những kiến thức đã học của chủ đề Trái Đất và bầu trời.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức cho HS nghe và hát theo lời một hát vui tươi có liên quan đến nội dung chủ đề.

– GV dẫn dắt vào bài học: "Ôn tập chủ đề Trái Đất và bầu trời".

Hoạt động 1: Ôn tập về các mùa trong năm ở nước ta

**** Mục tiêu:*** HS ôn lại kiến thức về các mùa trong năm ở các vùng miền khác nhau của nước ta.

**** Cách tiến hành:***

– GV chia nhóm và yêu cầu HS chia sẻ với nhau về nội dung các tranh, ảnh đã sưu tầm về các mùa trong năm (HS chuẩn bị trước). HS chọn tranh, ảnh phù hợp và dán vào sơ đồ có sẵn (như sơ đồ gợi ý ở trang 118 trong SGK) để hoàn thành sản phẩm trưng bày của nhóm.

– GV tổ chức cho HS triển lãm tranh, ảnh về các mùa trong năm.

Chân trời sáng tạo

– HS tham quan và nhận xét.

– GV tổng kết và tuyên dương các nhóm.

– GV hướng dẫn HS để đi đến kết luận.

**** Kết luận:*** Ở nước ta, có những địa phương có bốn mùa (mùa xuân, mùa hè, mùa thu, mùa đông) trong năm và cũng có những địa phương chỉ có hai mùa (mùa khô và mùa mưa) trong năm.

Hoạt động 2: Chọn trang phục phù hợp theo mùa

**** Mục tiêu:*** HS ôn tập về cách chọn trang phục phù hợp với thời tiết của từng mùa trong năm.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức cho HS thi đua nêu tên những trang phục cần thiết theo mùa:

+ Một nhóm HS đọc tên một địa phương trong nước.

+ Một nhóm HS đọc tên một mùa ở địa phương này.

+ Một nhóm HS đọc tên một loại trang phục phù hợp với mùa được nêu ở trên.

– Hoặc GV có thể ổ chức trò chơi ngược lại để HS nhận biết những trang phục cần thiết theo mùa:

+ Một nhóm HS đọc tên một loại trang phục.

+ Một nhóm HS đọc tên một mùa thích hợp với trang phục được nêu trên.

+ Một nhóm HS đọc tên một địa phương trong nước có mùa nêu trên.

– GV hướng dẫn HS kết luận: Chúng ta cần chọn trang phục phù hợp theo mùa để bảo vệ sức khoẻ.

Chân trời sáng tạo

TIẾT 2

Hoạt động khởi động và khám phá

**** Mục tiêu:*** Tạo hứng thú và khơi gợi lại nội dung bài học của tiết học trước.

**** Cách tiến hành:***

– GV tổ chức cho HS hát một bài hát hoặc chơi một trò chơi để tạo tâm thế vui vẻ trước khi vào bài học.

– GV dẫn dắt HS vào nội dung tiết 2 của bài học.

Hoạt động 1: Ảnh hưởng của thiên tai

**** Mục tiêu:*** HS nhận xét và tìm ra những hình phù hợp với hiện tượng hạn hán, bão, lũ, lụt.

**** Cách tiến hành:***

– GV chia nhóm và tổ chức thi đua giữa các nhóm.

– Một nhóm đưa ra chủ đề "hạn hán" hoặc "bão, lũ, lụt", nhóm khác chỉ được hình tương ứng.

– GV đề nghị HS giải thích câu trả lời và tổng kết thi đua.

**** Kết luận:*** Các hiện tượng thiên tai như hạn hán, bão, lũ, lụt có thể gây ra nhiều rủi ro và thiệt hại. Chúng ta cần tích cực giảm nhẹ các rủi ro, thiệt hại đó.

Hoạt động 2: Đóng vai

**** Mục tiêu:*** HS nhận thức và thực hành được một số kĩ năng cần thiết khi xảy ra mưa bão.

**** Cách tiến hành:***

– GV chia lớp thành các nhóm và yêu cầu HS quan sát hình 3 trang 119 trong SGK và trả lời câu hỏi: Nếu em là bạn nam trong tình huống thì em sẽ làm gì?

– GV tổ chức cho HS đóng vai trước lớp.

– GV và HS cùng nhận xét rút ra kết luận.

**** Kết luận:*** Em không nên ra gần vùng có nước lũ vì có thể bị té ngã xuống nước, gây nguy hiểm cho tính mạng.

Hoạt động tiếp nối sau bài học

GV thông báo kết thúc chương trình môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2.

Chân trời sáng tạo



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 2 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

1. TIẾNG VIỆT 2 – TẬP MỘT
   Sách giáo viên
2. TIẾNG VIỆT 2 – TẬP HAI
   Sách giáo viên
3. TOÁN 2
   Sách giáo viên
4. TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 2
   Sách giáo viên
5. ĐẠO ĐỨC 2
   Sách giáo viên
6. ÂM NHẠC 2
   Sách giáo viên
7. MĨ THUẬT 2
   Sách giáo viên
8. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM 2
   Sách giáo viên
9. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2
   Sách giáo viên

Chân trời sáng tạo

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
- **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: http://hanhtrangso.nxbgd.vn

ISBN 978-604-0-25606-5



Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập http://hanhtrangso.nxbgd.vn và nhập mã số tại biểu tượng chìa khoá.

Giá: 28.000 đ